

THÔNG

LUẬN

ISSN 1145-9557

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 124 bis rue de Flandre, 75019 Paris, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web: <http://www.thongluan.org> □ Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Xã luận

Châu Âu chọn định hướng dân chủ xã hội*

Cuộc bầu cử tại Đức ngày 26-9-1998 đã chấm dứt 16 năm cầm quyền của Liên Minh Dân Chủ Thiên Chúa Giáo. Đảng Dân Chủ Xã Hội đã thắng rõ rệt và sẽ phối hợp với đảng Xanh để điều khiển nước Đức trong bốn năm sắp tới.

Thủ tướng Helmut Kohl đã thất bại, đảng của ông thua đậm hơn mọi dự đoán và chính cá nhân ông cũng thất cử ngay tại đơn vị của mình. Có lẽ cuộc khủng hoảng, bất ngờ nhưng nghiêm trọng, của các thị trường chứng khoán Châu Âu đã tăng cường khuynh hướng đòi thay đổi chính quyền nhưng sự thất bại quá nặng của Helmut Kohl quả là một ngạc nhiên. Ông là vị thủ tướng tài ba nhất của Đức từ sau thế chiến II, đã đem lại cho Đức một giai đoạn phát triển mạnh, và nhất là đã thống nhất đất nước trong hòa bình; ông cũng được người Đức và thế giới kính trọng về nhân cách. Nhưng các dân tộc hùng mạnh đều giàu ý chí đổi mới, chính vì thế mà họ đã trở thành hùng mạnh. Những chính quyền kéo dài vài thập niên là đặc tính của các nước lạc hậu. Ở tuổi 68, Kohl chưa phải là già đối với một lãnh tụ chính trị, nhưng ông đã cầm quyền 16 năm, một kỷ lục chưa từng có và có lẽ cũng sẽ không có nữa tại Đức. Cử tri Đức đã chọn lựa thay đổi. Đây cũng là dịp để chúng ta nhận định lại một lần nữa rằng trong một sinh hoạt dân chủ, thất bại không có gì là ô nhục mà chỉ là một bước thăng trầm bình thường trong một quốc gia không ngừng đổi mới. Chắc chắn không ai, tại Đức cũng như trên thế giới, nghĩ rằng ông Kohl không bằng ông Schroder hay Liên Minh CDU-CSU không bằng Đảng Dân Chủ Xã Hội. Vấn đề chỉ giản dị là trong một tình huống mới người dân muốn một lãnh đạo mới.

Sau thắng lợi của Đảng Dân Chủ Xã

Hội tại Đức, có thể nói Châu Âu đã chọn lựa định hướng dân chủ xã hội. Các cuộc bầu cử trong hai năm qua đã lần lượt đem các đảng cánh tả lên cầm quyền tại bốn nước Châu Âu lớn nhất, Anh, Pháp, Ý và Đức, trong khi khuynh hướng dân chủ xã hội đã mọc rễ vững chắc tại các nước Bắc Âu. Tuy nhiên nhận định Châu Âu chọn định hướng dân chủ xã hội cần được nhìn một cách thông suốt hơn. Thực ra, từ sau thế chiến II, mọi nước Tây Âu đều đã là các nước dân chủ xã hội, ngay cả khi phe hữu cầm quyền. Chọn lựa dân chủ xã hội là một thỏa hiệp bất thành văn trong cuộc chạm trán hòa bình nhưng mãnh liệt giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản: nó lấy tự do, dân chủ và kinh tế thị trường của chủ nghĩa tư bản hội nhập với đòi hỏi công bằng xã hội của các đảng cộng sản. Sau sự sụp đổ của khối cộng sản, đa số các đảng cánh hữu Tây Âu đã làm một sai lầm lớn: họ đã hân hoan đắc thắng cho rằng thế giới đã đi vào kỷ nguyên của chủ nghĩa tư bản tuyệt đối và toàn bộ. Họ đang trả giá đắt cho sai lầm cơ bản đó; trong khi các đảng cánh tả đã biết khiêm tốn tự xét lại, họ đã trút bỏ được mọi ràng buộc với chủ nghĩa Mác-Lênin và tìm giải đáp cho bài toán thực sự của mọi xã hội, nghĩa là làm thế nào để đảm bảo liên đới xã hội trong một chế độ dân chủ tư bản. Sự đổi mới suy tư này không bị quàn chúng nhìn như một thái độ đón gió trở cờ bởi vì trong đại bộ phận các đảng cánh tả không cộng sản từ lâu đều đã là những đảng chống cộng về bản chất.

Liên đới xã hội cũng cần thiết như dân chủ và tự do. Nó không những chỉ làm cho xã hội đẹp mà còn bảo đảm sự ổn vững để tiến bộ có thể tiếp tục, nó là khát vọng thầm kín của đa số. Các đảng cộng

sản đã nhân danh chiêu bài công bằng xã hội để tạo ra những chế độ tập thể góm ghiec, khống chế con người và làm tê liệt xã hội, nhưng không phải vì thế mà vấn đề liên đới xã hội không nên đặt ra. Chủ nghĩa Mác là một giải đáp sai cho một vấn đề có thực, chủ nghĩa Lenin một sự bịp bợm thô bỉ nấp đằng sau một giá trị cao quý. Chính vì khẩu hiệu công bằng xã hội có tiếng vọng trong lòng rất nhiều người mà các chế độ cộng sản đã được một phần đáng kể nhân dân thế giới, kể cả những trí thức rất lương thiện và lỗi lạc, tiếp tục ủng hộ sau biết bao tội ác kinh khủng dưới mọi chế độ cộng sản. Bài học thực sự của chủ nghĩa cộng sản đối với loài người là khi một vấn đề cần phải giải quyết mà không được giải quyết thì nó có thể đưa đến những thảm kịch quá sức tưởng tượng.

Châu Âu là cái nôi của cả chủ nghĩa tư bản lẫn chủ nghĩa cộng sản nhưng lại tránh được những đổ vỡ to lớn mà các dân tộc khác phải gánh chịu vì cuộc đụng độ giữa hai chủ nghĩa. Những gì người Châu Âu làm đáng để phần còn lại của thế giới quan sát và rút kinh nghiệm. Sau thế chiến II, họ đã khám phá ra rằng thỏa hiệp và hòa giải là thái độ đúng nhất để giải quyết những bất đồng, và cuối cùng họ đã tiêu hóa được chủ nghĩa cộng sản trong những điều kiện tốt đẹp nhất.

Thắng lợi của các đảng thuộc khuynh hướng dân chủ xã hội không thể được coi như một sự phục hồi ở bất cứ mức độ nào của chủ nghĩa Mác-Lênin, trái lại nó phải được coi là sự chôn cất êm thấm và vĩnh viễn chủ nghĩa cộng sản, sau khi đã tịch thu của nó chiêu bài công bằng xã hội.

Thông Luận

* Xin đừng lầm với "Dân chủ xã hội chủ nghĩa"

Xây dựng một Bretton-Woods mới?

Cuộc khủng hoảng tài chính quốc tế bắt đầu từ châu Á, hiện nay đang tàn phá nước Nga và đe dọa các nước Nam Mỹ, đã đặt lại vấn đề tự do lưu thông của vốn tư bản và sự quá độ của thị trường chứng khoán quốc tế. Một số đề nghị được đưa ra để cải tổ hoặc giúp cho hệ thống này hoạt động một cách tốt đẹp hơn.

Thủ tướng Anh đề nghị kết hợp Ngân hàng thế giới (WB) và Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) làm một đề tăng hiệu năng. Tổng thống Mỹ chủ trương giao trách nhiệm cho G22, một tổ chức gồm có G7 và 15 nước đang lên do Washington chọn. Trong khi đó, chính phủ Pháp yêu cầu xây dựng một Bretton-Woods mới để cải tổ IMF. Điểm đặc sắc của đề nghị này là sự thành lập một nội các chính trị cho IMF, có quyền biểu quyết những định hướng chiến lược. Ngoài ra, những hậu quả về mặt xã hội của các biện pháp quy chính (adjustment) do IMF quyết định phải được xem xét kỹ lưỡng hơn. Khi nói đến IMF trong vai trò lưu động hệ thống tiền tệ quốc tế, sự quy chiếu về Bretton-Woods chỉ có một giá trị biểu tượng lịch sử. Bretton-Woods đã khai sinh ra IMF vào năm 1944, với vai trò cảnh sát trật tự mới của hệ thống tiền tệ quốc tế được đặt nền tảng trên kim bản vị (Gold Exchange Standard) với nguyên tắc hối suất cố định. IMF có trọng trách cảnh giác các nước hội viên không được phá giá đồng bạc của mình một cách thô bạo hoặc mang tính cạnh tranh. Nhưng sau năm 1973, khi chế độ kim bản vị cáo chung, hối suất trở thành nổi. Với thỏa hiệp Jamaica ký ngày 08.01.1976 tu chính thỏa hiệp Bretton-Woods, IMF không còn trọng trách cảnh sát tính hối suất tương đồng đối với vàng, và có vai trò mới là xúc tiến ổn định hối suất và sự lưu động của hệ thống tiền tệ quốc tế. IMF có nhiệm vụ mới là làm sao cho các khoản nợ ngoại quốc của các nước hội viên phải được hoàn trả đúng thời hạn. Đối với các nước gặp khó khăn, một số biện pháp quy chính được đề ra: cho vay với điều kiện

đặc biệt. Các biện pháp quy chính này nhiều khi phải trả với một giá khá đắt về mặt xã hội. Chẳng hạn phải giảm thiểu khoản chi của ngân sách, giải tư các xí nghiệp quốc doanh, giảm thiểu hoặc cắt bỏ các phụ cấp cho một số sản phẩm hoặc xí nghiệp, phá giá đồng bạc....Nghĩa là một số biện pháp chính thống để đem lại cân bằng kinh tế nhưng gây bất lợi cho mãi lực của dân chúng và gia tăng thất nghiệp. Do đó, một số xáo trộn xã hội trầm trọng có thể xảy ra. Đây là lý do thúc đẩy Pháp đề nghị IMF phải xem xét kỹ lưỡng các hậu quả xã hội của các biện pháp quy chính đề ra.

Người ta đã dựa vào những thất bại gần đây của kinh tế Nga chỉ trích sự bất lực của IMF.

Tại Nga, theo thông báo chính thức của Ủy ban thống kê nhà nước, từ khi đồng rúp phá giá do cựu thủ tướng Kiriyenko quyết định vào ngày 17.08.1998, một tháng sau, lạm phát đã lên 67. Ngân hàng trung ương cho biết nếu 20 rúp ăn 1 USD lạm phát sẽ lên 300%, nếu 30 rúp ăn 1 USD, lạm phát sẽ lên 400% vào cuối năm. Trong khi đó, IMF yêu cầu phải hạ mức lạm phát xuống dưới 30% vào năm 1999 thì Nga mới được hưởng thêm 4,3 tỷ USD, trên tổng số tiền vay 22,6 tỷ USD.

Chính phủ đã thiếu nợ công chức 85 tỷ rúp, thiếu những người nghỉ hưu 24 tỷ rúp, tương đương với 7 tỷ USD theo thời giá 15,6 rúp/1USD. Công nhân, công chức và quân nhân đã không được trả lương từ nhiều tháng nay. Công quỹ trống rỗng. Các ngân hàng phá sản, không trả tiền cho khách hàng đã ký thác vốn.

IMF đòi hỏi phải đưa ra một chương trình tái cấu tạo hệ thống ngân hàng bằng cách cứu khoảng 30 ngân hàng nhưng phải phá sản 60 ngân hàng khác. Trong tình trạng hỗn loạn hiện nay, lấy những quyết định như vậy đồng nghĩa với tự sát. Chính cựu thủ tướng Kiriyenko đã bị mất chức vì đã đề nghị với Boris Yeltsin biện pháp tương tự.

Để ổn định đồng rúp, một số cố vấn quốc tế, được IMF ủng hộ, đề nghị thành lập một Hội đồng tiền tệ để kiểm soát khối lượng tiền tệ lưu hành không được lớn hơn số tiền dự trữ tại Ngân hàng trung ương (tính bằng USD). Chính sách này đã thành công tại nhiều nơi, nhưng khó thực hiện tại Nga vì số tiền dự trữ của Ngân hàng quốc gia còn rất ít, vào khoảng 12 tỷ USD. Nếu áp dụng chính sách này, chính phủ phải thu lại một số lớn tiền rúp đang lưu hành cùng như không được phát hành thêm, trong khi đó cần phải có tiền một cách khẩn cấp để trả lương cho công chức, quân đội, công nhân, nếu không muốn họ nổi loạn. Trừ trường hợp IMF và khối G7 chịu giúp cho Nga hàng chục tỷ USD cần thiết.

Thật ra, phải nhìn vấn đề Nga dưới một góc độ khác. Đó là những điều kiện cần thiết để đi từ một nền kinh tế chỉ huy sang một nền kinh tế thị trường. Kinh tế thị trường không thành hình bằng nghị quyết, nhưng đòi hỏi sự có mặt của một đội ngũ doanh nhân có tinh thần trách nhiệm, một số luật lệ về tài chính, ngân hàng. Sau gần một thế kỷ dưới chế độ cộng sản, người công dân Nga mất hẳn tinh thần trách nhiệm, tập hợp doanh nhân là một tập hợp trống, là một con số không to tướng. Có chăng là những băng đảng mafia, đại bộ phận là những cán bộ cao cấp của guồng máy cộng sản cũ, đội lột doanh nhân để làm giàu phi pháp. Không có luật lệ bảo vệ khách hàng khi ngân hàng phá sản. Ngay chính các ngân hàng cũng là băng đảng ăn cướp. Chính phủ mới Primakov đã tài trợ các ngân hàng một số tiền rúp rất lớn để thanh toán cho khách hàng, thì họ đầu cơ, dùng số tiền này đổi sang USD.

Nhìn dưới góc độ này, không phải IMF mà là chế độ cộng sản có trách nhiệm về tình trạng suy sụp hiện nay tại Nga. Chế độ cộng sản đã nuôi dưỡng tinh thần vô trách nhiệm trong quảng đại quần chúng Nga, kể cả người đứng đầu của họ. Boris Yeltsin, đã không chuẩn bị một cách đúng đắn và có phương pháp cuộc chuyển hóa từ kinh tế chỉ huy sang kinh tế thị trường. Tại Nga, kinh tế thị trường đã được áp dụng qua các nghị quyết.

Huỳnh Hùng

Dân chủ sắp thành hình ở Trung Quốc?

Nguyễn Phi Phụng

Sau đại hội lần thứ 15 trong tháng 9-1997, ông Giang Trạch Dân đã trở thành một nhân vật then chốt, hay là một "hạch tâm" của chế độ nói theo người Trung Quốc. Chuyến công du của ông ở Mỹ sau đó được xem là tương đối thành công vì Trung Quốc đã trở thành "người đối thoại chiến lược" của Hoa Kỳ. Trong chuyến công du của tổng thống Mỹ Clinton ở Trung Quốc vào cuối tháng 6, người ta lại thấy một Giang Trạch Dân đàm đối thoại thẳng với một nguyên thủ ngoại quốc ở đài truyền hình về tất cả mọi vấn đề, kể cả vấn đề tự do, dân chủ, nhân quyền, Tây Tạng... Những vấn đề này thường được xem là "húy kỵ" ở trong xứ. Nếu không có nạn hồng thủy trong tháng 7 và 8 vừa qua, ông Giang Trạch Dân đã đi viếng thăm chính thức Nhật Bản và Liên Bang Nga. Ông lại vừa gặp thủ tướng Pháp Jospin trong hai giờ ở Hợp Phi (He Fei), thủ phủ tỉnh An Huy (An Hui) và sắp đón tiếp thủ tướng Anh Tony Blair trong tháng 10 sắp tới. Cũng trong tháng này, hai vị chủ tịch bang giao giữa hai bờ eo biển, các ông Cố Chấn Phủ (Koo Chen Fu) và Uông Đạo Hàm (Wang Dao Han) sẽ gặp lại ở Bắc Kinh sau 3 năm liên lạc bị gián đoạn. Nếu cuộc gặp gỡ này thành công nó sẽ đưa đến cuộc gặp gỡ thượng đỉnh giữa Giang Trạch Dân và Lý Đăng Huy. Ông Giang vừa tuyên bố là ông sẵn sàng đón tiếp ông Huy với bất cứ chức vụ nào ngoại trừ chức tổng thống Đài Loan. Sinh hoạt ngoại giao của Trung Quốc ngày nay đã vượt ngoài khu vực Đông Nam Á để trở thành trọng tâm của thế giới. Ông Giang đã là người tích cực đóng góp cho tình trạng này.

Một xứ đã trở thành "hạch tâm" của thế giới có thể nào giữ mãi một chế độ độc đảng, vẫn đàn áp đối lập dân chủ và chà đạp nhân quyền? Đây là một câu hỏi lớn của giới chuyên gia Âu Mỹ về tiến trình của chế độ Bắc Kinh. Dù không thể trả lời một cách dứt khoát, người ta nhận thấy có một số biến đổi của chế độ theo chiều hướng dân chủ.

Trong tháng qua, báo chí thế giới cho biết chính quyền Bắc Kinh lúc đầu cho phép đối lập dân chủ đăng ký thành

lập đảng ở nhiều nơi để rồi sau đó có một số người bị bắt giữ tạm hoặc bị bắt luôn. Việc cho đăng ký thành lập đảng đối lập là một hiện tượng lạ. Vào cuối thập niên 70, chính quyền nhiều lắm là cho phép dùng bích báo (báo chữ to dán ở trên tường) tại một vài thành phố lớn. Từ cuối tháng 6 đến giữa tháng 9, nhiều nhân vật đối lập dân chủ đã lần lượt xin đăng ký lập đảng ở nhiều thành phố lớn như Bắc Kinh, Thượng Hải, Vũ Hán, Tế Nam, Thanh Đảo, Duy Phường, Hàng Châu, Trường Xuân và ba tỉnh đông bắc (Hắc Long Giang, Cát Lâm, Liêu Ninh). Người ta để ý sự trùng hợp vào cùng một thời điểm và các nhân vật ở các nơi đều xin đăng ký lập "Dân chủ đảng". Đảng này vừa thành lập đầu tháng 3 năm nay và có trụ sở tạm thời ở Nữ Ước (Mỹ) với tên là "Trung Quốc Dân Chủ Chính Nghĩa Đảng". Chủ tịch đảng này là luật sư Vương Văn Giang (Wang Wen Jiang) với nhiều thành viên tên tuổi đã từng tham dự biến cố Thiên An Môn trong năm 1989 và hiện đang lưu vong ở Mỹ như Vương Bính Chương (Wang Bing Zhang), phát ngôn viên, Phó Thân Kỳ (Fu Shen Qi), tổng thư ký, Vương Hy Triết (Wang Xi Zhe), đặc trách đối ngoại, Hồng Triết Thắng (Hong Zhe Sheng), cố vấn...

Phong trào đòi tự do dân chủ trong và ngoài nước phải chăng có sự hỗ trợ của nhóm cánh tân của đảng và nhà nước? Đây là một câu hỏi khiến mọi người đang nhìn về nhóm cựu cánh tân Hồ Diệu Bang, Triệu Tử Dương. Nhóm này đang làm áp lực trên chính quyền. Người ta còn nhớ là vào đầu năm nay, một "cương lĩnh chính trị" được lưu hành trong xứ và được báo chí ngoài nước đăng tải. Người ký tên bản cương lĩnh là ông Phương Giác (Fang Jue), một cựu công chức ban kế hoạch thành phố Phúc Châu (Fu Zhou). Ông được xem là người "cầm bút", đại diện cho một nhóm trong đảng và nhà nước. Trong nhiều tháng ông không bị chính quyền quá nhiều và nghe đâu đã "mất tích" vào đầu tháng 8. Dư luận báo chí cho đây là một xảo quyệt của chính quyền đưa ra để thăm dò ý kiến nhóm bảo thủ và dư luận

quần chúng. Những sự kiện này cần có thời gian để kiểm chứng nhưng điều đáng để ý là chính quyền đã đưa ra một quy ước thống nhất ở các nơi trong việc cho phép đăng ký lập đảng. Quy ước này có bốn điều kiện sau:

- 1) chi phí đăng ký lập đảng là 50 000 nhân dân tệ (lỗi 6000 USD);
- 2) địa chỉ chính thức của trụ sở đảng thành lập;
- 3) lý lịch của chủ tịch, phó chủ tịch, tổng thư ký đảng;
- 4) danh sách của 50 thành viên đầu.

Vào cuối tháng 6 trước khi ông Clinton viếng thăm Trung Quốc, ông Vương Hữu Tài (Wang You Cai) xin lập đảng ở tỉnh Chiết Giang và sau đó bị bắt giữ cùng 13 người ngay sau khi ông Clinton về Mỹ. Lập tức ngay sau đó, một nhóm nhân sĩ lưu vong cùng ký tên gửi kháng nghị cho Giang Trạch Dân và Clinton đòi chính quyền Bắc Kinh phải trả tự do cho ông Vương Hữu Tài và các chiến hữu của ông. Người ta nhận thấy đa số những người này đã ra đi sau sự kiện Thiên An Môn hoặc trong thời gian gần đây. Họ là những người quen thuộc trong đối lập dân chủ như nhà thiên văn học Phương Lệ Chi (Fang Li Zhi), nhà văn Lưu Tân Nhạn (Liu Bin Yan), cựu chủ tịch hội trí thức Bắc Kinh Nghiêm Gia Kỳ (Yan Jiaqi), người chủ trương giải phóng tư duy Quách La Cơ (Guo Luo Ji), cựu giám đốc cải tổ Trần Nhất Tư (Chen Yi Zi) những người tù nổi tiếng Ngụy Kinh Sinh (Wei Jing Sheng), Lưu Thanh (Liu Qing), Vương Đan (Wang Dan) vv...

Đầu tháng 9, ở Tế Nam (Ji Nan), thủ phủ tỉnh Sơn Đông, hai nhân vật Tạ Vạn Quân (Xie Wan Jun) và Lưu Liên Quân (Liu Lian Jun) xin đăng ký được người phụ trách tỉnh đối đãi tử tế và nói chính phủ sẽ "cứu xét" đơn trong thời hạn một tháng. Ở Trường Xuân (Chang Chun) tỉnh Cát Lâm, ông Đường Nguyên Tuyền (Tang Yuan Juan) bị bắt giữ sau khi xin đăng ký. Ông bị bắt giữ vì đã gặp một nhân vật đối lập dân chủ Từ Văn Lập (Xu Wen Li) ở Bắc Kinh.

Cùng lúc đó, ở Vũ Hán, thủ phủ Hồ Bắc, ba nhân vật Trần Trung Hòa (Chen Zhong He), Lô Tân Hoa (Lu Xin Hua), Nhiệm Thu Quang (Ren Qiu Guang) được chính quyền cho đăng ký.

Vào giữa tháng 9 ở Bắc Kinh, ông Nhiệm Uyển Định (Ren Wan Ding) và

ở Thượng Hải ông Diêu Chấn Hiến (Yao Zhen Xian) cũng xin đăng ký. Không may cho hai ông này, chính quyền cho cảnh sát bắt giữ.

Đây là những nhân vật được báo chí Đài Loan hay Hương Cảng nói tới. Còn nhiều trường hợp tương tự ở các nơi khác trong xứ. Sự kiện này chứng tỏ chính quyền Bắc Kinh đã có quy chế rõ rệt về việc lập đảng. Nếu không tại sao lại phải đưa ra 4 điều kiện cho các chính quyền địa phương để cho đối lập đăng ký? Người ta để ý một điều là chỉ có một số bị lưu giữ và chưa có người nào bị kết án. Ngoài ra, người ta lại chú ý đến sự trùng hợp của chuyến viếng thăm chính thức, lần đầu tiên và trong mười ngày, của bà Mary Robinson, đặc trách nhân quyền của Liên Hiệp Quốc. Bà không những được phép đi Tây Tạng để khảo sát về tình trạng nhân quyền ở vùng "tự trị" này mà còn được Giang Trạch Dân, phó thủ tướng Tiền Kỳ Tham và ngoại trưởng Đường Gia Triền (Tang Jia Xuan) tiếp đón. Vấn đề nhân quyền là chủ đề trong cuộc đàm phán song phương và chính quyền Trung Quốc khẳng định với bà Robinson là họ sẽ ký công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị trong tháng 10. Tuy vậy trong thời gian bà ở lục địa hai sự kiện đã xảy ra. Bà Sừ Hải Lan (Chu Hai Lan), vợ của một người đối lập dân chủ Lưu Niệm Xuân (Liu Nian Chun) đang bị tù, xin gặp bà Robinson thì bị chính quyền ngăn cản, đánh đập. Bà Lưu Khánh Yến (Liu Qing Yan hay Nathalie Liu), vợ một người Mỹ và đồng thời là ký giả của đài CBS của Mỹ, cũng bị cảnh sát câu lưu trong hai ngày vì "tội" đã phỏng vấn nhiều nhân vật đối lập dân chủ.

Tại sao Bắc Kinh lại nói ngược nói xuôi như vậy? Có hai giả thiết được đưa ra. Thứ nhất là ban lãnh đạo Trung Quốc chưa thống nhất về đường lối dân chủ hóa. Cho hợp thức hóa đối lập để có dịp đàn áp. Đường lối này đã được Mao áp dụng trong thời kỳ "Trăm hoa đua nở" cách đây 40 năm và bị xem là một thất bại lớn và đã làm trì trệ Trung Quốc trong nhiều thập niên. Trung Quốc ngày nay đã chuyển mình đi vào kinh tế thị trường và lấy lý luận của Đặng Tiểu Bình làm kim chỉ nam. Dem bốn cù soạn lại không những đã lỗi thời mà còn thất sách. Giả thiết thứ hai được nhật báo tài chính Asia Wall Street Journal

đưa ra gần đây nghe có lý hơn. Báo này cho rằng Giang Trạch Dân đã củng cố được địa vị, Trung Quốc đã trở thành người "đối thoại chiến lược" của Mỹ và đồng thời có trách nhiệm trong vùng Đông Nam Á. Do đó Giang Trạch Dân đã cho thành lập một ủy ban nghiên cứu về cải tổ chính trị, về tuyển cử chủ tịch nước, về chế độ đa đảng, về sự phân quyền giữa đảng và quân đội và sự tăng cường nhà nước pháp trị. Tin này bị ủy ban khoa học xã hội Trung Quốc đính chính. Tuy nhiên, những người trách nhiệm của ủy ban đặc trách về lục địa của Đài Loan cho sự đính chính này là để tránh áp lực quần chúng đòi cải tổ chính trị có thể đưa đến hỗn loạn trong xã hội. Những người này trái lại phân tích có bốn lý do mà chính quyền Bắc Kinh bắt buộc phải cải tổ chính trị càng sớm càng tốt.

Trước hết là Bắc Kinh đã rút tĩa bài học Nam Dương vừa qua theo đó sinh viên và học sinh Trung Quốc sẽ có dịp tái diễn vở tuồng Thiên An Môn nhưng lần này sẽ đưa đến sự sụp đổ của chế độ.

Thứ hai là Bắc Kinh hiện nay đã củng cố chế độ trên bình diện chính trị, kinh tế và chính trường thế giới. Cải tổ chính trị lúc này có nhiều thuận lợi. Để lâu tình trạng xã hội sẽ trở nên sôi động do sự điều chỉnh ở các xí nghiệp quốc doanh làm hàng chục triệu người thất nghiệp.

Thứ ba là tiếp tục phát triển kinh tế và đồng thời cải tổ chính trị ở thượng tầng cơ sở. Trong gần một thập niên qua, người dân Trung Quốc đã có dịp bầu người đại diện của mình ở cấp làng xã. Tiếp tục cải tổ chính trị ở thượng tầng cơ sở (cấp huyện, cấp tỉnh, quốc hội, chủ tịch nước) không những được dân chúng ủng hộ mà còn được cộng đồng quốc tế hoan nghênh.

Cuối cùng là ông Giang Trạch Dân phải tu chỉnh Hiến pháp nếu ông muốn ở lại chức vụ chủ tịch nhà nước hơn hai nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ chủ tịch nước của ông sẽ được mãn hạn vào năm 2003.

Bài học của Nam Dương đã làm nhiều nước trong vùng thức tỉnh. Sinh viên học sinh ở Miến Điện dưới sự hướng dẫn của bà Aung San Suu Kyi đang đấu tranh với chính quyền quân phiệt để đi đến dân chủ. Ở Mã Lai, chế độ độc tài của Mahatir cũng đang đi vào

bước đường cùng. Ở các nước cộng sản còn lại, tiếng nói dân chủ xuất phát từ những người trong đảng. Họ đã nhận thức được dân chủ không thể tách rời với phát triển kinh tế. Đây là một hiện tượng mới đáng ghi nhận.

Ở Trung Quốc, như trên đã thấy, áp lực dân chủ ngày càng lớn mạnh. Hai cựu bí thư của hai cựu tổng bí thư đảng Hồ Diệu Bang và Triệu Tử Dương là Lâm Mục (Lin Mu) và Bào Đồng (Bao Tong) lên tiếng công khai đòi dân chủ. Họ còn đưa ra ngoài nước nhiều văn kiện phân tích Trung Quốc phải làm cải tổ chính trị nếu không muốn đi đến sụp đổ. Trung Quốc đang ở vào bước ngoặt của tiến trình dân chủ. Giang Trạch Dân và thủ tướng mới Chu Dung Cơ được cộng đồng thế giới đánh giá cao.

Ông Jospin thủ tướng Pháp, người vừa gặp Giang Trạch Dân, đã đánh giá ông Giang là người "có văn hóa", ham chuộng nhà văn Alexandre Dumas với nhiều quyển tiểu thuyết nổi tiếng như "Les trois mousquetaires" (Ba chàng ngự lâm pháo thủ) hay "Le comte de Monte Cristo". Bộ tiểu thuyết cuối cùng đóng thành phim và đang được chiếu trên truyền hình Pháp. Ông Jospin nói "Một người yêu chuộng Alexandre Dumas như thế không thể là kẻ thù của nhân quyền". Có lẽ những lời lẽ phán xét của ông Jospin về ông Giang Trạch Dân có tính cách ngoại giao nhưng có nhiều hiện tượng cho thấy chế độ đã dao động và bắt buộc phải chuyển hướng.

Sự bắt bớ hay tạm giữ các nhà đối lập dân chủ hiện nay của chính quyền Bắc Kinh có thể gọi là một chiến lược để thăm dò phản ứng nhóm bảo thủ trong đảng và đồng thời dự phòng biến cố trong năm tới nhân dịp kỷ niệm 10 năm sự kiện Thiên An Môn. Ở Trung Quốc, vào mỗi thời đại đều có một nhân vật xuất hiện. Mao Trạch Đông được xem là người đứng ra thống nhất đất nước nhưng cũng có nhiều tội lỗi. Ông Đặng Tiểu Bình là người đã mở rộng kinh tế để đưa Trung Quốc vào một vị thế đáng kể ở chính trường thế giới hiện nay. Giang Trạch Dân sẽ là người mở rộng tự do dân chủ? Nếu ông Giang là người thông minh, ông sẽ trở thành người anh hùng của dân tộc Trung Quốc. Người ta hy vọng lời phán xét của ông Jospin sẽ không sai.

Nguyễn Phi Phụng

Thông Luận 119 - Tháng 10.98

Cách nhìn và cách biết

Nguyễn Minh Cần

Theo dõi chiến dịch "bảo vệ đường lối của Đảng" hiện đang ồn ào nhưng bối rối diễn ra ở trong nước (lúc đầu nó nổi lên trên báo chí của Đảng nhằm chống lại ông Trần Độ, tác giả bài "Tình hình đất nước và vai trò của Đảng cộng sản", mà bản thân tác giả bài ấy không hề được báo nào nêu tên và chính bài văn bị công kích ấy thì cũng không hề được công bố trong nước, tiếp đến nó rộ lên trong các cuộc họp để nghe thông báo của Bộ chính trị đến tận chi bộ, nghe hàng loạt báo cáo viên do Trung ương Đảng tung về các địa phương, tại đó người ta tha hồ bôi nhọ, vu khống ông Trần Độ đủ điều mà ông không có), chúng tôi rừng mình liên tưởng đến chiến dịch rùm beng của Đảng đánh "Nhân Văn - Giai Phẩm" cách đây trên 30 năm. Bây giờ thì ai cũng biết, cái gọi là "vụ án Nhân Văn - Giai Phẩm" là hoàn toàn sai và hàng trăm người vô tội, phần lớn là nhà văn, nhà thơ, nhà báo, nhạc sĩ, họa sĩ, giáo sư đại học... đã bị tù tội, bị trấn áp vô cùng oan uổng.

Chính vì thế khi nhìn thấy hàng chục bài đăng trên báo chí của Đảng cộng sản Việt Nam, như Nhân Dân, Quân Đội Nhân Dân, Tạp Chí Cộng Sản, Sài Gòn Giải Phóng, Văn Nghệ Quân Đội... để chống ông Trần Độ, chúng tôi không thể nén được cái cảm giác ghê tởm trước việc làm không đẹp mắt của những kẻ cầm quyền ở nước ta. Họ đưa bài văn đó ra đấu đá ỏm tỏi mà không dám nói rõ ai là tác giả của nó, vì sợ tên tuổi và tiếng tăm của một trung tướng đã từng vào sinh ra tử nhiều năm trên các chiến trường, một ủy viên trung ương của Đảng qua nhiều khóa, một phó chủ tịch Quốc hội. Họ không dám công bố hàng loạt bài văn đó của ông trên mặt báo để bàn dân thiên hạ phán xét, vì sợ hãi bài đó với luận chứng vững vàng, có sức thuyết phục mạnh mẽ sẽ làm rung động lòng người và làm lung lay ngai vàng của họ. Cách làm không quang minh chính đại, thậm thà thậm thụt, úp úp mở mở của họ chứng tỏ họ

không vững tin vào lý lẽ của họ, chúng tỏ chân lý không thuộc về họ. Và thật là tiếu nhân, họ đã phải dùng đến cái tên của một Hoài Việt bịa đặt nào đấy ở mãi tận California bên Hoa Kỳ để làm viện binh cho đoàn quân tư tưởng của Đảng, đến nỗi nhiều người chính trực trong nước đã lên án việc làm đó của họ. Còn nhớ cách đây không lâu, nhóm cầm quyền nước ta cũng đã hành động tồi tệ như vậy, khi tổ chức một cuộc đấu đá giống hệt cuộc đấu đá này để chống lại mấy bài luận văn sắc bén của ông Hà Sĩ Phu, mà những bài này cũng không hề được công bố trên mặt báo. Không thể thắng Hà Sĩ Phu về lý lẽ, cuối cùng, họ trả thù ông bằng cách bịa ra một vụ tông xe, giật túi của ông, để rồi vu cáo cho ông cái tội mà ông không hề có là "chiếm đoạt tài liệu bí mật nhà nước", rồi bỏ ông vào tù. Hành vi xấu xa ấy của nhóm cầm quyền hồi đó đã bị dư luận xã hội cười chê. Thế nhưng, nhóm mới lên văn... ngựa quen đường cũ!

Trong "Thư Ngỏ" (viết lần đầu ngày 22-5-1998 rồi bị mất cấp, phải viết lại lần thứ hai ngày 20-6-1998) gửi các báo của Đảng, ông Trần Độ đã tỏ thái độ rất minh bạch về cái chiến dịch "bảo vệ đường lối của Đảng" mà Đảng đang tiến hành và đã nói rõ ràng và đầy đủ những quan điểm của ông về các vấn đề được nêu ra. Vì thế, ở đây chúng tôi chỉ xin bàn riêng về một bài báo cao ngạo nhan đề "Cách nhìn và cái biết" của một Nhân Đà (ND) nào đấy đăng trên Tạp Chí Cộng Sản, số 7 năm 1998. Tác giả bài đó cho rằng cách nhìn và cái biết là "hai điểm có tính phương pháp luận", ý nói có tầm quan trọng chi phối việc nghiên cứu và nhận thức khoa học. Chính vì thế, chúng tôi muốn xem cách nhìn và cái biết của ND, cũng là của ban lãnh đạo cộng sản nước ta, thực sự nó như thế nào. Chúng tôi nói như vậy, vì biết rằng bài ký tên ND phải do Ban tư tưởng văn hóa và Bộ chính trị xét duyệt kỹ càng, tức là phải phản ánh cách nhìn và cái biết của nhóm cầm quyền.

Điều trước tiên đập vào mắt chúng tôi là những câu chữ rào trước đón sau, rất giả dối để mở đầu cho bài báo đó, nào là "tình cờ tôi nhận được một bức thư ngỏ", "cũng lại tình cờ tôi được nghe một số đài phương Tây", "thành ra từ không mấy để ý đến chỗ phải đọc kỹ bài viết ấy", v.v... (tr.15). Nói thẳng thắn thì trong mọi chiến dịch của Đảng cộng sản không thể có cái gì là tình cờ, là ngẫu nhiên hết, mọi sự đều đã được sắp đặt trước cả, bài gì, ai viết, nói về vấn đề gì, đăng ở báo nào, lúc nào... ban lãnh đạo Đảng đều xét duyệt cẩn thận và quy định cụ thể. Thế thì việc gì phải giả dối như vậy!

1. Cách nhìn

ND kêu rêu là "tác giả (tức là ông Trần Độ - NMC) đã đưa ra những lời phê phán gay gắt về cách đánh giá tình hình đất nước hiện nay, chung quy lại là phê phán Đảng và Nhà nước không dám nhìn thẳng vào sự thật, chỉ biết thổi phồng thành tích, né tránh sai lầm và khuyết điểm", sự đánh giá tình hình của tác giả chẳng những khác mà còn khác rất xa, thậm chí ngược hẳn với sự đánh giá của Đảng và Nhà nước ta", "tác giả đưa ra có thể nói là một bức tranh tâm tối (tr.15). ND kết luận "vấn đề là ở cách nhìn", rồi cao ngạo dạy cách phân biệt giữa "bình minh và hoàng hôn". Ông Trần Độ nói "phải nhìn thẳng vào sự thật" thì ND lên giọng trích thượng phán: "muốn đánh giá sự thật không chỉ cần có tri thức mà còn cần cả cái tâm" (tr.16).

Trước hết, điều làm chúng tôi ngạc nhiên là sự nghèo nàn về mặt lý luận, về cách lý giải, trình bày quan điểm của ND, trong khi đó thì hơi nhiều những lời buộc tội bóng gió. Khi cao giọng dạy người khác về cách nhìn thì chính ND cũng không đưa ra được những nguyên tắc căn bản nào của một cách nhìn khoa học. Thế mà ND, một kẻ a dua đánh hơi trong cuộc đấu tố "đại hội" như chúng ta đang thấy, còn dám mở miệng nói đến

"cái tâm" với một người như ông Trần Độ. Cái tâm của hạng người đó chỉ là tâm địa của bọn nịnh thần mưu đồ hãm hại những người cương trực.

Bây giờ, xin các bạn hãy xem cách nhìn một vài vấn đề cụ thể mà ND đã nêu ra:

ND phản đối ông Trần Độ coi vụ Thái Bình là "nông dân tự tập hợp lại để chống 'cường hào' mới một cách mạnh mẽ và đều khắp" và nông dân "quay lưng lại với các tổ chức cơ sở Đảng (cùng tức là Đảng) để tự bảo vệ". ND lớn tiếng phản bác: Không đúng, không phải như thế, như thế là sai. Nông dân làm như vậy là để bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ đó (tr. 16). Cách nhìn lộn ngược của ND kỳ quặc như thế đó. Đây là cái thói ngụy biện muôn thuở của những người lãnh đạo cộng sản. Biết rằng cách nhìn đó quá chướng tai gai mắt bạn đọc, ND gắp nó bỏ vào miệng những con người vô danh nào đấy, bằng cách nói rằng "nhiều cán bộ lão thành và cựu chiến binh tâm sự với lãnh đạo trung ương" như thế, và ND còn khéo léo đặt vào miệng những người kia một lời hăm dọa "ai nói là chúng tôi quay lưng lại với Đảng, hay chống Đảng, chúng tôi sẽ không tha cho người đó" (tr. 16). Ghê không! Chúng ta chẳng cần biết những cán bộ lão thành và cựu chiến binh vô danh đó là ai, có thật hay không, mà chỉ cần xem lại báo cáo "Về cuộc khảo sát xã hội học tại Thái Bình cuối tháng Sáu, đầu tháng Bảy năm 1997" của Viện xã hội học Việt Nam (một cơ quan khoa học của Đảng và Nhà nước) thì đủ thấy rõ cách nhìn của ông Trần Độ là hoàn toàn đúng chứ không sai. Báo cáo đó nêu rõ sự thật là "dân phần nọ đã dùng bạo lực, phá trụ sở công an huyện, tấn công bằng gạch đá vào lực lượng an ninh có trang bị xe phun nước và chó béc-giê", "khi trời tối, dân phát hiện có công an trà trộn vào đám đông quần chúng, thế là diễn ra cảnh bi hài, dân hô: cứ xem thẳng nào đi giầy da, sờ vào bụng thẳng nào to, tức là không phải dân, nhằm vào đó mà nện", "họ phá cổng ủy ban huyện làm chủ tịch huyện phải bỏ chạy", "hàng ngàn nông dân nổi dậy đập phá trụ sở ủy ban xã", "họ tràn vào trụ sở ủy ban nhân dân xã và sẵn đuổi cán bộ đang có mặt tại trụ sở, "cuộc bạo động của đám đông hàng nghìn

người rầm rập trên đường lần lượt đi phá, đốt nhà cửa, lấy tài sản của các bộ chủ chốt trong xã, "tính nghiêm trọng của một loạt sự biến đã xảy ra ở một phần lớn các vùng nông thôn thuộc tỉnh Thái Bình", v.v... Đây, nông dân đã bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ tốt đẹp của Đảng như thế đó! Đúng là họ đã quay lưng lại với tổ chức cơ sở Đảng mà... xấp lá cà.

Ông Trần Độ viết: "lời nói nhập nhằng 'kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa'. Giữa hai cái phải chọn một... Lấy sự phát triển kinh tế của đất nước hay lấy định hướng xã hội chủ nghĩa? Câu trả lời sẽ không khó, nếu lấy lợi ích đất nước mà không phải lấy lợi ích của Đảng làm đầu", "Người ta rất lo sợ đầu tư vào các lĩnh vực hoạt động kinh tế vì những cuộc cải tạo kinh tế trước đây cũng như 'định hướng xã hội chủ nghĩa' hiện nay làm cho người ta lo sợ khi bỏ vốn ra". ND phản đối, bảo cách nhìn đó không đúng và giảng giải rằng "vốn trong dân chưa huy động được nhiều là do nhiều nguyên nhân chứ đâu phải vì 'định hướng xã hội chủ nghĩa' mà người ta sợ...". Để chứng minh cho cái sự không sợ đó, ND dẫn chứng là dù Đảng ta "khẳng định Nhà nước ta là Nhà nước xã hội chủ nghĩa, do Đảng cộng sản lãnh đạo, thì vẫn có hơn 160 nước trên thế giới thiết lập quan hệ ngoại giao với chúng ta. Các dự án đầu tư nước ngoài không ngừng tăng lên... để cho tới nay đã có tổng số hơn 31 tỉ USD". Cũng lại là cái cách nhìn lộn ngược của những kẻ chỉ quen thói ngụy biện và đối trá. Lẽ nào ND không biết rằng việc thiết lập quan hệ ngoại giao và việc đầu tư là hai việc khác nhau, và lẽ nào ND lại không biết thực tế tình hình đầu tư nước ngoài hiện nay như thế nào, con số thực tế ra sao mà vẫn cứ còn đối trá?

Xin đưa ra thêm một điểm nữa để chứng minh cách nhìn độc đáo của ND, cũng là của ban lãnh đạo cộng sản hiện nay. ND viết: "Ta nhận sự tụt hậu về kinh tế (lẽ nào các ngài có thể không nhận ra điều đó - NMC), chứ không cho là có sự tụt hậu về chính trị, trái lại khẳng định chế độ chính trị của chúng ta là tiên tiến". Tuyệt vời! Thật là những lời châu ngọc. Chế độ chính trị Việt Nam tiên tiến đến mức nước ta bị xếp

vào hàng những nước nghèo nhất thế giới, dân ta thuộc vào hàng khổ nhất thế giới. Thế thì chế độ chính trị Việt Nam tiên tiến ở chỗ nào nhỉ? Chắc là ở số tù nhân chính trị, tù nhân lương tâm còn nhiều trong các trại tù. Chắc là ở chỗ chính phủ nước ta vi phạm nhân quyền vào loại mạnh nhất trên thế giới và nước ta có cái nghị định 31/CP sặc mùi phát xít cho phép công an, bất chấp tòa án, tự ý quản chế công dân, tự ý mở rộng nhà tù ra cả nước mà không phải nuôi cơm người tù. Chắc là ở chỗ nhà nước ta, xã hội ta có Đảng cộng sản độc tôn nắm quyền toàn diện, cả lập pháp, hành pháp, tư pháp, báo chí, cả quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa và tôn giáo, tất cả đều do Đảng... trị. Đây là cách nhìn mấu mực của kẻ cầm quyền hiện nay. Người dân biết suy nghĩ có thể tự hỏi: không biết những kẻ thốt lên những điều xằng bậy như thế, có còn lương tri hay không?

2. Cái biết

Xin bạn đọc đừng tưởng nhầm cái biết mà ND nói đây là tri thức của nhân loại, mà là cái biết những nghị quyết của Đảng, vì chắc ND nghĩ trong những nghị quyết đó chứa đựng biết bao tri thức tuyệt vời còn nhiều hơn tri thức của toàn nhân loại cơ. Chúng tôi chỉ xin đề cập đến vài vấn đề thôi.

Trước hết, nói "về chiến lược". Sau khi trích dẫn câu của ông Trần Độ: "Chiến lược phát triển kinh tế theo đường lối xã hội chủ nghĩa (mô hình xô viết) trước đây đã đẩy đất nước vào một thảm trạng kinh tế và xã hội, và bây giờ việc theo đuổi "mô hình" những con hổ, con rồng (Hàn Quốc, Thái Lan, Malaysia...) cũng chẳng hứa hẹn điều gì tốt lành cả", ND không trình bày quan điểm của mình mà chỉ cao ngạo viết "sẽ xin không mất thì giờ để tranh luận với tác giả về mô hình", nhưng lại hùng hổ đặt ngay câu hỏi và tự trả lời: "Cốt lõi sự phê phán của tác giả là gì? Là bác bỏ chiến lược phát triển theo đường lối xã hội chủ nghĩa trước đây, cũng bác bỏ cả đường lối đổi mới hiện nay. Tác giả đòi có "một phương án khác", "một đường đi khác" (tr. 17). Câu trả lời đó chính là một lời buộc tội. Mà là lời buộc tội "chết người". Vì nhân dân ta đã chọn con đường xã hội chủ nghĩa" và "yêu chủ

nghĩa xã hội" (những lời rêu rao nhằm tai của kẻ cầm quyền) thì việc bác bỏ đường lối xã hội chủ nghĩa là tội tày trời, là phản động, phản cách mạng, phản quốc, tay sai nước ngoài. Ấn ý của ND trong câu trả lời là thế. Cái lối tranh luận của quyền này chỉ chứng tỏ sự đuối lý.

Không biết ông Trần Độ có ý định bác bỏ đường lối xã hội chủ nghĩa và đòi hỏi một đường lối mới không, nhưng chúng tôi thấy rằng những ai thực sự xót xa với hiện tình đất nước, thiết tha với tiền đồ của dân tộc thì không thấy rằng đất nước ta và dân tộc ta trên nửa thế kỷ qua đã bị Đảng dắt đi nhầm đường. Cho nên việc đòi hỏi phải có một đường lối khác (không phải đường lối xã hội chủ nghĩa kiểu Marx Lenin) là hoàn toàn chính đáng. Cái gọi là chủ nghĩa xã hội của các ngài trong ban lãnh đạo cộng sản thì nhân dân ta trong mấy thập niên đã ném đủ quá rồi, ón quá rồi. Và nó đã bị thực tiễn nước ta bác bỏ. Đứng trên phạm vi thế giới thì cái gọi là chủ nghĩa xã hội đó đã bị lịch sử đào thải, các chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô đã lần lượt sụp đổ thảm hại. Lê nào đến bây giờ vẫn còn có người vì quyền lợi ích kỷ của mình mà đang tâm đưa nhân dân ta vào một cuộc thử nghiệm mới nữa chăng? Mà 80 triệu dân ta nào phải là đàn chuột thí nghiệm cho cam. Và lại, việc dùng chuột thí nghiệm bây giờ cũng đang bị nhiều người có lương tâm trong sáng phản đối. Thế thì lẽ nào những người có lương tâm trong sáng ở nước ta lại cho phép ban lãnh đạo cộng sản thử nghiệm chủ nghĩa xã hội một lần nữa đối với 80 triệu dân ta? Thiết nghĩ rằng, nếu quả thật ông Trần Độ có đòi "một phương án khác", "một đường đi khác" thì điều đó chỉ đem lại vinh quang cho ông mà thôi, vì nó chứng tỏ ông là người có lương tâm trong sáng, biết nghĩ đến nước, đến dân. Lương tâm ông trong sáng hơn rất nhiều so với những kẻ luôn mồm xoan xoét chủ nghĩa xã hội chỉ cốt để trục lợi, để củng cố ghế ngồi của mình trong bậc thang quyền lực.

Còn về đường lối đổi mới khắp khiêng hiện nay thì bác bỏ cũng là điều chính đáng thôi. Cái gọi là đổi mới hiện nay, về thực chất chỉ là sự quay lại cái cũ một cách nửa vời. Mà lạ thật, chỉ mới

quay lại sơ sơ thôi cũng đã đem lại bao nhiêu điều lợi. Điều đó chứng tỏ rằng đường lối xã hội chủ nghĩa của Đảng là sai lầm nghiêm trọng biết chừng nào. Tại sao chúng tôi coi chính sách đổi mới của Đảng là sự quay lại cái cũ? Xin chỉ đưa ra vài thí dụ: ngày trước mỗi nông hộ đều có quyền tự mình định ra công việc sản xuất trên mảnh ruộng của mình, khi Đảng bắt nông dân vào hợp tác xã thì Đảng đã tước đoạt cái quyền đó của nông dân nên sản xuất ngày càng sút kém; khi đổi mới chỉ riêng việc trả lại cái quyền đó cho nông dân thôi cũng đã làm năng suất ruộng đất tăng lên. Một thí dụ khác: dưới thời mốt ma phong kiến, thực dân, dân ta đi lại làm ăn, buôn bán không hề bị ngăn cấm, đến khi Đảng làm chủ nghĩa xã hội thì Đảng lại cấm chợ ngăn sông làm cho kinh tế điêu tàn; khi đổi mới Đảng bỏ sự cấm chợ ngăn sông thì kinh tế dần dần sống lại. Quay lại cái cũ hóa ra là đúng quy luật kinh tế. Nhưng quay lại cái cũ Đảng làm cũng không triệt để. Chẳng hạn ngày trước người dân có quyền sở hữu ruộng đất, rồi bằng một quỷ thuật sửa đổi hiến pháp, Đảng đã tước cái quyền đó của dân, chỉ cho dân có quyền sử dụng ruộng đất mà thôi, còn toàn bộ ruộng đất thì đã quốc hữu hóa; bây giờ đổi mới nhưng vì cái "định hướng xã hội chủ nghĩa" tai vạ mà Đảng vẫn cố lờ đi quyền sở hữu về ruộng đất của dân. Thế mới thấy là cần thiết phải có một đường lối khác để đổi mới thực sự. Nếu quả thật ông Trần Độ có đòi "một con đường đi khác" thì đâu phải là xấu, điều đó chỉ chứng tỏ cái biết sinh động, sáng suốt và tấm lòng thành vì nước, vì dân của ông mà thôi.

Cả về mặt kinh tế lẫn về mặt chính trị, đường lối đổi mới cần phải làm triệt để hơn. Vì khi đứng trước nguy cơ bị sụp đổ, nhóm cầm quyền phải chịu nói lòng chút ít về kinh tế cho dân làm ăn, thế mà họ đã vội kêu àm lên là đổi mới. Cho nên còn nhiều vấn đề kinh tế cần phải đổi mới. Về chính trị thì như mọi người đều biết, nhóm cầm quyền vẫn giữ nguyên trạng nền chuyên chế đảng trị. Nên về mặt này còn phải làm nhiều lắm. Trước hết cần xác định rõ mục tiêu của đổi mới về mặt chính trị. Thiết nghĩ, mục tiêu đó phải xóa bỏ chế độ cực quyền đảng trị, xây dựng chế độ dân chủ

đích thực. Cố nhiên, phải làm dần dần. Trước tiên là xóa bỏ điều 4 trong Hiến pháp hiện hành, tức là xóa bỏ quyền độc tôn của Đảng cộng sản, vì cái quyền đó làm cho chế độ nước ta mang tính chất độc tài đảng trị. Phải dứt khoát từ bỏ chuyên chính vô sản vì nó là cốt lõi của chế độ cực quyền toàn trị. Phải xây dựng nhà nước pháp quyền đích thực, xã hội công dân chân chính bằng cách thực hiện đúng đắn chế độ tam quyền phân lập, xây dựng chế độ dân chủ thực sự. Hãy gạt bỏ "cái trò múa gậy chủ nghĩa" rỗng tuếch và bịp bợm đi (đại loại như những mệnh đề "thực hiện tốt dân chủ xã hội chủ nghĩa", "phát huy quyền làm chủ của nhân dân") mà thực hiện triệt để mọi quyền tự do dân chủ cho nhân dân, thực hiện tôn trọng quyền con người. Do sự đổi mới chính trị, tên nước hiện nay không còn thích hợp nữa, cũng phải đổi mới.

Trong phần nói "về Đảng", thấy rõ ND lúng túng trước những vấn đề ông Trần Độ nêu ra, như vấn đề "đảng trị", "chế độ tập trung dân chủ", "vai trò của chủ nghĩa Marx Lenin". Ông Trần Độ đưa ra những luận điểm như: "Đảng giữ quyền lực độc tôn, không có cơ chế giám sát, không có lực lượng nào giám sát. Đấy chính là nguồn gốc của sự lộng quyền, tham nhũng mà không có một vận động chống đối nào thực hiện được", "Đảng lãnh đạo không có nghĩa là đảng trị", "về thực chất, tập trung quyền lực bao giờ cũng đưa đến chỗ triệt tiêu dân chủ, nhiều lắm dân chủ chỉ trở thành đồ rơm", "giữ vai trò độc tôn của chủ nghĩa Marx Lenin chỉ đưa tới sự trì trệ về trí tuệ". ND không hề đưa ra một lập luận nào để phản bác, mà chỉ la làng ỉn ỏi: "tác giả lại đòi Đảng phải từ bỏ hết các nguyên tắc về tổ chức và tư tưởng của Đảng, đòi phải từ bỏ đường lối chính trị xã hội chủ nghĩa và định hướng xã hội chủ nghĩa, thực chất là đòi hỏi thủ tiêu Đảng và vai trò lãnh đạo của Đảng" (tr.21). Những tiếng lu loa đó cũng chính là những lời buộc tội, những lời hăm dọa của kẻ đuối lý. Chúng báo trước những hành động hèn hạ, quyết liệt sắp tới của Đảng chăng? Nếu nhóm cầm quyền phải cầu viện đến những hành động như thế, chắc chắn là những người trung thực trong Đảng, trong quân đội, trong nhân dân, những cựu chiến

binh, những cán bộ đảng viên đã hồi hưu sẽ lên tiếng mạnh mẽ.

Chúng tôi thiết nghĩ, trong vấn đề này cái biết sáng suốt là nhận thức rõ điều này: vì sự sống còn của mình, Đảng cần phải thực sự đổi mới một cách căn bản. Không phải là cái kiểu "chỉnh đốn Đảng" như những năm qua. Đấy, Thái Bình đã thực hiện ít nhất là hai cuộc chỉnh đốn Đảng như vậy, và cuộc nào cũng được Trung ương khen là làm tốt, thế nhưng nơi nào được trên khen là tốt thì nơi đó nông dân đã nổi dậy chống đối mãnh liệt nhất. Vậy thì đổi mới Đảng thế nào? Đây chính là mối suy tư hiện nay của nhiều cán bộ, đảng viên biết lo lắng cho tiền đồ của Đảng. Chúng tôi thiết nghĩ chỉ có đổi mới một cách căn bản thì Đảng mới có tiền đồ tươi sáng và lâu dài được, vì thế xin mạo muội đề xuất một vài ý kiến sau đây.

Trước hết, trong tư duy mỗi người cần phải gột sạch những giáo điều mác-xít, lê-nin-nít đã bị nhồi nhét bao nhiêu năm rồi, vì chính những giáo điều này đã đưa Đảng vào con đường lầm lạc. Cần khẳng định rõ mục đích cuối cùng của Đảng là xây dựng một nước Việt Nam độc lập, dân chủ, tự do, giàu mạnh để nhân dân Việt Nam được hạnh phúc. Mục đích cuối cùng như vậy là cao quý nhất, là ước mơ tươi đẹp nhất của mọi người có lòng với nước, với dân. Hãy dứt khoát vứt đi cái mục đích cuối cùng và cao nhất của Đảng là xây dựng chủ nghĩa cộng sản, hãy vứt bỏ cái ý đồ xây dựng chủ nghĩa xã hội, bước đầu của chủ nghĩa cộng sản, cũng như vứt bỏ định hướng xã hội chủ nghĩa, những thứ đó loài người tiến bộ đã vứt ra bãi rác của lịch sử rồi. Xin đừng mơ mơ màng màng mà bắt dân ta thử nghiệm lại lần nữa. Hãy quý trọng xương máu, tiền của, sức lực của dân. Hãy gạt bỏ cái chủ nghĩa Marx Lenin xa lạ, sai lầm và không còn sức sống ra khỏi nền tảng tư tưởng của Đảng, mà lấy lòng yêu nước, yêu dân làm nền tảng tư tưởng của Đảng. Lòng yêu nước, yêu dân là truyền thống tư tưởng Việt Nam lâu đời nhất xuất hiện từ khi dựng nước, nó được hun đúc nên bằng sự hy sinh vô bờ của toàn dân tộc suốt mấy nghìn năm lịch sử, nó là sản phẩm tư tưởng của toàn dân tộc

chứ không phải của một cá nhân nào. Thế thì lẽ nào lòng yêu nước, yêu dân lại không phải là nền tảng tư tưởng vững chắc nhất và quý báu nhất đối với một đảng cách mạng chân chính? Với nền tảng tư tưởng đó, chắc chắn Đảng sẽ huy động được sức mạnh cực kỳ lớn lao của toàn dân trong và ngoài nước, chắc chắn sẽ bảo đảm thực hiện thắng lợi mục đích cao nhất nói trên. Cần tuyên bố rõ Đảng là của nhân dân, thu hút vào hàng ngũ mình những người ưu tú trong nhân dân, không phân biệt thành phần dân tộc, giai cấp, tôn giáo, giới tính. Sinh hoạt Đảng phải dựa trên nguyên tắc dân chủ: ý kiến của đa số là quyết định, thiểu số phải phục tùng quyết định của đa số, nhưng ý kiến của thiểu số phải được tôn trọng và có quyền tồn tại; sự bầu cử, ứng cử trong Đảng phải hoàn toàn dân chủ và hoàn toàn tự do; các cấp lãnh đạo phải chịu sự kiểm tra và giám sát của toàn đảng bộ; đảng viên có quyền có những kiến nghị về đường lối chính sách của Đảng, có quyền đưa những kiến nghị đó ra thảo luận ở chi bộ hoặc ở những nhóm đảng viên cùng quan điểm, rồi đưa lên cấp trên đến tận đại hội Đảng xem xét; tại đại hội các đại biểu hoặc nhóm đại biểu cùng quan điểm có quyền đưa ra dự án riêng về các vấn đề đường lối, chính sách ngoài dự án do cơ quan lãnh đạo sắp hết nhiệm kỳ đã đưa ra, và chủ tịch đoàn của đại hội phải đưa dự án đó ra đại hội công khai bàn bạc dân chủ, xem xét cẩn thận; kỷ luật Đảng không cho phép bất cứ cấp lãnh đạo nào theo dõi, đàn áp các đảng viên có ý kiến khác với ý kiến của mình; trong Đảng phải có tập san tranh luận để các quan điểm khác nhau về các vấn đề đường lối, chính sách đều được công khai thảo luận một cách dân chủ, v.v...

Đảng phải thanh lọc hàng ngũ mình bằng cách gạt bỏ những kẻ cơ hội, trục lợi, tham nhũng, đục khoét, độc đoán. Đảng và cán bộ Đảng dứt khoát từ chối mọi đặc quyền, đặc lợi của nhà nước. Ngân sách của Đảng là do sự đóng góp của đảng viên, không được lấy ngân sách nhà nước để chi dùng cho công việc của Đảng. Đảng tự coi mình là một thành viên bình quyền như mọi tổ chức chính trị và xã hội khác trong một xã hội công dân. Quyền lãnh đạo của Đảng có

được nhân dân thừa nhận hay không là do sự đánh giá của nhân dân, cho nên Đảng phải cố tranh thủ sự đánh giá cao của nhân dân, chứ không thể độc đoán áp đặt vai trò lãnh đạo của mình trên nhân dân. Vì mục đích của Đảng đã khác trước nên Đảng cộng sản cần đổi tên, có thể là Đảng nhân dân, Đảng dân chủ, hay một tên nào khác do đại hội Đảng quyết định. Cần triệu tập một đại hội Đảng với cách ứng cử, bầu cử thật sự dân chủ và tự do, không được có bất cứ một sự áp đặt nào từ bất cứ cấp lãnh đạo nào khi bầu cử đại biểu, cũng như khi thảo luận và quyết định về các dự án khác nhau của việc đổi mới Đảng, v.v... Những điều vừa trình bày chỉ mới là những nét phác thảo gợi ý, mong rằng bạn đọc xa gần, trong ngoài nước cùng nhau suy nghĩ.

Khi bàn về bài "Cách nhìn và cái biết" đã đăng trên Tạp Chí Cộng Sản, chúng tôi mong được góp một số ý kiến chân thành và thẳng thắn trên đây. Chắc chắn là nhóm cầm quyền và tay chân họ sẽ la ó lên là chúng tôi có ý đồ "thủ tiêu Đảng và vai trò lãnh đạo của Đảng", như họ đang buộc tội ông Trần Độ. Họ đưa ra lời buộc tội hồ đồ đó, chẳng qua chỉ vì họ cảm thấy ngôi vị của họ sẽ tuột mất dưới bàn tọa chai sần của họ do ngòi lý quá lâu trên cái ghế quyền lực. Thẳng thắn mà nói, chúng tôi không muốn nước ta có một Đảng độc tài, độc đoán đề đầu, cưỡi cổ dân ta bằng chuyên chính vô sản, một Đảng độc tôn thống trị đất nước và xã hội bằng điều 4 của Hiến pháp, mà chúng tôi rất mong Đảng hiện nay sẽ tự nguyện trở thành một lực lượng dân chủ lành mạnh, năng động, hiền hòa, khiêm tốn, thực sự có ích cho nước, cho dân. Như thế thì Đảng mới tồn tại lâu dài được. Và chúng tôi tin chắc rằng số đông cán bộ, đảng viên trung thực của Đảng cộng sản, khi bình tâm suy ngẫm kỹ càng, sẽ thấy rằng chỉ có thực sự đổi mới Đảng một cách căn bản thì Đảng này mới có hy vọng còn có thể đóng góp tích cực và hữu hiệu vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân và do đó còn có thể được nhân dân tin cậy.

Nguyễn Minh Cần
(23/8/98)

Một bước đầu trên đường dài tự do dân chủ?

Nghiêm Phong Tuấn

Nhà nước Việt Nam mới trả lại tự do cho trên năm ngàn người, trong đó có một số tù nhân chính trị. Đặc biệt tiêu biểu cho toàn thể các tù nhân chính trị mà chúng ta luôn luôn ăn cần tưởng nhớ, không phân biệt xa gần, là giáo sư Đoàn Viết Hoạt và bác sĩ Nguyễn Đan Quế mà toàn thể anh em Thông Luận biết đến nhiều hơn.

Trước hết, đây là một niềm vui lớn trong lòng chúng ta, vì một số người vô tội đã được trở lại một khung cảnh sống bình thường. Những vết thương tinh thần và xác thịt, ít nhiều tùy người, cũng sẽ còn cần thời gian để được hàn gắn. Sau đó, đây là một thắng lợi lớn cho Tổ Quốc Việt Nam, trên con đường tranh đấu để đưa xã hội ta đến trình độ văn minh của các nước văn minh trên thế giới.

Thắng lợi này đã đạt được do sự hy sinh của những người đã dấn thân vào cuộc, và đã chịu nhận cảnh sống cùng cực trong tù để đất nước ngày mai được thêm tươi sáng. Thắng lợi đã đạt được do sự tranh đấu của các lực lượng dân chủ trong và ngoài nước, do sự ủng hộ đa dạng của những lực lượng dân chủ của các nước văn minh trên thế giới. Cuộc thắng cũng nhờ ở sự đấu tranh với chính mình của nhà cầm quyền nước nhà.

Nhà cầm quyền Việt Nam có ản ý gì, có đi một nước bài nào, ta không cần biết. Ta hài lòng nhận rằng bước đi này nó khác với những bước đi phản văn minh của nhiều nước giáo điều trên thế giới. Sự trả lại tự do cho một số đồng tù nhân chính trị là một bước tiến trên con đường lịch sử của dân tộc.

Đây là một thắng lợi của toàn dân, chứ không ai bị đánh bại. Bị đánh bại là sự độc ác và là nạn thiếu tầm nhìn lịch sử. Một điểm son cho Nhà nước Việt Nam, với hy vọng sẽ còn nhiều điểm son khác.

Sau ba mươi năm chiến tranh, người dân Việt Nam cần có sự an ninh để sinh sống. Vì thế chúng ta không hưởng ứng những hành động từ ngoài nước đưa

vào, nhằm mục đích phá an ninh của người dân. Nhiều người trong số tôi quen biết không chống đối chính phủ, không chống đối Nhà nước trên nguyên tắc, nhưng tất cả triệt để chống đối những hành vi đi ngược lại với những tiêu chuẩn của một xã hội văn minh và công bằng. Chúng ta triệt để chống đối những hành vi đó, ngày nay, ngày mai, bất cứ bao giờ, dưới bất cứ một chính thể nào. Chúng ta cũng mong muốn làm được gì cho đất nước.

Quốc phá sơn hà tại

Câu thơ của Đỗ Phủ. Các tù được dùng đều đã nhập vào Việt ngữ, không cần dịch. Đất nước vẫn còn đó. Nhưng khi thấy thế giới rầm rập tiến thì mình cũng không khỏi sốt ruột.

Nhưng muốn làm gì cho đất nước thì cũng phải cộng tác với anh chị em bên nhà. Trong những mối quan hệ đó, vấn đề chính trị thật cũng xa xôi (nó xa xôi vì mình không cần nói đến, công việc cũng tiến được). Quan niệm chính trị của người đối thoại với mình thế nào, mình không cần đi sâu vào lắm. Thật ra, anh chị em nào ở trong một cơ quan nhà nước, hoặc ngay cả ở trong một viện khoa học hay một trường đại học quốc gia, mà có đủ chức vụ để gặp mình, thì dĩ nhiên phải có chân trong đảng Cộng Sản. Nhưng trong công việc, hoặc khi ăn nhậu, câu chuyện thì cũng thế thôi, không có gì khác biệt với các anh chị em nguy nhà mình. Chỉ có cái giọng nói hơi sắc một tí. Đây là nói các anh chị em người Bắc bây giờ, vì người Bắc đã vào Nam hồi 1954 mà mình quen, thì tiếng nói có pha một tí giọng Nam, nghe có vẻ dịu hơn. Mối quan hệ với các anh chị em bên nhà, chỉ có thế thôi.

Nhưng thế cũng đã là cộng tác với Nhà nước. Cộng tác với một nhà nước mà tay sau vẫn giam cầm những người vô tội, thì lòng ta không khỏi day dứt. Vì thế nên vụ Nhà nước phóng thích cho một số tù nhân đã làm cho lòng những người đang, hoặc có dự định, cộng tác với anh chị em bên nhà, được nhẹ đi nhiều. Lòng ta nặng nhẹ bao nhiêu, là

tùy theo tỷ lệ số người còn bị giam cầm vì lý do tư tưởng.

Trên con đường đi tới một xã hội văn minh, có lẽ bước đầu là khó nhất. Đường còn dài, nhưng khẩn cấp là phải giải quyết cho trọn vẹn vấn đề những tù nhân chính trị. Khi nào nước nhà không còn một người ở trong nhà tù vì một phát biểu bất bạo động, thì một giai đoạn rất là quyết định sẽ được vượt qua.

Rồi ra ta còn phải cố tiến lên nền dân chủ cộng hoà. Cộng hoà ta đã có từ khi Hoàng Đế Bảo Đại thoái vị, năm 1945. Đa nguyên là mục đích tranh đấu của chúng ta. Nhưng dân chủ dưới bất cứ một hình thức nào, đối với chúng ta, cũng đã là một bước đường dài.

Đồng bào ngày nay chắc đã mệt mỏi; ít ai mà có thể sẵn sàng tuốt gươm vùng lên, dưới bất cứ một ngọn cờ nào, để mang lại tự do dân chủ cho đất Việt yêu dấu ngàn năm của chúng ta. Mà ta cũng mong sẽ không phải đi đến nước cùng như vậy. Người dân hay tuổi trẻ có nổi dậy cũng là vì không còn cách khác. Thay đổi trong an ninh trật tự bao giờ cũng hơn. Lịch sử luôn cho ta thấy rằng những cuộc cách mạng đổ máu bao giờ cũng là những bước giật lùi cho xã hội. Một sự đảo lộn hung bạo có thể có tác dụng tích cực là đập tan những tập quán ngăn cản sự cải tổ cần thiết. Đặc biệt, do những sự thay đổi lớn lao trong đời sống hàng ngày, sự đảo lộn trong xã hội có tác dụng làm cho người dân sẵn sàng thu nhận những tư tưởng mới, mà phải được phổ biến trong dân gian thì xã hội mới cải tiến được. Nhưng các nhà cách mạng thường biết chiến đấu chứ không biết trị dân, do đó họ hay đi quá trớn, gây cho xã hội những tổn thương mà những bước tiến về sau cần phải nhiều thời gian mới gỡ lại được. Tự quan điểm cá nhân thì những sự đảo lộn trong xã hội của một cuộc cách mạng bao giờ cũng mang lại biết bao nhiêu thảm họa cho nhiều người vô tội.

Cuộc Cách Mạng năm 1789 của Pháp có tác dụng phổ biến trong dân Tây Phương những tư tưởng của các nhà

triết học thế kỷ thứ mười tám, về quyền của con người và về tổ chức dân chủ của xã hội. Nói cho đúng, những tư tưởng này được đưa vào thực tế bắt đầu từ bản Tuyên Ngôn Độc Lập của người Mỹ. Người Mỹ gọi cuộc khởi nghĩa giành độc lập của họ là Cách Mạng, Revolution. Đây là một cuộc cách mạng thành công, vì nó không có sự tàn sát lẫn nhau giữa người Mỹ. Hậu quả là sau hai trăm năm, nước Mỹ đã trở thành nước thịnh vượng giàu có mà ta thấy ngày nay. Nhưng hồi bấy giờ, đối với Âu Châu, nước Mỹ là một xứ xa lạ. Công trình phổ biến những tư tưởng mới về công bằng, tự do trong dân gian các nước Âu Châu là của người Pháp, qua hơn hai mươi năm chinh chiến làm đảo lộn xã hội của các nước bị họ xâm chiếm.

Nhưng cuộc Cách Mạng năm 1789 đã gây rất nhiều tổn thất cho nước Pháp. Trong hải quân thì kết quả đã đến ngay tức khắc ; vì ngành này đòi hỏi nhiều về khả năng kỹ thuật, đào tạo cấp chỉ huy đòi hỏi thời gian, nên khi các sĩ quan trong ngành, đều là gốc quý tộc, bỏ ra đi thì lực lượng của Pháp sa sút ngay tức khắc. Trong giai đoạn lịch sử bấy giờ, người Pháp đã thất bại nặng nề trên mặt biển. Nhưng đó chỉ là một khía cạnh nhỏ của sự thoái hoá mà cuộc Cách Mạng đã đem lại cho nước Pháp. Qua ba mươi lăm đời vua, dòng họ Capet đã càn cù xây dựng nước Pháp. Trong việc mở mang bờ cõi, họ thi hành một chính sách rất dè dặt ; mỗi đời chỉ chiếm thêm vài tỉnh, rồi lại yên, cho dân hồi sức rồi mới đi thêm bước nữa. Họ am hiểu cái lực trường phúc tạp chằng mạng giữa các nước Âu Châu từ xưa. Một thiên tài Napoléon tới. Chỉ trong chốc lát, cái kho tàng nghị lực mà nước Pháp đã tích lũy trong ngót ngàn năm, bị tung ra phung phí. Chỉ để đạt được mấy chiến công lừng lẫy thật, nhưng không có ngày mai. Những chiến công của Napoléon được lập nên trong cuộc xâm chiếm nước người. Không thể bì với chiến công của mình, từ đời Ngô Quyền, vừa oanh liệt, vừa hợp lẽ trời. Vì ta chiến đấu để bảo vệ non sông của ta :

Nam quốc sơn hà Nam đế cư

Lý Thường Kiệt có tiến quân vào lãnh thổ Trung Hoa thì cũng chỉ để chặn trước một cuộc xâm lăng đang chuẩn bị. Sau Napoléon, nước Pháp đã đi vào con

đường thoái hoá, cả về vật chất lẫn tinh thần. Có thể là những thất bại về sau của Pháp trong cuộc tranh đua với Đức cũng là hậu quả của sự thoái hoá tinh thần sau cuộc Cách Mạng năm 1789 ; đơn vị đo lường trong những biến chuyển của lịch sử phải là hàng chục hay hàng trăm năm. Đương đầu với Cách Mạng Pháp, người Anh đã toàn thắng. Và không cần cách mạng đẫm máu, trong vòng một trăm năm, họ đã đi đến một nền dân chủ có thực chất hơn là của người Pháp.

Ta phải đi đến dân chủ một cách ôn hoà. Nhà nước phải tự mình cố gắng thêm vài bước nữa. Đối với những lực lượng cấp tiến, cuộc tranh đấu cho dân chủ không như cuộc tranh đấu cho tù nhân chính trị. Không còn tù nhân chính trị, lòng ta không còn phần nợ trước hình ảnh mình tưởng đến của những người mình tôn trọng, đang sống quần quai trong ngục.

Dân chủ, ta cần phải có. Thủ tướng Phan Văn Khải, khi qua Âu Châu mới đây đã tuyên bố rằng Việt Nam sẽ có dân chủ khi nào được giàu có. Hoan hô. Cứ nhìn lấy khía cạnh tích cực trong lời tuyên bố, ta hãy ghi nhận là Thủ tướng cũng tin rằng dân chủ ta sẽ phải có, cũng như ta phải có sự mở mang và sự giàu có.

Dân chủ là tổ chức chính quyền của một xã hội văn minh. Trên nguyên tắc, dân chủ là một tổ chức chính quyền hợp với lẽ phải. Trong xã hội, mọi người, ở ngoài hay ở trong tổ chức nhà nước, không có lý do gì mà không được quyền phát biểu như nhau về những vấn đề có ảnh hưởng đến cuộc sống của mình. Trong thực tế, và ngay trước mắt, ta cần gấp phải có một nhà nước dân chủ, pháp trị và bảo đảm nhân quyền, vì đó là tiêu chuẩn của một xã hội văn minh. Đáp ứng được tiêu chuẩn đó, ta mới có thể làm bạn được với các nước dân chủ.

Ta cần gấp đến sự giúp đỡ của các nước dân chủ, cũng là các nước văn minh, giàu mạnh, và có vũ khí hạt nhân trong thế giới ngày nay.

Thứ nhất, ta cần sự giúp đỡ trong việc đào tạo cấp lãnh đạo ngày mai. Nếu có dân chủ, ta sẽ là bạn của các nước Tây Phương, và sẽ được sự giúp đỡ của họ, không những của nhà nước, mà còn cả của tư nhân. Ở một nước như nước Mỹ, khả năng kinh tế của tư nhân còn hơn gấp bội khả năng của nhà nước.

Ta cũng cần đến sự giúp đỡ của các

nước văn minh trong công cuộc mở mang và phòng thủ nước nhà. Có dân chủ, ta có thể ký kết mọi hiệp ước về kinh tế và về quân sự với các nước dân chủ Tây Phương : Mỹ, Úc, Âu Châu. Và trên hết, ta sẽ được sự ủng hộ của dư luận các nước này. Dân chủ là như thế : dù có ký kết, không một chính phủ nào của một nước Tây Phương sẽ nhúc nhích, khi sự sống còn của ta bị đe dọa, nếu ta không có sự ủng hộ nhiệt tình của dư luận nước họ.

Thời gian của lịch sử ngày nay đang tăng tốc độ. Có dân chủ để nhận sự bảo trợ của các nước bạn dân chủ Tây Phương là một điều khẩn cấp.

Nghiêm Phong Tuấn

Giới thiệu sách

"*Gà cùng một mẹ...*" là tác phẩm thứ ba của nhà báo Bùi Tín ở hải ngoại, sau "Hoa Xuyên Tuyết" và "Mặt Thật", do nhà xuất bản Thiện Chí ở Đức phát hành. Sách dày 180 trang, khổ A4, bìa giấy láng trắng đen, trình bày trang nhã, 25 ảnh.

Nội dung quyển sách bao gồm:

- những câu trả lời cho gần một trăm câu hỏi của các cựu chiến binh Việt Nam, Hoa Kỳ, Canada, Úc... về cuộc chiến tranh Việt Nam, về bản chất của chiến tranh, khả năng của sĩ quan, binh sĩ các bên, về các chiến dịch và sự kiện lớn, về nguyên nhân thắng và bại của mỗi bên...

- những suy tư về hiện tình đất nước, về thế và lực đấu tranh giành tự do dân chủ, về hòa giải và hòa hợp dân tộc, về những vấn đề cần đối thoại, về vai trò của người Việt ở hải ngoại...

Một quyển sách gọi lên nhiều suy nghĩ mới mẻ, mở ra những cuộc thảo luận sôi động đi tới lẽ phải và đồng thuận. Một cuốn sách không thể thiếu đối với mỗi tâm lòng Việt Nam yêu nước mình, thương dân mình, đối với mỗi gia đình Việt Nam nặng tình với quê hương. Một món quà tặng bạn bè gần xa.

Giá bán tại Pháp: 80 FRF (đã kể bưu phí gửi). Tại Châu Âu: 90 FRF (đã kể bưu phí gửi).

Ngân phiếu xin đề Vietnam Fraternité, ghi bằng tiền Francs Pháp hoặc tương đương, và gửi về tòa soạn Thông Luận: 124 bis rue de Flandres, 75019 Paris, France.

Tư sản văn minh với dân chủ đa nguyên thay vì tư bản man rợ với chủ nghĩa xã hội

Tôn Thất Thiện

I

Tư bản: âm vang của quá khứ

Dân Chủ Đa Nguyên (DCĐN) có hai diện lớn: một diện chính trị và một diện kinh tế. Hai diện này dính liền với nhau, và nói đến DCĐN tất nhiên phải nói rõ về cả hai. Xác định rõ ràng và dứt khoát mục tiêu, nội dung và khuôn khổ hoạt động về mặt chính trị của DCĐN là một công việc tương đối giản dị; trái lại, làm công việc tương tự về phương diện kinh tế thì lại không giản dị chút nào cả.

Một lý do chính là trong thời gian mà chế độ tư bản vừa phát triển mãnh liệt vừa không tự kềm chế, mà cũng không bị kềm chế, chế độ này đã lộng hành, lũng đoạn, gây cho mình một hình ảnh không đẹp với đa số dân chúng: “tư bản” đồng nghĩa với: chỉ biết có tư lợi, bóc lột, bất công, vô nhân đạo. Các giới cộng sản đã khai thác tình trạng trên đây một cách dễ dàng. Nhưng trong những năm gần đây, một tình trạng mới đã xuất hiện. Sự sụp đổ của Liên Xô và các nước cộng sản Đông Âu đã gây dao động và hoài nghi trong hàng ngũ đảng viên, cán bộ, và trong công chúng đối với chủ nghĩa cộng sản thay vì đối với chủ nghĩa tư bản. Tình trạng mới này buộc những giới cộng sản còn sót lại phải phát động một chiến dịch để thuyết phục cán bộ và đại chúng rằng chủ nghĩa cộng sản (xã hội) nay vẫn còn giá trị, và bản chất tư bản vẫn không thay đổi.

Những luận điệu trên đây khác xa với thực tại, nhưng nó không hoàn toàn hết hiệu nghiệm. Trường hợp Nga và các nước Đông Âu cho thấy rằng tuy đại đa số dân chúng nhất quyết không muốn trở lui lại chế độ cộng sản, nhưng danh từ “tư bản” vẫn còn gây lên một âm vang xấu. Ở Việt Nam ý nghĩ “bản

chất tư bản là man rợ...đàn áp, giết hại, mua chuộc, lừa lọc” vẫn ám ảnh ngay cả những người như ông Nguyễn Khắc Viện, dù rằng, như sẽ nói ở đoạn dưới, họ sẵn sàng chấp nhận chủ nghĩa tư bản (1).

Vì lý do nêu trên, những người chủ trương dân chủ đa nguyên, nghĩa là đương nhiên chủ trương tự do kinh doanh về kinh tế, phải làm sao thuyết phục được đại chúng về hai điểm: 1/ chấp nhận tự do kinh doanh không không phải là chấp nhận trở lại chế độ tư bản mà họ đã là nạn nhân trong quá khứ; và 2/ kinh tế tự do kinh doanh có nhiều khả năng thỏa mãn nhất những gì mà họ mong muốn.

Ở đây, vấn đề danh xưng cần được nêu ra. Tâm lý học cho ta biết rằng danh xưng tạo ra hình ảnh tốt hay xấu trong trí con người. Triết lý Đông Phương cũng dạy rằng “*danh chính, ngôn thuận, sự thành*”: danh xưng đúng thì lời nói mới trôi chảy và thuận tai người ta nghe, và sự việc mới thành được. Cho nên, tìm cho thể chế kinh tế dân chủ đa nguyên một danh xưng thích hợp, trở thành một điều tối hệ trọng. Danh xưng này phải nói lên một cách rõ ràng dứt khoát sự tách biệt giữa những ý niệm “bóc lột”, “bất công”, và danh từ “tư bản”, vì, dù muốn dù không, tự do kinh doanh là một đặc tính của kinh tế tư bản.

Một bối cảnh mới

May cho những người chủ trương kinh tế tự do kinh doanh, trong công việc thuyết phục nói trên, họ gặp một bối cảnh mới, khá thuận lợi: đó là những biến chuyển Nga và Đông Âu -những dữ kiện lịch sử không ai phủ nhận được- , cùng những đòi hỏi xét lại sự thích hợp của chủ nghĩa cộng sản trong tình hình hiện tại xuất phát từ ngay trong hàng ngũ ĐCSVN.

Những biến chuyển ở Nga và Đông Âu trong những năm 1988-1992 là những biến chuyển lớn trong lịch sử thế giới nên mọi người đều biết đến, và không cần đề cập đến ở đây. Những điều cần nói đến là những chuyển biến trong hàng ngũ ĐCSVN, vì những biến chuyển này, có tính cách tranh cãi nội bộ, đã không được phổ biến rộng rãi.

Chắc mọi người còn nhớ “vụ Dương Thu Hương.” Vụ này xảy ra nay đã 10 năm. Tiếp theo là “vụ Phan Đình Diệu”. Trong hai trường hợp vấn đề chủ nghĩa Mác-Lê không thích hợp cho Việt Nam được công khai đặt ra ngay trong hàng ngũ ĐCSVN.

Tiếp theo hai người trên đây, từ 1990 trở đi, ngay trong hàng ngũ ĐCSVN, số người lên tiếng đòi lãnh đạo Đảng từ bỏ đường lối “xã hội chủ nghĩa” càng ngày càng đông, và đòi hỏi của họ càng ngày càng mạnh dạn, căn cứ trên những dữ kiện phong phú chính xác, trên những lý luận vững chắc khó bài bác. Tên tuổi những người đó đã thành quen thuộc với dân chúng Việt Nam, và danh sách họ càng ngày càng dài.

Ngoài những người trên đây, còn có một số cán bộ thuộc loại tư tưởng gia cao cấp, tuy không công khai nặng nề chỉ trích đường lối hiện tại của Đảng, nhưng cũng đã nói lên, dù là một cách nhẹ nhàng và với tinh thần “xây dựng”, sự lo lắng của họ, và nhất là nhu cầu cần xét lại căn bản tư tưởng của Đảng trong bối cảnh mới, trong đó chủ nghĩa cộng sản, thay vì vươn lên, thì lại suy sụp thê thảm, còn chủ nghĩa tư bản, thay vì dấy chết, thì lại thịnh phát ngoạn mục. Điều này có một tầm quan trọng rất lớn, nên tưởng cần phải xét nó một cách chi tiết.

Tại sao phải nhất thiết...xã hội chủ nghĩa?

Chỉ ba tháng sau sự giải thể của Liên Xô, mà Nguyễn Đức Bình gọi là trận “động đất chính trị” và “bước thoái trào chưa từng thấy của cách mạng”(2). Bộ Chính Trị ra Nghị Quyết số 1 (28/3/1992) chỉ thị cho những lý thuyết gia chóp bu của Đảng “đẩy mạnh công tác lý luận”, nhằm “làm sáng tỏ hơn nữa những căn cứ khoa học và thực tiễn” của việc xây dựng mô hình về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (3). Một điểm nổi bật trong Nghị Quyết này là nó thú nhận rằng “trong nhiều năm qua nội dung đào tạo đội ngũ cán bộ lý luận hầu như chỉ bó hẹp lại trong việc nghiên cứu các bộ môn khoa học Mác-Lê-nin, chưa coi trọng việc nghiên cứu các trào lưu khác...”. Do đó, Bộ Chính Trị chỉ thị cho các cán bộ lý luận phải: “Chú trọng nghiên cứu những vấn đề về thời đại, về chủ nghĩa tư bản hiện đại...” Hậu quả đương nhiên là cán bộ, đảng viên, và trí thức trong Đảng được dịp nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản mà không sợ bị nghi là có ý định mờ ám.

Những “luận cứ” đủ loại được những lý thuyết gia hàng đầu của ĐCSVN trình bày tại một hội nghị do Ban Bí Thư Trung Ương Đảng triệu tập tại Hà Nội vào tháng 5, 1992. Điều đáng chú ý nhất là những tham luận đọc tại hội nghị đó làm nổi bật một điểm: đó là trong hàng ngũ ĐCSVN có một sự hỗn tạp lớn về tư tưởng (4).

Trong tập đoàn lãnh đạo của ĐCSVN có những người thủ cựu cực đoan, mà đầu đàn là Nguyễn Đức Bình (5), cho rằng nguyên do sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu là quan niệm giáo điều và ý đồ phản bội chớ không phải vì chủ nghĩa Mác-Lê sai lầm và phá sản, và rất cuộc “bằng cách này hay cách khác” chủ nghĩa xã hội “sẽ phục hồi sức sống mãnh liệt và tiếp tục tiến lên” vì đó là “quy luật của lịch sử”(6). Luận cứ này được các nhà lý luận gia cấp 2, cấp 3 lặp đi lặp lại trong các sách báo của Đảng, và

được lấy làm nội dung và chất liệu nhồi sọ trong những sách giáo khoa của Đảng (7).

Những phát biểu trên đây chỉ là khẳng định suông nhằm trấn an đảng viên và cán bộ, và, như Trần Bạch Đằng, một lý thuyết gia lớn khác của Đảng, nhấn mạnh, nó bị nhiều chứng minh của tình hình khách quan chống lại. Ông nói: “Nhiều điều tưởng chừng đã được giải quyết xong lại đang xuất hiện. Chẳng hạn thế nào là chủ nghĩa xã hội, tại sao Việt Nam nhất thiết phải đi theo con đường xã hội chủ nghĩa...?” Cho nên, ông cảnh cáo rằng chỉ “khẳng định giản đơn” sẽ không đủ sức thuyết phục (8).

Một lý thuyết gia khác, tầm vóc cũng rất lớn, và kỳ cựu hạng nhất trong hàng ngũ ĐCSVN, là ông Trần Văn Giàu. Ông này ghi nhận rằng “Chủ Nghĩa Đế Quốc” [sách gối đầu của đảng viên ĐCSVN] của Lê-nin đã 80 năm rồi. Trong thời gian đó, “có quá nhiều thay đổi”, và “có nhiều dự đoán của Lê-nin đã không xảy ra, hoặc xảy ra mà khác đi”. Và ông đặt câu hỏi: “Đặc điểm tư bản chủ nghĩa hiện đại là gì so với thời Lê-nin, so với thời sau Thế chiến thứ hai? Có nhiều nhận định khác nhau. Việt Nam ta nhận định thế nào?” Ông hỏi: “Thế giới đi về đâu? Tương lai thế nào? Nhìn ra thì như có đám sương mù dày trước mắt”. Và ông nói lên một sự thật chua chát: nếu không rõ thì làm sao giữ vững lòng tin, “nhứt là trong lúc mà thế lực của tư bản lại đang bành trướng, còn phạm vi của chủ nghĩa xã hội thế giới thì đang thu hẹp” (9).

Tư tưởng cộng sản: lúng túng và hỗn loạn

Một trong những kết luận nổi bật trong phong trào nghiên cứu lý luận trên đây là “phải thay đổi”. Ngay cả Nguyễn Đức Bình cũng công nhận rằng “phải thay đổi căn bản hoặc từ bỏ những kết hợp không còn thích hợp với thực tế đã thay đổi” (10).

Nhưng “thay đổi” gì, “thay đổi” thế nào? Vấn đề này vừa bức bách vừa phức tạp trong bối cảnh mà

các cán bộ trung kiên cũng phải công nhận, là chủ nghĩa tư bản hơn hẳn chủ nghĩa xã hội. Trong một tác phẩm mang cái tên rất ý nghĩa là *Dân Chủ Tư Sản và Dân Chủ Xã Hội Chủ Nghĩa*, hai lãnh đạo tư tưởng hàng đầu của ĐCSVN viết: “chủ nghĩa tư bản đang tiếp tục một cách mạnh mẽ xu hướng hiện đại hóa và tự động hóa nền sản xuất, đẩy nhanh sự phát triển của lực lượng sản xuất... trong khi đó, vì không trải qua chủ nghĩa tư bản, chúng ta một mặt phải thực hiện những mục tiêu về tiến bộ và kỹ thuật mà chủ nghĩa tư bản đã giải quyết xong từ thế kỷ XVIII... và do không trải qua chủ nghĩa tư bản, tri thức, lý luận, kinh nghiệm của chúng ta còn ít ỏi; thậm chí do chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa kinh nghiệm và quan niệm không đầy đủ về quản lý, Nhà nước và xã hội chúng ta đã dừng lại quá lâu trong tình trạng lạc hậu, thô sơ, duy ý chí và quan liêu trên lĩnh vực tổ chức, quản lý”(11)

Hai tác giả trên đây là Ông Thái Ninh và ông Hoàng Gia Bảo. Ông Ninh là Phó Trưởng Ban Tư Tưởng và Văn Hóa Trung Ương, và ông Bảo là Viện Trưởng Viện Chủ Nghĩa Khoa Học thuộc Viện Mác-Lê-nin!

Hơn nữa, những lập luận khác của hai cán bộ then chốt này của Đảng cho ta thấy rõ tình trạng lúng túng, nếu không nói là hỗn loạn, về tư tưởng ở cấp đầu não của Đảng. Họ thấy rõ rằng cần dân chủ tự do, cần đối thoại, cần dân chủ chính trị.

Về dân chủ tự do họ nói: “dân chủ tự do, công bằng và bình đẳng, đó là những mục tiêu giải phóng con người, những giá trị của chủ nghĩa nhân đạo, của văn minh tiến bộ”(12).

Về nhu cầu đối thoại: “Nếu trong đời sống tinh thần và sáng tạo văn hóa không có khuyến khích tìm tòi, tính phê phán, tranh luận, đối thoại sẽ không có, sự phát triển của lối suy nghĩ thực, nói và làm không nhất quán, lệ thuộc, không phát huy được bản sắc cá tính sáng tạo riêng. Một khi độc thoại thay

thể cho đối thoại, chân lý bị độc quyền, tính phê phán bị cản trở...con người sẽ không nhận được những kích thích tới sự sáng tạo, thậm chí có nguy cơ bị biến dạng, rơi vào tha hóa...con người sẽ rơi vào các tình trạng lảng tránh, hoặc tùy thời, thậm chí giả dối giữa ý nghĩ và hành động, giữa nói và làm. Đó là sự hủy hoại nhân cách""(13).

Một điểm rất đặc biệt là hai ông nói rằng muốn khắc phục chủ nghĩa quan liêu và tình trạng phạm dân chủ, "phải trước hết là dân chủ kinh tế, dân chủ chính trị"(14).

Hai ông đã có những tư tưởng táo bạo. Nhưng, sau đó, họ không có can đảm và thành thực để đi đến cùng, nên lại tự mâu thuẫn lớn khi họ quả quyết rằng: "tự do tư tưởng và giải phóng tinh thần...gắn liền với các nguyên tắc và quan điểm chính trị của chủ nghĩa xã hội, được xác định bởi lập trường giai cấp""(15).

Hành vi của hai ông Ninh và Bảo không làm cho ta ngạc nhiên vì chính thủ trưởng của họ, Nguyễn Đức Bình, cũng lúng túng và hỗn loạn như họ. Trong bài giải thích ý nghĩa của Quyết Nghị 1, ông này vừa biện hộ cho tự do tư tưởng vừa cảnh cáo các lý luận gia của Đảng là trong Đảng chỉ có một quan điểm mà thôi. Ông nói: "Để đi đến chân lý, nhà nghiên cứu phải rất mực vô tư, khách quan. Chỉ có thái độ thực sự cầu thị, nhìn thẳng vào sự thật, dám từ bỏ những nhận thức sai lầm, biết nghe lẽ phải, không định kiến, hết sức khiêm tốn, tôn trọng lẫn nhau, v.v. mới có thể mở mang kiến thức...thấy đúng không dám bảo vệ, thấy sai không dám đấu tranh mới là nguy hiểm đáng sợ, bởi đó là một triệu chứng bệnh hoạn không thể chấp nhận được trong đời sống tư tưởng - lý luận""(16).

Nhưng cũng trong bài ấy, ông ta lại nói: "Trong nghiên cứu và thảo luận cần dân chủ và tự do tư tưởng tối đa, nhưng nhất thiết phải trên cơ sở mục tiêu, con đường mà Đảng và nhân dân đã lựa chọn,

nghey quyết Đảng đã thông qua...không thể có nhiều trường phái trong cùng một dòng lý luận Mác-Lê-nin. Giữa những người cộng sản mác-xít, không thể có sự phân chia trường phái lý luận. Bởi vì, về lý luận, tất cả chúng ta thuộc cùng một trường phái duy nhất, không thể đa nguyên mà là nhất nguyên, đó là chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh."(17)

Phân tách trên đây khá tỷ mỉ, nhưng sự tỷ mỉ này cần thiết vì, như ông Trần Văn Giàu nói, ĐCSVN hiện nay đang bị một đám sương mù dày đặc bao bọc, và tư tưởng của họ, ngay cả ở cấp lãnh đạo, bị lúng túng và hỗn loạn. Rất nhiều đảng viên, dù có thiện chí và trí tuệ, vì vướng mắc với Đảng, tất nhiên cũng ở trong tình trạng đó, và không thấy rõ rằng những nguyện vọng chính đáng của họ — sung mãn, công bằng — có nhiều hy vọng được thỏa mãn hơn trong một chế độ kinh tế tự do có những bảo đảm cần thiết.

II

Một sự trùng hợp rất ý nghĩa

Phần I của bài này đã phân tích tỷ mỉ sự tranh cãi về lý luận trong nội bộ giới cao cấp ĐCSVN trong tình huống chủ nghĩa cộng sản thoái trào trầm trọng trong khi chủ nghĩa tư bản tiếp tục hưng phát một cách ngoạn mục. Sự phân tích này đã làm nổi bật hai sự kiện: 1/ có một sự hỗn tạp tư tưởng lớn trong giới lãnh đạo ĐCSVN trong vấn đề phải ứng đối thế nào trước những biến chuyển lớn trên thế giới, và 2/ ngay cả những phần tử trung kiên và bảo thủ cực đoan như đã tỏ ra lúng túng và hỗn loạn vì không làm sao phủ nhận được một thực tại phũ phàng, là: chủ nghĩa tư bản rõ ràng hơn hẳn chủ nghĩa xã hội.

Với bối cảnh trên đây, phần II của bài này sẽ so sánh chủ nghĩa cộng sản với chủ nghĩa tư bản về khả năng giải quyết hai vấn đề căn bản của quốc dân: là phát triển kinh tế và công bằng xã hội.

Một phần đáng kể sẽ dành cho

quan điểm của một số nhân vật xuất thân từ chế độ cộng sản, ngoài kinh nghiệm trực tiếp, đã suy ngẫm, nghiên cứu rất nhiều hòng tìm được phương thức hữu hiệu để thực hiện hai mục tiêu trên đây. Người dẫn đầu trong số này là Nguyễn Kiên Giang. Anh tự nhận là một người 'cộng sản kiên định' đã để cả một cuộc đời 'thể nghiệm chủ nghĩa cộng sản bằng trí tuệ và hành động của chính bản thân mình.' (18) Những nhận xét và kết luận của anh tất có một trọng lượng lớn.

Phần khác, tư tưởng của Nguyễn Kiên Giang rất gần với tư tưởng của những người trong Phong Trào Dân Chủ Đa Nguyên. Rõ ràng là giữa những người thiện chí thuộc "bên này" lẫn "bên kia" đang sử dụng ánh sáng của trí tuệ để tìm một chế độ kinh tế thích hợp cho xứ sở có một sự trùng hợp về quan niệm căn bản. Sự trùng hợp này rất ý nghĩa và đầy hy vọng cho tương lai, nhất là ta có thể coi Nguyễn Kiên Giang như đại diện của rất nhiều đảng viên cộng sản còn lương tri và lương tâm, đã thức tỉnh, nhưng vì hoàn cảnh, không công khai nói lên quan điểm và nguyện vọng của mình được. Vì hai lý do trên đây, bài này sẽ đề cập nhiều đến tư tưởng của anh ấy.

Phát triển và công bằng xã hội: tư bản chủ nghĩa hơn cộng sản chủ nghĩa

Hai vấn đề căn bản mà những ai nghiên cứu về chính trị xã hội đều phải chú ý đến là phát triển kinh tế và công bằng xã hội. Nguyễn Kiên Giang đã tỏ ra chú tâm đặc biệt đến hai vấn đề này. So sánh chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, anh ta đi đến kết luận rằng: chủ nghĩa tư bản hơn hẳn chủ nghĩa cộng sản. Anh nói: "Trong giai đoạn văn minh mới của loài người, trong khi đối cực của xã hội chủ nghĩa, tư bản chủ nghĩa, chứng tỏ sức sống dai dẳng và tăng lên bằng những sửa đổi điều chỉnh theo những yêu cầu của giai đoạn văn minh mới, thì khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội lại càng mang tính

chất nặng nề hơn vì nó không chứng tỏ tính hơn hẳn đối với chủ nghĩa tư bản, mà ngược lại, chủ nghĩa tư bản đang chứng tỏ tính hơn hẳn với nó ở những lãnh vực cơ bản của đời sống con người và xã hội”(tr.35)

Một lãnh vực then chốt trong đó chủ nghĩa xã hội đã tỏ ra kém xa chủ nghĩa tư bản là lãnh vực sản xuất. Anh ta nói: “Cho đến nay, trên thực tế, chỉ có chủ nghĩa tư bản là chế độ xã hội đem lại những phát triển mạnh mẽ nhất cho sức sản xuất xã hội mà kết quả là những đồng sản phẩm ngày càng khổng lồ, ngày càng phong phú, chưa từng thấy ở những chế độ xã hội trước đó...”(tr.192)

Không những chủ nghĩa tư bản đã hơn hẳn chủ nghĩa xã hội trong lãnh vực sản xuất (phát triển kinh tế), mà ngay cả trong lãnh vực quan trọng nhất trong chủ nghĩa cộng sản, lãnh vực công bằng xã hội, cũng vậy. Nguyễn Kiên Giang nhận xét rằng: “Trong một thời gian dài chúng ta tưởng rằng với chủ nghĩa xã hội, không bao lâu lý tưởng công bằng xã hội sẽ được thực hiện...Nhưng thực tế không phải như vậy.”(tr.176) Và tuy tự nhận là một người “cộng sản kiên định”, với 50 tuổi đang, con của một đảng viên cộng sản kỳ cựu, anh ta vẫn trung thực đưa ra kết luận sau đây: “Với tất cả những bất công của nó, chủ nghĩa tư bản vẫn đem lại cho xã hội những sản phẩm dồi dào đến mức có thể cung cấp cho những người nghèo trong xã hội những sản phẩm cần thiết tối thiểu cho cuộc sống của họ (Trong khi ở phần lớn các nước xã hội chủ nghĩa, thiếu hụt là thực tế triền miên đối với hầu hết dân cư).”(tr.193)

Theo anh ấy, hai yếu tố trên đây liên hệ mật thiết với nhau. Không có một nền sản xuất phát triển mạnh mẽ với những sản phẩm dồi dào, “nói tới công bằng xã hội là vô nghĩa”. Thiếu thốn, nghèo khổ, như lịch sử đã chứng minh, không bao giờ đem lại công bằng xã hội cả. Có sản phẩm dồi dào không tự dẫn tới công bằng xã hội,

nhưng “nó là tiền đề không thể thiếu” để thực hiện công bằng xã hội. “Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng là một không tưởng khủng khiếp”.(tr.192)

Tình trạng trên đây liên hệ mật thiết với cách tiếp cận của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản về những vấn đề tư hữu tư sản, cá nhân, và kinh tế thị trường.

Sở hữu tư sản và kinh tế thị trường: giá trị chung của loài người

Theo Nguyễn Kiên Giang, sở hữu tư nhân và kinh tế thị trường là những “giá trị cơ bản”, những “giá trị chung” của loài người, và “lịch sử cho đến nay chưa tạo ra những giá trị nào khác hay hơn những giá trị ấy”, nhưng những người mác-xít lại đồng nhất nó với sự thống trị của giai cấp tư sản, với chủ nghĩa tư bản, và coi nó như là giá trị tư sản và thù địch. (tr.100-112)

Anh nhận xét: sở hữu cá nhân là “động lực mạnh mẽ nhất, có hiệu quả nhất của mọi hoạt động kinh tế”; nó là cơ sở của lợi ích cá nhân, mục tiêu cao nhất của những hoạt động kinh tế. Cá nhân là chủ thể của mọi hoạt động kinh tế, và “tất cả các quá trình đều bị phá vỡ khi không lấy cá nhân và lợi ích cá nhân làm mục tiêu và cơ sở”. Nhưng “cá nhân chỉ có thể tồn tại trên cơ sở sở hữu của nó”. (tr.182-183)

Trong nhãn quan anh, sở hữu “tự nó chính là một vật kỳ diệu”, là “phát minh vĩ đại nhất của nền văn minh con người”, vì nó làm cho con người có quyền lực với thế giới bên ngoài và nó là “nguồn gốc của tự do”. Con người mất sở hữu của mình tức là “mất chỗ đứng chân của mình và do đó cũng mất cả chính mình”. Sở hữu quan trọng như vậy vì đối tượng của nó “không chỉ là tài sản vật chất mà là trí tuệ, là tài năng, những thứ gắn chặt với con người...”(tr.113)

Anh kết luận rằng: những quan hệ sở hữu ở nước ta hiện nay không phù hợp với trình độ phát triển kinh tế; do đó, nó “vẫn tiếp

tục kìm hãm và phá hoại năng lực sản xuất của xã hội” (tr.126) : chủ nghĩa xã hội xóa bỏ chế độ tư hữu, thiết lập kinh tế công hữu, xóa bỏ kinh tế thị trường, thiết lập kinh tế kế hoạch hóa tập trung, nhưng “thực tế cho thấy phương hướng giải quyết ấy không đem lại những kết quả mong muốn, mà ngược lại.” (tr.197).

Kết quả là: “Trong nền kinh tế của ta đang có nhiều yếu tố bệnh hoạn khiến cho các cơ chế thị trường lành mạnh (cạnh tranh và điều tiết) không hoạt động bình thường được, tạo điều kiện cho những thế lực đen tối lũng đoạn và phá hoại...; một tầng lớp xã hội nhỏ bé lại chiếm đoạt những của cải của đất nước một cách ngang nhiên... Trong xã hội hình thành khá rõ một tầng lớp “tư sản không văn minh” mang tính chất lưu manh; về thực chất, bọn này lẫn bọn kia đều ăn cắp của nhà nước và nhân dân (trong khi xã hội đang cần có một tầng lớp “tư sản văn minh” để xã hội có thể vượt qua tình trạng lạc hậu về kinh tế và kỹ thuật nhanh hơn). “Điều không tránh khỏi đã xảy ra: những phần tử thoái hóa biến chất trong bộ máy nhà nước móc ngoặc với những phần tử lưu manh trong xã hội, kết thành những mafia có thế lực lớn hơn. Chế độ ta lâm vào thế hiểm nghèo vì sự phá hoại và lũng đoạn của chúng” (tr.126-127)

Hà Sĩ Phu cũng có những nhận xét tương tự: “khi chúng ta định dùng chuyên chính vô sản để đánh tư bản mà không đánh được thì con người sẽ dùng ngay chuyên chính vô sản làm phương tiện để lách qua cửa ải tự do cạnh tranh mà trở thành tư bản! Và nếu dự cảm ấy sẽ thành hiện thực thì công lao của học thuyết về chủ nghĩa xã hội là đã cung cấp cho nhân loại thêm một con đường để tư bản hóa, một thứ tư bản lưu manh và bệnh hoạn!”(19)

Không trở lại tư bản rừng rú

Những nhận xét gắt gao trên đây không xuất phát từ những “phần tử xấu”, những “thế lực thù nghịch”

đang âm mưu dẹp bỏ chủ nghĩa xã hội bằng ‘diễn biến hòa bình’, mà từ những người cộng sản kiên định. Vì nó chỉ nói lên một thực tại nên nó cũng trùng hợp với nhận xét của những người Việt hải ngoại đã theo dõi kỹ tình hình trong nước và quan sát ngay tại chỗ. Ví dụ: anh Trần Ngọc Sơn (báo *Thông Luận*). Theo anh Trần Ngọc Sơn, tình trạng kinh tế trong nước hiện nay là một tình trạng “tự bản rừng rú”. Trong thị trường kinh tế hạn chế bởi định hướng xã hội chủ nghĩa “*cái xấu của kinh tế thị trường đang lan tràn còn cái hay thì bị chặn lại*”; những chính sách đấu tranh giai cấp, chuyên chính vô sản, dân chủ tập trung buộc kinh tế phải “*theo kiểu lai căng rừng rú, móc ngoặc với tham nhũng mà hậu quả là con người bị cái tội dở của kinh tế thị trường hủy hoại.... Những khẩu hiệu ‘dân giàu nước mạnh, xã hội văn minh’.... chỉ được thực hiện theo bề trái của nó, nghĩa là làm giàu cá nhân qua hối lộ, tham nhũng, ăn cắp của công, móc ngoặc, làm cho đất nước yếu đi.*” (20)

Một điều cần ghi nhận ở đây là: tuy rằng anh Nguyễn Kiên Giang gạt bỏ chủ nghĩa xã hội hiện đại vì nó đã lỗi thời, sai lầm, và bệnh hoạn, nhưng anh không chủ trương trở lại chủ nghĩa tư bản. Trái lại, anh nói rất rõ nhiều lần rằng: nếu khái niệm xã hội chủ nghĩa, cũng như khái niệm cộng sản chủ nghĩa, không có triển vọng về khoa học, “*điều đó hoàn toàn không có nghĩa là quay về với chủ nghĩa tư bản*”. (tr.60) Nhưng anh tin rằng tư bản hiện đại sẽ chuyển sang hình thái mới “*theo hướng dân chủ hóa, nhân đạo hóa*”, và “*những méo mó*” dưới chế độ tư bản sẽ được gạt bỏ dần, vì nó sẽ bị thị trường và “*những ông sở hữu rất nhạy cảm với mọi thay đổi trong quá trình sản xuất xã hội*” kèm kẹp. (tr.102-03)

Quyền lực và bạo lực của đồng tiền không bị xóa bỏ, nhưng “*những quyền lực ấy từ nay sẽ bị chi phối bởi quyền lực của trí thức.*” Tri thức là “*tiền đề để cá nhân có*

thể độc lập hơn, tự do hơn, và để cá nhân có thể đạt tới địa vị xã hội bình đẳng hơn” (tr.200)

Quan điểm trên đây cũng giống quan điểm của anh Nguyễn Khắc Viện. Không bao lâu trước khi anh ấy mất, anh đã nói lên sự vô vọng của anh đối với “*xã hội chủ nghĩa*”, và anh chấp nhận chủ nghĩa tư bản, vì nó là “*xu thế không thể cưỡng, làm cho khoa học kỹ thuật tiến lên, một số người có thể phát huy khả năng....*” (4) và vì “*kỹ thuật hiện đại trao cho chúng ta đầy đủ phương tiện biến tư bản man rợ thành tư bản văn minh*” (1). Nhưng anh cũng cảnh cáo phải “*dè chừng*”, phải chống lại “*tư bản man rợ*”, đừng để cho nó “*tác oai tác quái*”. Nhưng anh cũng công nhận có một điều may là “*tư bản khi nào cũng thực tế, thực dụng, không bao giờ cuồng tín*”, và gặp đối thủ quá mạnh thì họ nhượng bộ. (1)

Trùng hợp với kinh tế của dân chủ đa nguyên

Theo anh Nguyễn Kiên Giang, cả sở hữu cá nhân lẫn sở hữu xã hội sẽ mất địa vị độc tôn, và trong xã hội sẽ tồn tại “*một hệ thống sở hữu đa nguyên*”. Tư bản hiện đại sẽ chuyển sang một hình thái xã hội mới, “*nhân đạo, dân chủ, tự phát triển, tự hoàn thiện, nhất là đối với nội dung đa nguyên của nó.*” (tr. 68). Quan điểm căn bản của anh Nguyễn Kiên Giang là một quan điểm đa nguyên. Rõ ràng là giữa anh và những người trong Phong Trào Dân Chủ Đa Nguyên có một sự trùng hợp, không những về căn bản, mà rộng rãi, đặc biệt là về kinh tế xã hội.

Về phương diện này, *Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên* khẳng định: kinh nghiệm thế giới trong nhiều thập niên qua cho thấy rằng chính sách kinh tế tập thể, quốc doanh đều thất bại, và “*thị trường tự do là bảo đảm chắc chắn nhất cho một sự phân phối hiệu nghiệm*”. Cho nên “*Chọn lựa cho kinh tế phải có cho Việt Nam là một nền kinh tế thị trường, lấy xí nghiệp*

tư làm nền tảng, lấy óc kinh doanh và sáng kiến làm sức mạnh, lấy tinh thần cầu tiến và làm giàu làm động cơ, lấy lợi nhuận làm phần thưởng và kích thích.” (22)

Chọn lựa ấy có nghĩa là “*nhà nước sẽ không làm tất cả những gì mà tư doanh có thể làm được*”; vai trò nhà nước chỉ là bảo đảm sự ổn định của đồng tiền, ngăn ngừa những cạnh tranh bất chính và đầu tư vào những ngành nhiều triển vọng mà tư nhân chưa dám hoặc chưa đủ khả năng đầu tư. Nhà nước cũng có “*chức năng cảnh giác*” trước những khuynh hướng kinh doanh có phương hại và khuyến khích những khuynh hướng kinh doanh có lợi.... (tr.29)

Về công bằng xã hội, *Dự Án* nói rõ và mạnh: “*Trong các nhiệm vụ của Nhà nước dân chủ đa nguyên, nhiệm vụ trọng yếu nhất là bảo đảm công bằng xã hội.... chủ nghĩa đa nguyên tôn trọng mọi thành phần xã hội, do đó nó không chấp nhận để một thành phần bóc lột và chà đạp một thành phần khác*”.

“*Công bằng xã hội là điều kiện cơ bản để giữ gìn sự bền chắc của nền tảng xã hội, bảo đảm sự tham gia tích cực và phấn khởi của mọi người....*”.

Cũng như Nguyễn Kiên Giang, Phong Trào Dân Chủ Đa Nguyên “*coi rất trọng công bằng xã hội và không thể đi đôi với cái thường gọi là tư bản rừng rú*”. (tr.19). Phần khác, cũng như Nguyễn Kiên Giang, Phong Trào Đa Nguyên đặt nặng vấn đề tri thức. *Dự Án* nhấn mạnh nhu cầu “*khai thông trí tuệ*”, (tr.14) “*đầu tư vào suy nghĩ,....xét lại toàn bộ tập quán.... đổi mới toàn cách suy nghĩ và tổ chức*” (tr.12)

Vấn đề danh xưng: tư bản văn minh hay tư sản văn minh?

Dưới ánh sáng của trí tuệ, những người phía Nguyễn Kiên Giang và những người phía Phong Trào Dân Chủ Đa Nguyên đã đi tìm một thể chế kinh tế hợp lý, hữu hiệu, nhân đạo, thích hợp với nhu

câu và hiện tình xã hội của Việt Nam, và giữa họ đã có một sự trùng hợp và đồng thuận rất lớn về thể chế đó. Những nét lớn của nó có tính chất tư bản, nhưng một loại tư bản mới, mang một số đặc tính của tư bản phổ thông, đồng thời bị một số kèm chế nhằm bảo vệ dân chủ tự do và công bằng xã hội.

Vấn đề còn lại là cho thể chế này một danh xưng thích hợp. Theo anh Nguyễn Khắc Viện, đến một lúc nào đó, nếu bộ máy tư bản bị hạn chế và kìm hãm đến một mức nào đó “*thì tên gọi là chủ nghĩa tư bản hay xã hội chủ nghĩa không quan trọng nữa*”. Nhưng anh cũng có đề cập đến “*tư bản văn minh*”. Danh xưng này đúng, nhưng nó lại khêu gợi hình ảnh xưa vì danh từ “*tư bản*”. Về phần anh Nguyễn Kiên Giang, anh ấy có đề cập đến khái niệm “*tư sản văn minh*”. Danh từ “*tư sản*” bao hàm một phạm vi hẹp hơn “*tư bản*”, nhưng vì vậy mà nó thích hợp hơn, vì chúng ta chủ trương chỉ lấy một phần của tư bản, phần năng động, sáng tạo, của nó, và gạt bỏ hoặc kìm hãm những khía cạnh tiêu cực của nó. Cho nên, chúng ta có thể gọi chế độ kinh tế của dân chủ đa nguyên là “*chế độ tư sản văn minh*”.

Ottawa,
viết vào dịp Cách mạng tháng 8
và Cách mạng tháng 10, 1998

Tôn Thất Thiện

Chú thích

- 1) Nguyễn Khắc Viện, *Diễn Đàn* (Paris), số 24, tháng 11, 1993.
- 2) Nguyễn Đức Bình, *Về Công Tác về Lý Luận Trong Giai Đoạn Hiện Nay*, Hà Nội, Nhà Xuất Bản Sự Thật, tr.12, 14.
- 3) Điểm này và tất cả các điểm khác liên quan đến Quyết Nghị 1 đều trích từ tài liệu trên đây, tr.5-10.
- 4) Những bài tham luận đó được thu thập trong quyển *Về Công Tác Lý Luận...* chú dẫn ở số 1 trên đây. Ngoài ra có một số bài về vấn đề này của nhiều tác giả đăng trong *Tạp Chí Cộng Sản*, hay tác phẩm đặc biệt của những lãnh đạo tư tưởng Đảng.

5) Hiện nay là Ủy Viên CTB, Trưởng Ban Tư Tưởng và Văn Hóa của TƯ Đảng, và tác giả của *Bảo Vệ và Phát Triển Chủ Nghĩa Mác-Lê-nin, Tư Tưởng Hồ Chí Minh là Nhiệm Vụ Quan Trọng*, Hà Nội, 1994, Nhà Xuất Bản Chính Trị Quốc Gia.

6) Nguyễn Đức Bình, *Bảo Vệ và Phát Triển Chủ Nghĩa Mác-Lê-nin...*, sđd, tr. 22 và 33.

7) *Tài Liệu Học Tập Lý Luận*, cấp kết nạp Đảng, 1993, hay cấp chính trị phổ thông, 1994, do NXB Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội, ấn hành.

8) Trần Bạch Đằng, *Về Công Tác Lý Luận...* sđd, tr 110.

9) Trần văn Giàu, *Về Công Tác Lý Luận...*sđd, tr.102.

10) Nguyễn Đức Bình, *Bảo Vệ và Phát Triển Chủ Nghĩa Mác-Lê-nin...*, sđd. tr.50.

11) Thái Ninh và Hoàng Gia Bảo, *Dân Chủ Tư Sản và Dân Chủ Xã Hội Chủ Nghĩa*, Hà Nội, 1991, NXB Sự Thật, tr.81

12) *Như thế*, tr.52

13) *Nt*, tr.57

14) *Nt*.tr.57

15) *Nt.*, tr.102

16) Nguyễn Đức Bình, *Bảo Vệ và Phát Triển...* sđd, tr.34 và 37.

17) *Nt*, tr.36.

18) Nguyễn Kiên Giang, *Tuyển Tập*, 1993, Garden Grove, CA, tr.17. Để tránh kéo dài phần chú dẫn, tôi chỉ sẽ ghi số trang sau những đoạn trích từ *Tuyển Tập*.

19) Hà Sĩ Phu, *Tuyển Tập*, 1996, Garden Grove, Tạp Chí Thế Kỷ 21, tr.103.

20) Trần Ngọc Sơn, “*Đối thoại với ĐCSVN*”, *Thông Luận*, số 107, tháng 9, 1997

21) Nguyễn Khắc Viện, “*Kiến nghị gửi Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc, 6/1/1991, Diễn Đàn Người Việt*”, Montreal, số 3, mùa xuân 1991.

22) Phong Trào Dân Chủ Đa Nguyên, *Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên*, Paris, 1992, tr.29. Để tránh kéo dài phần ghi chú, sau đây những đoạn trích từ *Dự Án Dân Chủ Đa Nguyên* chỉ sẽ mang số trang ở cuối câu.

THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)
Giá báo một năm: 200 FF
(hoặc tương đương)
Ngân phiếu xin đề
VIETNAM FRATERNITE
(xin dùng đề Thông Luận)

Địa chỉ liên lạc :
THÔNG LUẬN
124 bis, rue de Flandre
75019 Paris, FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với đại diện Thông Luận tại Đức:

Nguyễn Thanh Lương
Habsburgerallee 104
60385 Frankfurt aM.
Tel: 069-4940048
Fax: 069-443913

và thanh toán tiền mua báo dài hạn (60 DM/năm) vào trương mục:
Frankfurt Volksbank e G
THANH LUONG, NGUYEN
Konto-Nr: 00 77 70 82 94
Bankleitzahl: 50 19 00 00

Bạn đọc tại Hoa Kỳ và Canada có thể liên lạc và góp ý kiến với Thông Luận qua địa chỉ:

Thong Luan, P.O. Box 7592
Fremont, CA 94537 - 7592
e-mail: qml@juno.com
Khi thanh toán tiền mua báo (40 USD hay 50 CAD), xin đề tên:
Mrs Quan-My-Lan

THÔNG LUẬN

Ấn bản Hòa Lan

phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số do **Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam** (Stichting Mensenrechten voor Vietnam)

Đại diện nhóm chủ trương: **Phan Bá Việt**
Địa chỉ liên lạc: Thông Luận Hòa Lan
Stelpswyk 13, 9202 BD Drachten
Telefax: 051.253.1318 - 024.373.0652

Giá báo một năm: 55 gulden,
xin chuyển vào trương mục của hội:
Giro nr 6234112. Postbus 40083

Sự chính thống của hai nhà nước Trung Quốc và Việt Nam

Lê Minh Văn

1. Định nghĩa

Một cách cụ thể, sự chính thống của một nhà nước tùy thuộc mức độ tuân phục của công dân vào hệ thống pháp lý và trật tự xã hội do nhà nước đặt ra.

Ở phương Đông, trong thời đại phong kiến, các khái niệm về "thiên mệnh" của Khổng Tử hoặc "thiên ý" của Mặc Dịch định nghĩa sự chính thống của một triều đại là phù hợp với trật tự của vũ trụ và hợp ý Trời. Tại phương Tây, Rousseau đưa ra khái niệm "ý chí chung" và mở ra một thời đại mới khi đề cao sự chính thống của một nhà nước là chế độ chính trị phải thuận lòng người và phục vụ con người là trọng tâm của mọi nhà nước.

Trong một thế giới toàn cầu hóa mà các phạm trù kinh tế và chính trị thường có những tác động hỗ tương mạnh mẽ, các lý thuyết hiện đại về tính chính thống thì rộng rãi hơn trong cách nhìn về các đặc tính có liên hệ đến nhiều lãnh vực của đời sống mới. Các vấn đề như môi sinh, phân công lao động, phân phối lợi nhuận, các tiện nghi đời sống đã thâm nhập vào lãnh vực chính trị và một nhà nước chính thống phải giải quyết toàn vẹn chứ không còn giới hạn trong tương quan "cai trị" giữa nhà nước và công dân như trước. Sự đồng thuận của các cá nhân do đó mở rộng nhưng luôn thích ứng trong mọi lãnh vực của đời sống xã hội theo nguyên tắc đa nguyên, tôn trọng thiểu số.

Tại Việt Nam, nhà Nguyễn đã từ bỏ tính chính thống khi vua Bảo Đại trao ấn tín cho đại diện Việt Minh Trần Huy Liệu năm 1945, nhưng theo giáo sư Nguyễn Thế Anh trong "Monarchie et fait colonial au Vietnam" (nxb L'Harmattan), vua Khải Định đã tuân lời tổng khâm sứ Pasquier, bỏ mặc dân chúng rên xiết dưới sưu cao thuế nặng, và trước khi chết trời trần cho nhà nước bảo hộ Pháp chăm sóc, bảo tồn tôn miếu. Khi một linh ước (contrat spirituel) thật sự bị đoạn tuyệt, vương triều ấy không biểu tượng tính chính

thống nữa.

Việt Minh tiếp nhận tính chính thống khi giương cao ngọn cờ giành độc lập dân tộc từ 1945 đến 1954. Nhưng với hiệp định Genève, tính chính thống đó chỉ còn một nửa khi tuyên bố áp đặt chủ nghĩa xã hội lên miền Bắc và để lộ bộ mặt người lính xung kích của phong trào cộng sản quốc tế. Để rồi sau khi cưỡng chiếm miền Nam và thống nhất, tính chính thống đó càng mờ nhạt hơn khi chọn quốc hiệu Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, biến tổ quốc thành tổ quốc xã hội chủ nghĩa, tự phong cho đảng cộng sản nhiệm vụ lịch sử và tính độc tôn chính trị. Do đó, theo lô gích, khi phong trào xã hội chủ nghĩa quốc tế sụp đổ, tính chính thống của nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng không tồn tại nữa. Trong thực tế, từ khi áp đặt chủ nghĩa xã hội trên toàn cả nước, Nhà nước Việt Nam càng ngày càng thoái hóa, mục rữa, bất lực hoàn toàn trước một thế giới đã đổi thay toàn bộ và phát triển với một tốc độ chóng mặt. Cái chủ nghĩa xã hội mà đảng cộng sản vẫn ngoan cố, kiên trì bám víu, chỉ đáng là một trò chơi chữ rẻ tiền. Tính chính thống và công lao giành độc lập, nhân danh một cuộc kháng chiến toàn dân, đã bị xét lại vì những lầm lỗi chính trị nghiêm trọng đưa đất nước tụt hậu xuống hàng những quốc gia nghèo nhất thế giới. Tư cách của nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam bị thế giới khinh thị bởi quốc nạn tham nhũng, bao trùm mọi cơ cấu đảng, chính quyền, và phổ quát trên mọi sinh hoạt của đời sống quốc gia. Phẩm chất dân tộc Việt Nam bị xuống cấp chưa từng thấy trong chính sách ngu dân, hủy hoại văn hóa và đạo đức con người.

Đảng cộng sản Việt Nam đang đứng giữa ngã ba đường mà một chọn lựa đúng và dứt khoát sẽ là một quyết định lịch sử. Nhưng buồn thay, một tân tổng bí thư được bầu ra trong một bối cảnh quyết liệt lại chọn con đường bảo thủ, giáo điều để củng cố quyền lực cá

nhân và bè nhóm.

2. Một hoàn cảnh, hai chọn lựa

Cùng một thời điểm lịch sử và một bối cảnh chính trị xã hội kinh tế gần giống nhau, trong thế môi hồ rãng lạnh của hai nhà nước vẫn còn tự nhận là thành trì xã hội chủ nghĩa, Trung Quốc và Việt Nam, đang theo đuổi những đường lối khác biệt. Giang Trạch Dân, người kế vị Đặng Tiểu Bình đang thổi một luồng gió chính trị mới cho vận hội dân chủ hóa có thể mở ra hầu đầy Trung Quốc tiến bước vững chắc và ổn định hơn trong cơ chế thị trường. Trong thâm tâm có lẽ họ Giang thừa biết hiện trạng Trung Quốc không thể duy trì cái đuôi nghịch lý của công thức "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Ngược lại, tại Việt Nam tân tổng bí thư Lê Khả Phiêu lại chọn con đường bảo thủ những ý hệ đã lỗi thời như chủ nghĩa anh hùng cách mạng và hồi phục "thần tượng" Hồ Chí Minh, đã chết cách đây 29 năm, mà cuộc đời và sự nghiệp, trên một vài phương diện, đang bị công luận rà xét.

Về phương diện kinh tế, Lê Khả Phiêu và thủ tướng Phan Văn Khải lại tìm cách củng cố các xí nghiệp quốc doanh, xem đó như xương sống của nền kinh tế quốc dân (nhưng thực ra là những "vương quốc ân huệ" để nuôi béo những công thần của đảng, để bảo vệ chế độ). Trong lúc đó tại Trung Quốc, Giang Trạch Dân đang hợp lực với thủ tướng Chu Dung Cơ giải tư các xí nghiệp quốc doanh trong cố gắng quét dọn tham nhũng, lãnh mạnh hóa sản xuất và cơ cấu điều hành theo hướng thị trường. Phân tích từng hoàn cảnh lịch sử ta sẽ thấy là những nhà lãnh đạo Trung Quốc có một cái nhìn kinh tế chính trị bao quát và sắc sảo hơn những nhà lãnh đạo Việt Nam. Hà Nội quen ở thế đàn em cứ phải sao chép, và đôi lúc vì tự ái dân tộc hẹp hòi cứ muốn chứng tỏ thế độc lập. Nhưng càng lớn giọng bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa họ càng đi chệch hướng phát triển lịch sử.

Tại Trung Quốc, định hướng hiện đại hóa của Đặng Tiểu Bình đã làm thức dậy tiềm năng phát triển to lớn của Trung Quốc sau "đại nhảy vọt" và "cách mạng văn hóa", đồng thời mở ra trước thế giới một lục địa vàng mênh mông.

Tư bản nước ngoài mà phần lớn là từ những "Hoa kiều hải ngoại" đã đẩy Trung Quốc phát triển vùn vụt. Trong qui luật "luân phiên" thì sau Đặng, Giang Trạch Dân không còn cánh cửa nào khác để đi vào lịch sử ngoài con đường cải cách chính trị để hoàn chỉnh phát triển kinh tế của Đặng và đưa Trung Quốc tiến đúng hướng vào con đường cường quốc kinh tế, tài chính. Năm vận mạng Trung Quốc trong những năm cuối cùng của thiên niên kỷ thứ hai, dù là một người cộng sản, ông ta có đủ những ý thức chính trị để hiểu rằng chủ nghĩa cộng sản và những nguyên tắc kinh điển về kinh tế của Mác, Lênin, Mao chỉ là những sản phẩm của một thời đại tăm tối. Chúng đã được kiểm nghiệm và tính phiêu lưu hoang tưởng đã được xác tín. Những sách của nhà xuất bản "Tree Song" (Tam Mộc) ở Bắc Kinh và tư tưởng dân chủ của những "think tanks" (những học giả uyên bác) đã ảnh hưởng nhiều trên họ Giang.

Giang Trạch Dân đã hiểu về dân chủ, đã khuyến khích mọi công dân phát biểu về những đường hướng tốt đẹp nhất cho tương lai Trung Quốc, đã ra lệnh cho một ban nghiên cứu về những cơ chế dân chủ Tây phương. Mô hình "tổng thống chế" kiểu Mỹ hoặc Pháp đã làm ông ta lưu tâm đặc biệt. Một luồng gió phẩn khởi đang thổi qua Trung Quốc dù rằng không ít người nghĩ rằng trong những điều kiện chính trị, kinh tế và xã hội hiện hữu, con đường dân chủ hóa sẽ chỉ là một dự phóng cho tương lai xa. Nhưng ít ra quyền tự do tư tưởng đã được cởi mở, làm nền tảng cho những đề nghị dân chủ hóa. Trước mắt, họ Giang có thể hoàn thiện dần luật pháp trong đó có luật tài chính ngân hàng. Việc tăng cường "nhà nước pháp trị" có thể thực hiện qua việc chuyển một phần quyền lực quyết định vĩ mô của ban lãnh đạo đảng (mà ông ta là tổng bí thư) qua chủ tịch nhà nước (mà ông ta kiêm nhiệm).

Đến đại hội đảng năm 2002 khi họ Giang vì lớn tuổi phải nhường ghế chủ tịch nước cho những phụ tá thân cận trong nhóm Thượng Hải (Hồ Cẩm Đào, hoặc Ôn Gia Bảo, cả hai đều 55 tuổi) để lui về giữ chức vụ tổng bí thư kiêm chủ tịch quân ủy trung ương thì "nhà nước pháp trị" Trung Quốc sẽ được điều hòa trên tương quan quyền lực vĩ mô, sẽ

được chia sẻ với thủ tướng Chu Dung Cơ, người đứng đầu hành pháp; và họ Giang sẽ điều khiển đảng sau quốc hội và nhà nước như cách Đặng đã từng làm (Far Eastern Economic Review, 23/7/98). Có thể Giang Trạch Dân đã thấy rõ rằng nhu cầu dân chủ hóa là con đường phải chọn nếu muốn nước Trung Quốc trở thành siêu cường về kinh tế, tài chính vào khoảng thập niên 20 của thiên niên kỷ thứ ba. Nhưng những cải tổ sâu rộng về chính trị có thể làm lung lay đến gốc rễ cơ chế chính trị hiện hữu. Với bản tính khôn ngoan dè dặt, không ai tin vào tất cả những gì ông ta phát biểu hoặc tuyên bố về dân chủ hóa, nhưng ý định cải tổ từng bước trong dài hạn của họ Giang là điều có thể kiểm chứng và tin được. Nếu những hứa hẹn không quá "phiêu lưu" như rút bớt quyền lực của các cấp chính quyền trong hướng tăng cường nhà nước pháp trị, hoặc những cuộc phổ thông đầu phiếu ở cấp xã có thể trở thành hiện thực trong tương lai gần thì quả thật Giang Trạch Dân đã đứng chân được trên ngưỡng cửa vào lịch sử. Diễn tiến dân chủ hóa nước Trung Quốc sau đó chỉ còn là sự tiếp nối tất yếu trong những điều kiện an toàn. Không một ai, kể cả những nhà trí thức dân chủ thân cận Giang Trạch Dân, có thể hiểu được ý định thật của họ Giang, nhưng chắc chắn cuộc "cởi trói tư tưởng" này sẽ không là một chiếc bẫy. Biển máu Thiên An Môn sẽ không bao giờ xảy ra nữa, vì khi cởi mở tự do tư tưởng trong chiều hướng khuyến khích tầng lớp trí thức đóng góp những suy nghĩ của mình cho tương lai đất nước, Giang Trạch Dân muốn làm một cuộc hòa giải giữa chế độ và quần chúng, đặc biệt là giới trí thức, sinh viên. Theo Frédéric Bobin của nhật báo Pháp Le Monde, trong số ra ngày 25-7-1998, thì sự liên kết hiển nhiên giữa giới trí thức và những công đoàn tự do trong tương lai sẽ là một thảm họa khó tránh cho chế độ. Cho nên sự khôn ngoan chính trị bắt buộc ông ta phải trả lại quyền tự do tư tưởng trong chiều hướng góp phần làm tốt cho chế độ.

Đảng cộng sản Trung Quốc hiểu rõ quá trình dân chủ hóa là điều không thể tránh được, vì cuộc chiến thắng Quốc Dân Đảng năm 1949 không còn là lý do để biện minh cho việc chiếm giữ

quyền lực 50 năm sau. Chính chỗ lấn cấn tâm lý đó mà đảng cộng sản Trung Quốc đã nhiều lần lý luận rằng sở dĩ họ phải giữ độc quyền chính trị là vì không có một tổ chức (chính trị) nào khác có thể điều hành nổi việc nước. Điều họ không muốn nói hẳn ra là đảng của họ phải làm tất cả những gì có thể làm được để cho quần chúng thấy rằng không một đảng nào khác có thể chen chân vào chính trường khả dĩ đối lập với đảng cộng sản, và một ngày nào đó có thể thay đảng cộng sản cầm quyền. Điều đó giải thích tại sao thủ tướng Chu Dung Cơ đã phải làm việc cật lực ngày đêm để giữ cho mức độ phát triển kinh tế khỏi tuột xuống dưới mức 8%. Những nhà lãnh đạo Trung Quốc biết rõ một điều là chừng nào đảng cộng sản còn là động lực của một sự gia tăng liên tục mức sống của người dân, quần chúng Trung Quốc còn chưa vất bỏ họ. Một điều dễ dàng nhận thấy là đảng cộng sản Trung Quốc đang chứng tỏ cho toàn thế giới thấy họ đang tìm một thể chính thống mới, một sự ủy nhiệm từ quần chúng để thay cho vinh quang từ 50 năm trước mà nay đã phai mờ (theo Frank Ching, FEER, 21-5-1998).

Dù gì chăng nữa, tiến trình dân chủ hóa ở Trung Quốc đã chuyển động và đang khởi động với một xác tín cơ bản là đảng cộng sản đang nắm quyền với sự đồng thuận của người "bị trị" chứ không như ở Việt Nam, đảng cộng sản qua lời tuyên bố của trưởng ban văn hóa tư tưởng trung ương Hữu Thọ rằng "những đòi hỏi loại đó (đảng thôi độc quyền chính trị như đòi hỏi của tướng hồi hưu Trần Độ) sẽ đưa đất nước đến hỗn loạn!"... Thực vậy, trái với những gì tốt đẹp đang bắt đầu ở Trung Quốc, đảng cộng sản Việt Nam với tướng Lê Khả Phiêu đã làm thất vọng mọi giới quan sát, đặc biệt là những người dân chủ Việt Nam đang nóng lòng mong mỏi một thay đổi đường hướng chính trị để nền kinh tế có thể vượt qua được những khó khăn chất chồng hiện hữu mà vươn lên, theo trào lưu phát triển thế giới. Trong phiên họp trung ương đảng 6-6-1998, ông đã làm tiêu tan hết hy vọng khi đã bỏ lờ những vấn đề sống chết của đất nước mà bàn đến chủ đề văn hóa, tư tưởng. Giữa một thế giới đang đòi hỏi bức thiết những mô hình chính trị thích

đáng để làm nảy sinh tốt nhất những mô thức phát triển, tương ứng cho nền kinh tế, thì đảng cộng sản Việt Nam đã vô cùng "can đảm" quay lại, tìm một định hướng không thể có được vì ở trong một điều không có thực là "tư tưởng" Hồ Chí Minh.

Lê Khả Phiêu đã muốn dùng lại chủ nghĩa anh hùng cách mạng và "tư tưởng" Hồ Chí Minh để gìn giữ thế ổn định chính trị. Cho ai? Cho một nhóm đảng cầm quyền đang bị cô lập trong tháp ngà thế tục và bạc tiền, đang phải đan kết quyền lợi với nhau để giữ đảng. Họ hô hào củng cố ý thức hệ trong lúc quần chúng, đặc biệt là giới trẻ dưới 25, hiện chiếm hơn một nửa dân số, chỉ có trong đầu giấc mơ Honda và công ăn việc làm hơn là ý hệ chính trị.

Từ khi lên nắm quyền tháng 12-1997, Lê Khả Phiêu đã bày ra ba lối mòn cho đảng cộng sản: Một là tăng cường cảnh sát và quân đội. Hai là hứa hẹn những biện pháp nhỏ và nửa vời mà ông ta gọi là dân chủ. Ba là cố gắng làm sống dậy bóng ma của chủ nghĩa anh hùng, tranh đấu vì độc lập, như là lá chắn và chuẩn mực của thể chính thống của chế độ. Trong thâm tâm, những điều vô thường vô phạt đó chỉ có tác dụng câu giờ cho ông củng cố thế lực cá nhân và để thoát ra khỏi ảnh hưởng đang còn đè nặng trên đảng của ông cố vấn, cựu tổng bí thư Đỗ Mười. Bám víu vào những giá trị cũ (nhưng bất di bất dịch của đảng cộng sản già cỗi) như chủ nghĩa ái quốc, tự cung tự lực và tinh thần hy sinh, Lê Khả Phiêu sẽ ít gặp chống đối trong đảng; nhưng đối với quần chúng, nhất là giới trẻ đang cần những ý hệ mới của thời đại mới, nghị quyết của kỳ họp trung ương khóa vừa qua là một bước lạc hướng trong một thời kỳ cấp bách.

Rõ ràng là đảng cộng sản Việt Nam đã đánh mất thế chính thống. Họ có thể ý thức được điều đó, nhưng vẫn không dám thừa nhận nó. Điều quan trọng hơn cả là họ chưa nghĩ ra được rằng tâm quan trọng sống chết là phải bằng mọi giá chinh phục lại tính chính thống đã mất bằng con đường duy nhất. Đó là sự đồng thuận của người dân qua lá phiếu, trong những cuộc bầu cử đa nguyên và thật sự dân chủ.

Lê Minh Văn

TÌM HIỂU :

VẤN ĐỀ XÍ NGHIỆP QUỐC DOANH Ở VIỆT NAM

Nguyễn Minh

Một vấn đề gai góc của kinh tế Việt Nam hiện nay là làm sao giải quyết được các vấn nạn của xí nghiệp quốc doanh (XNQG), nền tảng cho việc cổ phần hóa xí nghiệp và tiến đến xây dựng thị trường chứng khoán hiện đại ở Việt Nam. Trong bài này, sau khi đi qua hiện tình cải cách các XNQG trong ngành công nghiệp, chúng ta sẽ khảo sát các vấn đề có tính cơ cấu nội tại của thực thể XNQG và cuối cùng sơ bộ phân tích tình hình cổ phần hóa xí nghiệp hiện nay ở Việt Nam để đóng góp một vài ý kiến cho một chính sách về XNQG, tiền đề cho một nền kinh tế thị trường lành mạnh.

I. Tình hình xí nghiệp quốc doanh ở Việt Nam

Ở thời điểm năm 1992, ngành công nghiệp Việt Nam có 12000 xí nghiệp quốc doanh, đến tháng 6-1994 giảm xuống 6248 và tháng 7-1995 còn 5873. Sự kiện này là kết quả của chính sách cải cách khu vực quốc doanh theo chủ trương "đổi mới". Tháng 12-1991, Quốc hội Việt Nam đã thông qua Luật Phá sản sau khi Đại hội Trung ương Đảng quyết định cho phép thí nghiệm việc cổ phần hóa XNQG. Tháng 6-1994, chính phủ Việt Nam lại ban hành luật khuyến khích đầu tư trong nước (với những biện pháp ưu đãi về thuế má và cho phép các XNQG phát hành chứng khoán). Qua tháng 4-1995, họ lại ban hành thêm Luật Xí nghiệp Quốc Doanh. Đây là thời kỳ nhiều XNQG làm ăn thua lỗ bị giải tán hoặc chỉnh đốn, sáp nhập lại với nhau.

Việc giảm số các xí nghiệp xuống quá nửa đã được tiến hành theo ba phương sách: 1. Để phá sản (giải tán hoặc buộc thanh toán nợ). 2. Hợp lại bằng cách loại bỏ những khâu yếu. 3. Tập hợp lại thành những xí nghiệp

có quy mô lớn.

Về sản lượng của ngành kinh tế quốc doanh người ta thấy có ba lãnh vực chiếm 80% tổng sản lượng các XNQG là các lãnh vực sản xuất chế biến (2122 xí nghiệp), khai thác khoáng sản (160 xí nghiệp) và điện khí, điện tử (100 xí nghiệp). So với tổng sản lượng quốc gia thì tỷ trọng của ngành sản xuất quốc doanh cũng đã tăng từ 39% năm 1990 lên đến 44% năm 1995, theo đúng chủ trương của Đảng CSVN là nền kinh tế quốc doanh phải có vai trò chủ đạo.

Về năng suất lao động, theo thống kê 1986-1990 của nhà nước Việt Nam cho giai đoạn 1980-1990, đã có sự cải thiện rõ rệt. Từ 1980 đến 1986, sản lượng tăng bình quân mỗi năm 7,3% trong khi số công nhân viên chỉ tăng 3,2%. Và trong giai đoạn 1986-1990, tuy sản lượng chỉ tăng mỗi năm bình quân 5,8% nhưng nhân lực lại giảm 1,1%.

Nếu đào sâu hơn những con số được đưa ra thì người ta thấy một phần lớn sự tăng trưởng sản lượng do gia tăng khai thác đầu thô, dựa vào vốn đầu tư ò ạt của nước ngoài, sau đó mới đến các ngành như thực phẩm, điện lực, cao su, vật liệu xây dựng, hoá chất, phân bón. So với tổng sản lượng công nghiệp quốc doanh, nhiên liệu chiếm 16,4% năm 1990 và tăng lên 22,4% năm 1995 (1). Năm 1990, sản lượng dầu thô là 2,7 triệu tấn, năm 1992 tăng lên 5,5 triệu tấn và năm 1996 đạt 8,5 triệu tấn. Dầu thô phần lớn xuất khẩu sang Nhật và chiếm một tỷ lệ quan trọng (30%) trong trị giá xuất khẩu cả nước.

Với một cơ cấu mất cân bằng như trên, nền kinh tế Việt Nam không thể bền vững được. Chỉ dựa trên khai thác đầu thô, như Nam Dương, Việt Nam sẽ không chịu đựng nổi những áp

lực giảm giá, hậu quả của cuộc khủng hoảng tiền tệ châu Á. Trong năm 1998, người ta đã chứng kiến tác hại của việc giảm giá dầu thô lên kinh tế nước Nga. Muốn thoát khỏi tình trạng này, Việt Nam cần phải đặt trọng tâm vào việc phát triển những ngành sản xuất cho xuất khẩu có trị giá gia tăng cao thay vì chỉ xuất khẩu một cách đơn thuần nhiên liệu hay nguyên liệu.

Đối với ngành sản xuất thiết bị và cơ khí, năng suất có được cải tiến nhưng không theo kịp đà gia tăng sản lượng. Sản phẩm làm ra lại khó tiêu thụ vì bị cạnh tranh bởi hàng nhập khẩu lậu nên bắt đầu từ năm 1997, nhiều xí nghiệp bắt buộc phải sa thải công nhân.

II Những vấn đề của xí nghiệp quốc doanh tại Việt Nam

1. Lỗi của xí nghiệp chông chát từ lâu nhưng ban lãnh đạo xí nghiệp che dấu bằng những báo cáo không trung thực, thậm chí còn chuyển lỗ thành lãi để lập thành tích với bộ, ngành chủ quản, mặt khác để bảo vệ những đặc lợi, đặc quyền do chức phận đã đem đến. Khi không che dấu được nữa thì tình thế không còn cứu vãn được. Tuy nhiên ngay cả trong những tình huống phá sản, có khi các cơ quan chủ quản vẫn cố chạy chọt ngân hàng nhà nước, các cơ quan chủ quản hay cùng ngành và tìm ra những biện pháp nhất thời để chấp vá, vực dậy những "cơ thể" bệnh hoạn không hồn.

2. Từ năm 1990, mặc dù theo luật định, trợ cấp của nhà nước cho các XNQD bị giới hạn nhưng các ban lãnh đạo có ô dù vẫn luồn lách được vì quan hệ nhà nước và các XNQD vẫn còn trong vòng ràng buộc "đăng trị". XNQD vẫn là những con cưng của chế độ nên vẫn có những biện pháp đặc biệt để tránh sử dụng tới luật phá sản.

Đó là trường hợp vào năm 1995 của XN Dệt Nam Định trực thuộc Bộ Công Nghiệp (trước là Bộ Công Nghiệp Nhẹ). Đây là xí nghiệp lớn nhất tỉnh Nam Định với 16500 công

nhân viên. Riêng hai năm 1993-1994, xí nghiệp này đã lỗ đến 15 triệu USD. Tính ra từ ngày thành lập, số lỗ lên đến 60 triệu USD. Ban giám đốc XN biện minh hậu quả làm ăn thua lỗ do hàng nhập lậu ò ạt từ Trung Quốc, từ đó không có khả năng đầu tư cải tiến mua sắm trang thiết bị để tạo những sản phẩm có chất lượng, khả năng cạnh tranh và xuất khẩu cao. Ngân khoản tài trợ nhận được từ nhà nước đã tiêu tan trong mây khói khi đơn giá bông vải tăng vọt từ 1,7 USD/kg lên 2,6 USD/kg. Trong khi đó, xem xét tổ chức xí nghiệp, ta nhận thấy số nhân viên trực thuộc ban giám đốc có 95 người trong đó có 35 tài xế mà số bảo vệ có đến 180 người! Cuối cùng Bộ Công Nghiệp đã không áp dụng luật phá sản và ra lệnh cho Tổng Công Ty Vinatex trực thuộc Bộ Công Nghiệp phải hợp tác với các XNQD Rượu Bia Sài Gòn, Thuốc lá Việt Nam, Vietnam Pipe Company đầu tư 6 triệu USD vào XN Dệt Nam Định. Các ngân hàng Vietcombank, Ngân Hàng Công Thương và Ngân hàng Nông nghiệp phải gia hạn nợ 12,95 triệu USD cho xí nghiệp này.

Tổng Ty Imexco cũng là một trường hợp điển hình cứu vớt XNQD. Trong 15 năm qua, do kinh doanh tùy tiện, XN con cưng của Ủy ban Nhân dân (UBND) Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) đã tích lũy số nợ đến 59,32 triệu USD trong đó 37,32 là nợ đã đáo hạn. Nợ ngắn hạn vay của Ngân hàng Vietcombank từ 19 triệu USD năm 1990 đã tăng lên 32 triệu USD năm 1995. UBND TPHCM đã tài trợ cho Imexco 120 tỉ đồng Việt Nam (tính ra là hơn 10 triệu USD vào thời điểm 1995) để trả lãi nợ vay nước ngoài. Vietcombank cũng phải hỗ trợ thêm cho Imexco 9 triệu USD. Imexco lại còn được UBND TPHCM chiếu cố cho miễn thuế trong một thời gian.

XNQD Toresco, là XN hợp doanh giữa UBND tỉnh Hải Phòng và một XN của Hồng Kông, độc quyền kinh doanh du lịch khu vực Hải Phòng-Hạ Long có lập cả casino, làm ăn thua lỗ do ban quản lý tham ô, thâm lạm

công quỹ nhưng vẫn tiếp tục báo cáo thành tích cho đến khi mọi việc đổ bể. UBND tỉnh Hải Phòng chạy chọt khắp nơi nhưng cũng không tìm ra thuốc chữa.

3. Cơ chế quản lý của các XNQD là một cơ chế bao cấp. Trong thời chiến, hệ thống tổ chức này đã có một vai trò nhất định nhưng khi đi vào kinh tế thị trường, quản lý bao cấp và tệ nạn đi đôi là hành chính nặng nề khiến cho những XNQD không có khả năng ứng phó nhạy bén trước những đột biến của thị trường. Trái lại, các XNQD lại còn có bốn phận phải đóng vai trò chất độn để ổn định phần nào những biến động xã hội, bảo đảm công ăn việc làm cho công nhân viên. Ở các địa phương, việc bảo đảm công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên gần như là một mục tiêu chính trị (3). Ví dụ như Sở Dịch vụ giao thông và Phục vụ công cộng báo cáo: trong 32 XNQD trực thuộc, chỉ có 8 XN không bị lỗ, nhưng trong kế hoạch tái thiết lại yêu cầu thêm 6,7 tỉ đồng cho 7 XN cầu đường và chỉ yêu cầu giải tán có hai XN.

Việc triển hạn nợ cho các XNQD đang lỗ là vừa làm tăng thêm tinh thần ỷ lại vừa làm cho ngân sách địa phương và cả nước ngày càng khốn đốn. Các ban quản lý kế tiếp, nếu được thay thế lại càng ngày càng phải ôm những món nợ chông chát.

Từ năm 1997, nền kinh tế Việt Nam suy thoái thấy rõ. Người ta chứng kiến một số hiện tượng:

- Giá gạo hạ làm giảm thu nhập của nông dân.
- Bất động sản mất giá khiến những đầu tư bất động sản không còn lời.
- Áp lực giảm giá ngày càng mạnh trong khu vực Á châu.
- Nhiều ngân hàng làm ăn bê bối bị phá sản. Những ngân hàng còn lại rất e dè trong việc cho vay vốn
- Đầu tư nước ngoài suy giảm rõ rệt.
- Sa thải công nhân ngày càng lan rộng.

Ngày 3/6/1997, Bộ Tài chính Việt Nam lại còn ra thông tư 1818/TC/

DTPT về việc phục hồi chế độ "Ưu tiên đầu tư cho các XNQD" mà vốn đã bị cắt từ tháng 4-1989. Họ quyết định trong hai năm 1997-98 trợ giúp cho các XNQD đang bị đình đốn như XN Dệt Nam Định khoản tiền là 600 triệu USD. Chủ tâm chính trị rõ ràng vẫn đi trước chủ tâm kinh tế.

III. Một vài suy nghĩ về hướng giải quyết những vấn đề của xí nghiệp quốc doanh

Trái với chủ trương của nhà cầm quyền cộng sản là cải thiện và tăng cường vai trò chủ lực của khu vực quốc doanh, các XNQD cần phải mau chóng được giải tư (privatiser) hay cổ phần hóa thì mới trông mong huy động được vốn quần chúng cũng như của nước ngoài và đồng thời nâng cao tinh thần làm việc của nhân viên. Cho đến nay, nhà cầm quyền Việt Nam chỉ quan niệm đơn giản rằng cổ phần hóa là bán một phần tài sản xí nghiệp cho cán bộ công nhân viên hoặc tìm cách cải thiện quản lý bằng một hình thức kiểm tra chặt chẽ hơn.

Năm 1992, công ty Legamex trực thuộc TPHCM được chọn làm thí điểm cổ phần hóa nhằm giải quyết số nợ 120 triệu USD đối với Ngân hàng Comecon cũ. Đối tượng bán cổ phần được phân loại như sau: Nhân viên, cá nhân ngoài xí nghiệp hay các giám đốc các công ty trong nước, xí nghiệp nước ngoài. Việc tiến hành kế hoạch này đã bị ngưng nửa chừng vì sợ xí nghiệp này bị ... tư hữu hóa !!

Năm 1994, Ban lãnh đạo TPHCM lại tung ra một đợt thí nghiệm thứ hai đối với một số xí nghiệp như Saigon Cosmetics Co., Bach Tuyet Cotton wool Co., Lu gia Mechanical plant, Saigon Pesticide Co., Health Service Medical, Imex Co., Saigon Hotel, Refrigeration and Electrical Engineering Co.. Để thực hiện phương án này, nhà nước đã phải vay 800 tỷ đồng của nước ngoài, 4000 tỷ đồng của các ngân hàng thương nghiệp trong nước và dự trù phải huy động từ 2500 đến 3000 tỉ đồng qua việc cổ phần hóa một số XNQD được tái định trị giá.

Về thủ tục cổ phần hóa, nhà nước đề ra ba phương cách, ứng dụng tùy theo trường hợp :

- Cách thứ nhất là không đụng đến tài sản có sẵn mà chỉ cổ phần hóa phần tăng vốn

- Cách thứ hai là đánh giá lại một phần tài sản trước khi cổ phiếu hóa

- Cách thứ ba là tách phần cổ phần hóa ra thành một đơn vị có kế toán riêng, độc lập.

Việc đưa vào cổ phần hóa những XNQD đã gây ra một số vấn đề sau đây:

- Việc phân chia cổ phần giữa nhân viên và ban giám đốc, giữa nhân viên cũ mới gây nhiều tranh cãi, giành giật.

- Tiền bán cổ phần, do nhiều thủ tục rườm rà, khiến XN không sử dụng ngay được.

Cho đến nay, trong một số trường hợp thực hiện thành công việc cổ phần hóa thì tài sản những xí nghiệp này phân chia ra như sau: nhà nước 30%, cán bộ công nhân viên 50 %, công ty và cá nhân nước ngoài 20%. Xí nghiệp Cơ điện lạnh(REE) đặc biệt lại phát hành trái phiếu (obligation) chuyển đổi được (convertible bond : chuyển thành cổ phiếu (action) theo yêu cầu của cổ đông) và nhờ phòng dịch vụ luật Freshfield của Anh thụ nhận đăng ký chứng khoán ở nước ngoài.

Nhận định chung, việc cổ phần hóa các XNQD cần lưu ý những điều kiện sau :

- Phải có một khung cảnh pháp lý rõ ràng thể hiện bởi luật thương mại và luật ngân hàng

- Cần thiết lập một thị trường chứng khoán tại Việt Nam. Nhà nước Việt Nam đã có gởi cán bộ ngân hàng trung ương sang học tập thị trường chứng khoán ở nước ngoài nhưng cho đến nay thị trường chứng khoán ở Việt Nam vẫn còn trong vòng nghiên cứu.

- Phải có những chế độ kế toán xí nghiệp, kế toán xã hội ăn khớp với nhau.

- Lãi suất cổ phần phải cao hơn lãi suất

ngân hàng thì mới mong huy động được vốn.

- Không nên phân biệt cổ phần tư với công

- Khắc phục những chống đối của ban giám đốc của các xí nghiệp là đối tượng cổ phần hóa.

- Nếu có thể, nên bổ sung nhân sự với người Việt nào ở hải ngoại nắm vững những gút mắt của việc cổ phần hóa.

Nói chung, việc cải cách những XNQD phải có mục tiêu biến những xí nghiệp thành những pháp nhân dân sự thật sự mà hành động chỉ dựa trên nguyên lý thị trường. Đổi mới ở Việt Nam phải đồng nghĩa với một sự duy tân xã hội trong đó các XNQD đóng một vai trò tích cực, độc lập và nhạy bén trước những biến chuyển của kinh tế thị trường.

Nguyễn Minh

Tokyo, 11-6-1998

Tài liệu tham khảo :

(1) Kết quả những điều tra các cơ sở kinh tế hành chánh sự nghiệp năm 1995 - Nhà xuất bản Hà nội 10-1996

Niên giám thống kê 1995 - Nhà xuất bản thống kê

Số liệu công nghiệp Việt Nam (như trên)

(2) The Saigon times Weekly 19-25 /4 /1997

(3) Trong 16 xí nghiệp được điều tra có 14 xí nghiệp được UBND chỉ định JETRO : Điều tra các XNQD Việt Nam - 1992

(4) Saigon News Reader - 15 /4 /1992

Kêu gọi

Nhiều độc giả và thân hữu vì không để ý đã quên gia hạn mua báo đúng lúc khiến cho thu nhập của tờ báo có phần sút giảm trong khi mọi chi phí phát hành đều gia tăng. Chúng tôi mong quý vị lưu ý gia hạn và giúp Thông Luận thêm độc giả mới.

Những khoản tiền để bù lỗ cho tờ báo có thể được sử dụng hữu ích hơn nhiều cho cố gắng yểm trợ phong trào dân chủ trong nước.

Xin cảm tạ.

Ban biên tập

Hội thảo "Việt Nam Việt Nam"

Thanh Vân - Nguyễn Ngọc

Khi đã chủ trương tranh đấu bất bạo động thì hội thảo là một phương tiện để tập hợp những tiếng nói đối lập với chính quyền độc tài cộng sản. Trình độ dân chủ được thể hiện trong sự kính trọng lẫn nhau qua lời phát biểu, trong sự chấp nhận những dị biệt, và nhất là thái độ lắng nghe ý kiến của nhau một cách chân thành. Vì lẽ đó mà buổi hội thảo "Việt Nam Việt Nam" ngày chủ nhật 20-09-98 tại Paris đã được mọi người đánh giá là một thành công, đặc biệt với sự tiếp đón lịch thiệp quan khách.

Có lẽ cũng rất hiếm hoi trong một buổi thảo luận chính trị ở Paris, với sự tham dự của nhiều hội đoàn rất khác nhau, mà cử tọa không phải nghe những lời phỉ báng, chửi mửi. Tất cả cử tọa đều tập trung mũi tấn công vào ban lãnh đạo đảng cộng sản, cho dù họ vừa trả lại tự do cho nhiều nhân vật đối lập quan trọng.

Buổi hội thảo "Việt Nam Việt Nam" do Liên Minh Dân Chủ Việt Nam và Câu Lạc Bộ Thân Hữu Thông Luận cùng tổ chức với sự tham gia của báo Thiện Chí, báo Cánh En, Hiệp Hội Nhân Quyền Quốc Tế đến từ Đức.

Ông Nguyễn Quốc Nam và ông Trần Ngọc Sơn đã thay nhau điều hành buổi hội thảo từ 10 giờ 30 đến 17 giờ 30. Trong giờ nghỉ, cử tọa đã ăn trưa tại chỗ, gặp gỡ, trao đổi địa chỉ và trò chuyện thân mật.

Ông Nguyễn Quốc Nam thay mặt ban tổ chức, cảm ơn cử tọa đã bỏ một ngày chủ nhật đẹp trời cùng đến đây suy tư về đất nước và nhất là anh em đến từ Đức đã đi ít nhất là 500 hoặc 1000 cây số để cùng họp mặt trong tình thân ái hôm nay.

Ông Yên Phong, đại diện báo Thiện Chí mở đầu buổi hội thảo với đề tài "Cộng đồng người Việt ở Đức".

Ông Yên Phong cho biết cộng đồng người Việt ở Đức gồm hai thành phần: Thành phần thứ nhất gồm những sinh viên du học ở Tây Đức và những người

ty nạn bắt đầu từ năm 1975. Họ khoảng 50000 người, ra đi từ miền đất của Việt Nam Cộng Hòa. Thành phần thứ hai gồm những người đến ty nạn từ các nước Đông Âu cũ sau khi bức tường Bá Linh sụp đổ. Họ xuất thân từ miền Bắc, mảnh đất của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa trước kia. Họ cũng khoảng 50000 người. Đã có những cuộc kết hợp hôn nhân, kết nghĩa anh em, bè bạn giữa hai thành phần này và đó là nét đẹp cần giữ.

Tuy nhiên do quá khứ, lối sống và văn hóa khác nhau, sự đụng độ không thể tránh khỏi thông qua những khuynh hướng chính trị. Nhưng bất luận thuộc thành phần nào, các khuynh hướng chính trị đều có một đồng thuận chung là chống cộng. Có ba khuynh hướng rõ rệt: Thứ nhất là những người lấy việc chống cộng làm cứu cánh. Những người này cực đoan, ty hiềm, tự cho là người Việt quốc gia. Thứ nhì là những người chống cộng chủ trương dân chủ nhưng bản chất còn bộc lộ quá nhiều mâu thuẫn về lối sống dân chủ. Thứ ba là những người chống cộng, chủ trương dân chủ đa nguyên, trong đó lẫn lộn những người đến từ miền Nam cũng như miền Bắc. Ba khuynh hướng chính trị này rất năng động. Đã từng tranh luận trên những vấn đề cụ thể như việc áp đặt lá cờ Việt Nam Cộng Hòa, có nên biểu tình phản đối những đoàn văn nghệ đến trình diễn từ Việt Nam hay không, nhận định đâu là âm mưu của chế độ cộng sản trong nước đối với cộng đồng người Việt hải ngoại...

Sự đụng độ trở nên gay gắt từ khi một số người bắt đầu dùng thủ đoạn chửi mửi những người không cùng quan điểm đến từ miền Bắc là cộng sản nằm vùng. Theo ông Yên Phong, với những thành phần như trên, cộng đồng người Việt ở Cộng Hòa Liên Bang Đức có khả năng là một kiểu mẫu Việt Nam nhỏ bé để thử thách việc thực hiện dân chủ. Theo ông, độc tài là nguyên nhân của mọi nguyên nhân đưa đến sự kém phát triển của đất nước. Một cộng đồng người Việt mạnh

trước hết phải có tinh thần dân chủ sâu sắc, không nên áp đặt cái riêng của một tổ chức này cho một tổ chức khác. Nhu cầu dân chủ hóa trong cộng đồng người Việt hải ngoại là một bộ phận của công cuộc dân chủ hóa đất nước. Ông kêu gọi phải tìm đồng thuận nhiều hơn nữa qua đối thoại trong tinh thần hòa giải hòa hợp.

Trong phần thảo luận tiếp theo, một đại diện Ái Hữu Miền Bắc Paris lên tiếng chỉ trích một số quan điểm của báo Thiện Chí mà ông Yên Phong đại diện. Ông Yên Phong nhắc lại rằng quan điểm viết trên báo Thiện Chí chỉ là quan điểm của riêng báo Thiện Chí. Báo Thiện Chí không có tham vọng áp đặt cho bất cứ ai khác. Ông Phạm Hoàng đại diện báo Cánh En cũng phân tích một số hành động mà theo ông nó chỉ có tính chất chia rẽ thay vì đoàn kết cộng đồng người Việt tại Đức. Ông Phạm Hoàng kêu gọi nên tránh việc công kích, mạ sát nhau trên báo chí.

Ông Nguyễn Ngọc Bình thuộc Liên Minh Việt Nam Tự Do cho rằng có sự dị biệt quan điểm là do mọi người không có cơ hội trao đổi. Sự tranh cãi và cọ sát không chỉ riêng ở Đức mà có thể diễn ra trong bất cứ cộng đồng người Việt ở các nước khác.

Theo ông Bùi Tấn, cộng đồng người Việt tại Đức là một cộng đồng rất lý thú. Đa số có trình độ cao, tốt nghiệp đại học. Riêng những người đến từ các nước Đông Âu cũ đã từng tốt nghiệp lại Liên Xô, Tiệp Khắc và có sự hiểu biết thông suốt về chủ nghĩa Mác Lênin, có gia đình họ hàng trong đảng cộng sản, họ hiểu rất sâu sắc thế nào là một xã hội phi lý dưới chủ nghĩa cộng sản. Ông Bùi Tấn cũng cho biết tại Đức có đến 40 tờ báo Việt ngữ nên hoạt động chính trị rất sôi nổi. Họ dám xông vào những vấn đề khó khăn nhất và thảo luận đến nơi đến chốn, họ rất rành tình hình đất nước.

Thì giờ không cho phép thảo luận nhiều hơn. Trước khi qua đề tài thứ hai, ông Trần Ngọc Sơn xin phép cử tọa đọc bức

điện của Giáo sư Đoàn Viết Hoạt gửi tới buổi hội thảo. Bức điện có đoạn viết: "Nhân dịp này tôi xin gửi lời cảm ơn đến tất cả quý vị và các chỉ hữu trong thời gian qua đã tận tình quan tâm và vận động cho tôi và các tù nhân lương tâm khác. Nhờ sự quan tâm và vận động này, cùng với sự vận động của các chỉ hữu ở những nơi khác trên thế giới mà tôi và một số tù nhân chính trị khác đã được tự do trong những ngày vừa qua. Đây là một thắng lợi bước đầu của áp lực quốc tế, của cộng đồng người Việt hải ngoại nói chung và của cộng đồng người Việt ở Pháp nói riêng. Tuy nhiên chúng ta cần đẩy mạnh cuộc vận động này sang một giai đoạn mới sâu rộng hơn để hỗ trợ cho phong trào đòi tự do dân chủ ở trong nước sớm trở thành một phong trào quần chúng để đẩy nhanh tiến trình dân chủ hóa ở Việt Nam."

Cử tọa đã vỗ tay sau khi nghe bức điện của Giáo sư Đoàn Viết Hoạt.

Tiếp đó, ông Vũ Quốc Dụng, đặc trách Á Châu của Hiệp hội Nhân quyền Quốc tế, trình bày đề tài "Phi chính trị hóa nhân quyền".

Theo ông Vũ Quốc Dụng, công tác nhân quyền trước hết và trên hết cần được xem là công tác nhân đạo. Nếu hiểu chính trị là việc thực hiện hạnh phúc chung cho mọi người thì hoạt động nhân quyền có thể được xem là hoạt động chính trị. Phi chính trị hóa hoạt động nhân quyền có mục đích giữ cho hoạt động nhân quyền được đặt lên trên những tính toán đảng phái chính trị và không để nó trở thành công cụ để chiếm giữ quyền lực. Trong các kế hoạch đấu tranh, trung tâm của sự cân nhắc phải là nạn nhân chứ không thể là mục tiêu của những phe phái chính trị. Có như vậy công tác nhân quyền mới có thể lôi kéo được sự ủng hộ rộng rãi, mới tìm thêm được đồng minh và tập hợp được các phương tiện đấu tranh đa dạng. Để tránh sự tùy tiện trong hành động, ông Dụng đề nghị sử dụng Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền và các văn kiện khác của Liên Hiệp Quốc làm cơ sở lý thuyết và pháp lý. Ông đưa ra những dẫn chứng cho thấy rằng nhân quyền đang dần dần trở thành cơ sở đồng thuận rộng rãi để đi đến kết nối và hợp tác lâu dài giữa các tổ chức.

Thảo luận phần này, cử tọa đã chia làm hai khuynh hướng: Phía không đồng ý với diễn giả có một số người lên tiếng như các ông Trần Thanh Hiệp, Bùi Tấn, Diệp Tường Bảo và Võ Xuân Minh.

Ông Trần Thanh Hiệp, chủ tịch Trung tâm Nhân Quyền Việt Nam, lưu ý cử tọa nên tránh sự hiểu lầm theo đó cụm từ "phi chính trị hóa nhân quyền" ngụ ý rằng bản chất của nhân quyền là "phi chính trị". Theo ông Hiệp nhân quyền tự nó là một vấn đề chính trị. Bằng có là một trong hai Công ước quốc tế về nhân quyền có quy định rõ ràng là con người có những "quyền chính trị". Một khi những quyền này bị xâm phạm thì tranh đấu bảo vệ cho những quyền đó không phải là "làm chính trị" và không thể nói đó là chủ trương chính trị hóa nhân quyền. Tuy nhiên cũng có thể và cũng cần tìm những hình thức "phi chính trị" để dễ dàng giao thiệp với những cơ quan quốc tế chuyên trách về nhân quyền.

Ông Vũ Thiện Hân cho rằng chỉ nên hiểu cụm từ "phi chính trị hóa nhân quyền" như là một nhu cầu về phương cách làm việc của các tổ chức bảo vệ nhân quyền quốc tế, như Ân xá Quốc tế chẳng hạn. Mục tiêu của các hoạt động chính trị đúng đắn là nhằm thực hiện các quyền của con người. Chủ trương tách rời nhân quyền với chính trị có thể bị hiểu lầm là coi các tranh đấu chính trị cho quyền làm người là "phi nhân quyền", là không chính đáng.

Phiên đồng ý phần nào với diễn giả gồm các ông Nguyễn Văn Hòa (báo Thiện Chí), Nghiêm Phong Tuấn, Nguyễn Vô Kỷ và ông Hồng Linh. Các vị này cũng góp ý kiến thêm về danh từ nhân quyền, theo họ khái niệm nhân quyền rất phức tạp và có một phạm vi rất rộng rãi.

Phần nghỉ trưa và ăn trưa cũng là dịp để tiếp tục trao đổi tay đôi, tay ba mà vì thời giờ quá eo hẹp, không thể cho phép mọi người khai triển hết ý kiến của mình. Dù sao những buổi thảo luận đông đảo chỉ có thể cho phép đặt vấn đề, nhận diện vấn đề và thảo luận sơ lược. Mục đích chính là để biết nhau và tạo điều kiện cho những cuộc thảo luận riêng được dễ dàng tiếp tục, chuẩn bị cho những hội thảo chuyên đề trong tương lai.

Buổi chiều bắt đầu bằng đề tài "Các biến động về tình hình chính trị, kinh tế Việt Nam" do ông Nguyễn Gia Kiểng, đại diện Thông Luận, trình bày. Trong vòng 45 phút, ông đã phân tích về sự suy thoái và bế tắc càng ngày càng rõ rệt của đảng cộng sản.

Sự kiện bắt đầu từ Đại hội 6 của đảng cộng sản vào mùa xuân 1988 khi họ bị bắt buộc phải đổi chính sách, chuyển hướng theo kinh tế thị trường. Nếu phải dùng ngôn từ của chính đảng cộng sản để chụp mũ "phản động, phản quốc" thì theo ông Kiểng, những người giáo điều, cực đoan hiện nay trong ban lãnh đạo đảng có thể gọi đại hội 6 của họ là "Đại hội phản quốc", vì chính họ tự hại lấy họ. Kinh tế thị trường áp dụng ở Việt Nam đã phơi bày rõ ràng hơn tất cả sai lầm của chủ nghĩa kinh tế Mác Lênin, cùng một lúc Đại hội 6 đã phơi bày sự phân hóa trong việc tranh giành quyền lợi gay gắt trong nội bộ đảng.

Ông cho rằng có nhiều biến cố từ hai năm nay về kinh tế và xã hội cho thấy có nhiều cơ may để Việt Nam sắp phải thay đổi để tiến đến một nền dân chủ.

Về kinh tế, Việt Nam đã lâm vào tình trạng suy thoái từ năm 1996 nghĩa là trước cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế Á châu một năm. Từ 1996 sức tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đã trên đường sút giảm. Hiện nay kinh tế Việt Nam bị đe dọa trầm trọng, sự bối rối biểu hiện qua những tuyên bố lúng túng của giới lãnh đạo cộng sản về vấn đề tăng trưởng kinh tế, khi thì 7%, khi thì 6%, khi thì 5%. Tình trạng kinh tế bi đát một phần do đầu tư nước ngoài đã sụt giảm 50%, các doanh nhân ngoại quốc lần lượt rút ra khỏi Việt Nam vì tình trạng lổ là trầm trọng đưa đến việc phá sản xí nghiệp không tránh khỏi.

Việt Nam cam kết cải tổ về hệ thống ngân hàng, thông tin rõ ràng và minh bạch về các xí nghiệp, giải tư các xí nghiệp quốc doanh. Nhưng nếu cải tổ theo khuyến cáo của các tổ chức tài trợ Quốc tế, thì khác nào tự đánh vào yếu huyệt của cơ cấu cộng sản vì làm sao giải tư xí nghiệp khi nó là nền tảng của chế độ. Chưa nói đến những hậu quả xã hội tất yếu trong việc giải tư có thể làm lung lay cả chế độ. Đảng cộng sản hiện nay đang lâm vào thế tiến thoái lưỡng nan không có lối thoát.

Ông Nguyễn Gia Kiểng cho rằng ông Lê Khả Phiêu và tập đoàn phải chịu trách nhiệm về chính sách xiết lại rõ rệt từ Đại hội 8 của đảng cộng sản, góp phần làm trầm trọng thêm sự suy thoái của đất nước.

Về chính trị, đã có nhiều biến động xã hội diễn ra. Ông Kiểng cho biết trong năm 1997 có khoảng 100 vụ xung đột giữa nhà nước và dân chúng. Những vụ xung đột được nhiều người biết tới là Thái Bình và Xuân Lộc. Chính phủ đã ra lệnh cho viện Khoa học Xã hội nghiên cứu về vụ Thái Bình. Bản nghiên cứu của viện Khoa học Xã hội xác định: "trường hợp Thái Bình có thể xảy ra ở bất cứ nơi nào trên đất nước". Thế có nghĩa là sự bất mãn đã sôi sục trong lòng dân chúng.

Tuổi trẻ Việt Nam sau hơn 20 năm im lìm cũng đã lên tiếng qua tờ báo Thao Thức mà công an đang cố gắng phát giác và tiêu diệt. Sự đối kháng với chính quyền từ trường hợp riêng biệt dễ bị đàn áp và cô lập, đã đi đến có phối hợp và tổ chức. Vừa qua 11 đảng viên ký tên tố giác ủy viên Bộ Chính trị Phạm Thế Duyệt đã hành động bất chấp luật pháp và đe dọa sẽ xuống đường nếu đảng cộng sản mưu hại tướng Trần Độ.

Về phía cộng đồng hải ngoại, ông Nguyễn Gia Kiểng tỏ ra rất lạc quan vì đã có một khuôn mặt lãnh tụ lý tưởng đó là Giáo sư Đoàn Viết Hoạt. Ông tỏ ra rất tin tưởng rằng cuộc vận động dân chủ sắp có cơ may thắng lợi và riêng cá nhân ông, ông sẽ được sống trong một xã hội Việt Nam hợp lý, trong đó không có việc một số người áp đặt một thứ lý luận dị thường: đất nước chỉ lo xây dựng chủ nghĩa và chế độ cộng sản, coi thường tự do hạnh phúc của dân tộc.

Góp phần thảo luận, các ông Đoàn Văn Linh, Nguyễn Đức Thắng, Võ Nhân Trí, Diệp Tường Bào, Nguyễn Duy Tường, Vũ Thư Hiên, Bùi Tấn... đã đóng góp nhiều ý kiến bổ ích.

Ông Vũ Thư Hiên khẳng định rằng chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam đang sống những ngày tàn. Họ đã chết vì những sai lầm của chính họ tạo ra chứ không phải do sự tan rã toàn cầu của chủ nghĩa xã hội. Ông Bùi Tấn cũng chia sẻ sự lạc quan của ông Nguyễn Gia Kiểng và cho rằng "là có lãnh đạo đã xuất hiện" vì trong nước chúng ta đã có tướng Trần

Độ, và hải ngoại chúng ta có Giáo sư Đoàn Viết Hoạt, một người còn trẻ, có kiến thức và độ lượng.

Phần cuối của buổi thảo luận là đề tài "tuổi trẻ Việt Nam chuyển mình đứng dậy" do cô Mỹ Linh, chủ nhiệm Tổng bộ Thanh niên của Liên Minh Dân Chủ Việt Nam và cô Trúc Phương, một sinh viên vừa từ Việt Nam sang Pháp du học trình bày.

Cô Mỹ Linh với giọng nói tiếng Việt nhỏ nhẹ của một thiếu nữ sanh ra và lớn lên ở Pháp đã tạo niềm tin và cảm động trong cử tọa. Cô phân tích thực trạng giới trẻ ở hải ngoại chủ yếu là những người có kiến thức cao, không rành tiếng Việt, phần lớn rất thích những hoạt động xã hội, văn hóa, từ thiện, sẵn lòng giúp các bạn trẻ còn ở Việt Nam. Một số bạn trẻ, thiếu số, tham gia những hoạt động có tính chất chính trị với hoài bão có thể tham gia quản trị đất nước mai sau. Phần lớn các bạn trẻ có lý tưởng, muốn đóng góp xây dựng đất nước nhưng gặp một trở ngại lớn do nói và hiểu tiếng Việt rất hạn chế. Cô cho rằng vai trò của cha mẹ rất quan trọng trong việc làm cho giới trẻ hiểu, nói và thấm nhuần tiếng Việt.

Cô Trúc Phương đã rơi nước mắt khi trình bày hoàn cảnh của giới trẻ trong nước. Cô nói lên sự cô đơn và cảm giác bị bỏ rơi của tuổi trẻ trong nước, chính quyền chỉ lo kiểm soát mà không hề đoái hoài đến số phận của giới trẻ. Rất đông không có khả năng tài chính để cấp sách đến trường. Phải có quyết tâm rất lớn để theo đuổi việc đèn sách bên cạnh những khó khăn vật chất của nghèo đói, cấu kết với những chính sách kỳ thị về lý lịch, tôn giáo của chính phủ... Ngân sách Giáo dục chỉ có 1 tổng sản lượng quốc gia nên cái gì cũng thiếu thốn, cũng khó khăn. Đạt đến bậc đại học thật là khó khăn cho những người không phải là con em cán bộ, được gửi gắm, ân huệ.

Cô Trúc Phương cho rằng giới trẻ Việt Nam phải lao đầu vào kiếm sống cho bản thân một cách khó nhọc. Sự khó nhọc này đã làm hao mòn sức lực, trí tuệ, không còn đầu óc suy nghĩ đến những vấn đề khác của đất nước mà chỉ an phận lo kiếm sống ngày hai buổi.

Cô kết luận rằng tuổi trẻ trong nước mong muốn có được quyền làm người.

Họ thiết tha, gào thét, hy vọng một xã hội công bằng. Cô tin rằng sự ra mắt của tờ báo trẻ Thao Thức sẽ thúc đẩy họ can đảm nói lên nguyện vọng đó.

Trong phần thảo luận, hầu hết các bạn trẻ có mặt đều góp ý kiến. Một số bạn trẻ tuyên bố trong quá khứ họ không dám dẫn thân vì thiếu niềm tin, hiện tại họ đã dẫn thân và hy vọng sẽ được thế hệ cha anh dẫn dắt về chính trị, hay nói khác đi là về việc quản trị đất nước.

Hai cô Mỹ Linh và Trúc Phương đã làm xúc động cử tọa. Có nhiều phát biểu khuyến khích các em dẫn thân hơn nữa cho đất nước. Có phát biểu cho biết sự hiện diện của giới trẻ trong buổi thảo luận hôm nay đã tạo được một sự yên tâm cho bậc cha mẹ vì đất nước có giới trẻ quan tâm là một đất nước có tương lai.

Trong phần kết luận buổi hội thảo, ông Nguyễn Quốc Nam, đại diện Liên Minh Dân chủ Việt Nam, nhận định rằng qua một ngày thảo luận cho phép thấy nhiều thay đổi trong cộng đồng Việt Nam. Chúng ta cần phải cộng tác làm việc để càng thông hiểu nhau hơn. Đồng thuận và Đối thoại sẽ là biện pháp để bỏ qua quá khứ mà xây dựng tương lai.

Ông Trần ngọc Sơn, đại diện Thông Luận, đồng ý với ông Nguyễn Quốc Nam và đưa ra dẫn chứng việc đã xảy ra trong ngày hôm nay: "Buổi sáng cũng có một số phát biểu có tính chất gay gắt vì những vị này chưa bao giờ gặp mặt đối thoại trực tiếp với nhau, nhưng sau giây phút đầu, mọi đối thoại đều trở nên thoải mái do trình độ rất cao của cử tọa và tinh thần phục thiện của mỗi người.". Buổi hội thảo chấm dứt lúc 17 giờ 45. Mọi người từ giã nhau trong một không khí thân mật. Một anh bạn vẫn còn là đảng viên cộng sản vừa từ trong nước qua công tác có mặt hôm đó hỏi tôi sao không gửi thư mời cho Sứ quán Hà nội, anh hỏi tôi một cách chân thành. Vì theo anh, nếu họ đến họ sẽ hiểu thế nào là sinh hoạt dân chủ rất có lợi cho đất nước. Riêng anh chị em đến từ Đức, vì phải quay về với gia đình cách Paris từ bảy đến mười giờ đi xe nên sự chia tay lâu hơn và thân thiết hơn.

Khi ra về chúng tôi cảm thấy vui vì có được một ngày chủ nhật hữu ích.

Paris, 28/09/98

Thanh Văn - Nguyễn Ngọc

Ta nên áp dụng thuyết « chính danh » của Đức Khổng ngay trong thực tế hàng ngày

Nguyễn Huy Bảo

Khi tôi đọc bài của ông Thanh Sơn « Vài suy nghĩ về chuyện người chuyện ta... », đăng trên Thông Luận số 116, tháng 6 năm 1998, thì tôi nghĩ ngay đến thuyết « chính danh » của Đức Khổng.

Chính danh là gì? Là gọi cho đúng những sự vật hay khái niệm ta bàn tới. Danh có đúng thì ngôn mới thuận. Nếu ông nói gà bà nói vịt, nếu dùng khái niệm không chính xác thì làm sao bàn cãi được? Đức Khổng cho thuyết này là căn bản của trật tự trong nước, của sự điều hòa trong trời đất thì thật không phải là sai. Người Pháp cũng có câu: Khoa học là ngôn ngữ đúng luật (La science est un langage bien fait). Khởi đầu môn học nào cũng có định nghĩa cả.

1. Khi tôi đọc câu của ông Thanh Sơn: « Quan hệ bình đẳng giữa Vatican với các giáo hội và quốc gia Châu Á là điều rất cần thiết » thì tôi biết ngay là ông Thanh Sơn không biết, hay không hiểu sự khác biệt giữa Vatican và Giáo Hội Công Giáo (Eglise catholique). Vatican là một nước, một chính phủ từ hồi Mussolini lên cầm quyền gằn dây thoi. Còn Giáo Hội Công Giáo có từ khi Chúa Kitô ra đời, nghĩa là từ bắt đầu dương lịch. Vatican có quân đội, bưu điện, hành chánh, cờ quạt.... Giáo Hội không có cờ hay chỉ có Thánh Giá làm cờ. Người đứng đầu Vatican là Đức Thánh Cha. Người đứng đầu Giáo Hội ở trần gian cũng là Đức Thánh Cha nhưng người là đại diện thiêng liêng của Chúa Kitô. Người đứng đầu thực sự của Giáo Hội là Chúa Kitô, cái đầu của hội thánh. Các Hồng Y, Tổng Giám Mục, Giám Mục, con chiên, bốn đạo là tay chân của ngài. Cho nên câu viết trên của ông Thanh Sơn không chính xác vì Vatican là một nước thì làm sao bình đẳng với các giáo hội khác? Một đảng là đời (Vatican), một đảng là siêu nhiên (tôn giáo).

2. Khi tôi đọc: « Đại hội đồng giám mục Châu Á họp tại Vatican làm

nổi bật những bất đồng sâu sắc giữa phe bảo thủ trong tòa thánh và Giáo hoàng Jean Paul II với các giám mục Châu Á. Các giám mục Châu Á không chấp nhận cách nhìn độc tôn coi tôn giáo của mình là đúng còn mọi tín ngưỡng hay tôn giáo khác là sai » thì tôi cũng rất kinh ngạc! Thực thế sao? Hoặc là ông Thanh Sơn đã hiểu nhầm hay Giáo Hội Công Giáo đã vỡ ra làm mấy mảnh? Theo hiểu biết của tôi, tôi nghĩ là ông Thanh Sơn đã đọc sai hoặc là hiểu lầm. Mặt khác tín ngưỡng là lòng tin không phải là vấn đề luân lý đúng hay sai. Người công giáo tin là có Thượng Đế và cần đến Chúa vì tin rằng mình không thể tự cứu mình được. Nếu không tin như vậy mà tin những điều khác thì không phải là người công giáo.

3. Còn như truyện nhà báo lão thành nào đó, có đạo đã 4 đời rồi mà không biết và không hiểu truyện « Thờ cúng ông bà ông vải trong lịch sử Giáo Hội Á Đông » thì tôi khuyên ông ấy hãy đọc kỹ lại những sách như « Bốn những lẽ cần cho được rỗi linh hồn » và những sách sử về việc truyền giáo ở Phương Đông thì ông ấy sẽ biết rõ là: Trong đạo Kitô ta chỉ được phép thờ phụng (adorer) một Đức Chúa Trời (siêu nhiên). Còn đối với ông bà ông vải thì ta phải kính nể các ngài, đọc kinh cho các ngài chứ không phải thờ phụng các ngài. Sở dĩ trước đây có sự cấm đoán về thờ cúng tổ tiên ở các xứ Á Đông là vì người ta không phân biệt rõ ràng thế nào là luân lý, thế nào là triết lý, thế nào là tôn giáo. Trong việc thờ cúng tổ tiên hồi xưa và hồi nay cũng có nhiều việc không rõ ràng, nhầm lẫn cái nọ với cái kia. Nếu Giáo Hội bây giờ không cấm sự thờ cúng tổ tiên là vì Giáo Hội đã hiểu rõ và cho rằng dân Á Đông mình không còn lẫn tôn giáo với luân lý hay với mê tín. Lễ bái chỉ là một cách bày tỏ lòng thương yêu, tôn kính người quá cố như « Culte des morts » ở Âu Châu vậy. Nếu là

một tôn giáo trá hình thì tôi nghĩ không bao giờ Giáo Hội cho phép vì đấy là một tội rất nặng, tội độc nhất vô nhị mà Chúa không có thể tha thứ được.

Mấy hàng trên đây để ông Thanh Sơn hiểu rõ cho thế nào là Vatican, thế nào là Giáo Hội Công Giáo mà tôi thấy ít người không công giáo hiểu rõ vì nó hơi tế nhị một chút. Còn như tại sao Giáo Hội lại cho phép một người công giáo như tôi, chẳng hạn, có thể theo triết lý đạo Khổng và chấp tay vái lạy trước bàn thờ ông bà ông vải thì chỉ là vì điều này thể hiện lòng tôn kính chứ không phải thờ phụng với nghĩa tôn giáo. Người theo Kitô Giáo chỉ có thờ (adorer) một Chúa mà thôi. Nếu thờ một vị nào khác thì đấy là đã tự bỏ đạo Công Giáo rồi.

Nguyễn Huy Bảo

Cựu khoa trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn

Giới thiệu sách

**Hành Trình Cuối Đông
(Vụ án Langbian)
của Tiêu Dao Bảo Cự
biên Khánh Trường, Văn Nghệ
xuất bản, Hoa Kỳ, 1998.**

Nhà xuất bản Văn Nghệ đã cho ra mắt Hành Trình Cuối Đông "để đưa ra ánh sáng một cuộc đấu tranh cho tự do báo chí và tự do xuất bản xảy ra ngay trong lòng chế độ cách đây 10 năm". "Sự ra đời của cuốn sách này sẽ là món quà tặng hết sức khiêm nhường gửi đến những chiến sĩ đang dùng cầm đầu tranh cho dân chủ và cũng đang là nạn nhân của một guồng máy bạo lực phi nhân". (lời nxb, tr.xii)

Đọc Hành Trình Cuối Đông để không quên những chiến sĩ đó.

Giá bán tại Pháp: 100 FF (đã kể bưu phí gởi). Tại Châu Âu: 110 FF (đã kể bưu phí gởi).

Ngân phiếu xin đề Vietnam Fraternité, ghi bằng tiền Francs Pháp hoặc tương đương, và gởi về tòa soạn Thông Luận: 124 bis rue de Flandre, 75019 Paris, France.

THỜI SỰ...TÌNH TỨC...THỜI SỰ...

Một ủy viên thường vụ bộ chính trị Trung Quốc viếng thăm Hà Nội

Ông Ủy Kiện Hành (Wei Jian Xing), nhân vật hàng thứ sáu thường vụ bộ chính trị, ủy viên ban bí thư và bí thư trưởng ban kiểm tra kỷ luật đảng Trung Quốc viếng thăm Việt Nam trong 5 ngày từ 18 đến 22 tháng 9 vừa qua. Người ta không biết mục đích chuyến đi của ông Hành sang Hà Nội để làm gì. Người ta còn nhớ một cuộc viếng thăm khác của một nhân vật hàng thứ 4 của thường vụ bộ chính trị ông Lý Thụy Hoàn (Li Rui Huan) các đây vài tháng ở Hà Nội. Mục đích chuyến đi của ông Hoàn lúc đó là để làm áp lực đảng cộng sản Việt Nam để ông Đỗ Mười "hy sinh" thêm vài năm ở chức vụ tổng bí thư nhưng bất thành.

Trong chuyến đi năm ngày ở Việt Nam, ông Hành đã lần lượt gặp ông Lê Khả Phiêu, Phạm Thế Duyệt, thủ tướng Phan Văn Khải, Đỗ Mười, Trương Tấn Sang trước khi lên đường đi Tân Tây Lan. Trái lại, không thấy nói có gặp Trần Đức Lương chủ tịch nước. Ông Hành chuyển lời mời của ông Giang Trạch Dân cho ông Lê Khả Phiêu viếng thăm Trung Quốc và được ông Phiêu chấp nhận. Trái lại khi gặp ông Khải, ông Hành chỉ chuyển đạt lời thăm hỏi "thân thiết" của thủ tướng Chu Dung Cơ mà không mời viếng thăm Trung Quốc. Theo bài tường thuật của báo Nhân Dân (Bắc Kinh), ngày 19 tháng 9, ông Hành chỉ đề cập đến tình bang giao kinh tế, quan hệ mậu dịch giữa hai nước mà không thấy nói đến vấn đề tranh chấp lãnh thổ. Người ta có thể đoán là ông Hành sang Việt Nam không để thảo luận về kinh tế và mậu dịch vì không phải là bộ môn đặc trách của ông ở bộ chính trị.

Đài Loan hứa hẹn nhiều thay đổi

Vào đầu tháng 12 sắp tới, Đài Loan có nhiều tổng tuyển cử lớn. Trước hết là bầu 225 thành viên Viện Lập Pháp theo phổ thông đầu phiếu. Những thành viên này có nhiệm kỳ 3 năm.

Trong tháng 12-1995, Quốc Dân Đảng mặc dù đã có đa số ghế ở viện lập pháp nhưng hai đảng đối lập Dân Tiến Đảng và Tân đảng cũng chiếm tỉ lệ đáng kể (33% và 13%). Trong kỳ tuyển cử các huyện trưởng tháng 11-1997, Dân Tiến Đảng về đầu với 43,3% phiếu và chiếm 12 ghế trên 23 so với Quốc Dân Đảng chỉ chiếm 8 ghế với 42,1%. Dân Tiến Đảng hi vọng sẽ thắng cử lần này và lên nắm chính quyền. Đảng này cũng vừa bầu một chủ tịch đảng mới với ông Lâm Nghĩa Hùng (Lin Yih Hsing) thay ông Hứa Tỉn Lương (Hsu Hsin Liang).

Tuyển cử thứ hai là bầu hai thị trưởng cho hai thành phố lớn Đài Bắc và Cao Hùng (Kao Hsiung) cùng hội đồng của hai thành phố này. Lẽ ra dân chúng phải bầu thống đốc đảo cùng với hai thị trưởng nói trên. Nhưng chính quyền Đài Loan đã làm tu chính hiến pháp trong năm 1997 theo đó chức thống đốc sẽ do tổng thống bổ nhiệm. Ngoài ra còn có nhiều tu chính hiến pháp khác được tu bổ như tổng thống có quyền bổ nhiệm thủ tướng mà không qua viện lập pháp. Trái lại, viện lập pháp có quyền làm động nghị kiểm duyệt thủ tướng và phế tổng thống nếu có 2/3 thành viên của viện lập pháp đồng ý. Tu chính hiến pháp làm gia tăng quyền lực tổng thống và viện lập pháp. Thành viên Viện Lập Pháp cũng được tăng từ 164 lên 225.

Thị trưởng Đài Bắc đương nhiệm là ông Trần Thủy Biên (Chen Shui Bian), thuộc Dân Tiến Đảng. Ông Biên được xem là người có khả năng ra tranh cử tổng thống năm 2000 chống lại liên doanh Quốc Dân Đảng của phó tổng thống Liên Chiến (Lien Chan) và thủ tướng Tiêu Vạn Trường (Vincent Siew). Chức vụ tổng thống Đài Loan có một nhiệm kỳ bốn năm và không được tái ứng cử.

Người được Quốc Dân Đảng đưa ra tranh cử thị trưởng là ông Mã Anh Cửu (Ma Ying Jeou), cựu bộ trưởng tư pháp. Ông Cửu có tiếng là người "trong sạch" của Quốc Dân Đảng, trong khi một số đồng lãnh tụ còn "bê bối". Người thứ ba ra tranh cử là ông Vương Kiến Huyền (Wang Chien Shien), một cựu bộ trưởng tài chánh ly khai Quốc Dân Đảng, nay là tổng bí thư Tân Đảng. Theo sự thăm dò hiện nay, ông Biên và

ông Cửu sẽ về sát cánh.

Thị trưởng Cao Hùng là ông Ngô Đôn Nghĩa (Wu Den Yih) đã hai lần thị trưởng. Đối thủ của ông là Tạ Trương Đình (Frank Hsieh), cựu liên danh phó tổng thống với ông Bành Minh Mẫn (Peng Ming Min) của Dân Tiến Đảng trong năm 1996. Cuối cùng hai chủ tịch bang giao giữa hai bờ eo biển Cổ Chấn Phủ (Koo Chen Fu) và Ưng Đạo Hàm (Wang Dao Han) sẽ gặp lại vào tháng 10 ở Bắc Kinh. Hai vị này đã chính thức gặp nhau lần đầu tiên ở Sin ga po trong năm 1994, nhưng Bắc Kinh đã cho đình chỉ bang giao sau chuyến đi bán chính thức của tổng thống Lý Đăng Huy ở Mỹ (đọc diễn văn ở trường đại học Cornell) trong năm 1995.

Dù vậy trong ba năm qua, nhiều nhân vật Đài Loan trong chính quyền hay đối lập vẫn có dịp sang Bắc Kinh như cựu ứng cử viên tổng thống Lâm Dương Cảnh (Lin Yang Gang), tổng bí thư Dân Tiến Đảng Khưu Nghĩa Nhân (Chiou I Jen), phó chủ tịch hội bang giao Đài Loan Hứa Huệ Hựu (Shui Hwei You) vv..... Trái lại, một bộ trưởng khoa học kỹ thuật của Bắc Kinh là bà Chu Lệ Lan (Zhu Li Lan) sang viếng thăm Đài Bắc trong tháng 7 vừa qua. Để tránh phiền phức về chính trị, Bà Lan chỉ tham gia trong phái đoàn với tư cách một cựu giáo sư đại học Bắc Kinh.

Cuộc gặp lại giữa hai vị chủ tịch được xem là quan trọng sau chuyến công du ở Trung Quốc của tổng thống Mỹ Clinton.

Hà Nội bắt đầu thú nhận kinh tế suy thoái

Những con số của nhà cầm quyền Hà Nội thường rất khó hiểu. Tháng 5-1998 vừa qua, trong một cuộc họp báo truyền hình rất long trọng, cuộc họp báo truyền hình đầu tiên trong đời ông, tổng bí thư Lê Khả Phiêu tuyên bố tình hình kinh tế vẫn khả quan, mức độ tăng trưởng vẫn ở mức 8,7%, nghĩa là rất gần với chỉ tiêu 9% được định cách đây một năm. Rồi ngay sau đó các cấp lãnh đạo khác lại nói mức tăng trưởng 6%, rồi 5%, rồi 4%. Có khi cùng một lúc nhiều vị đưa ra nhiều con số khác nhau. Bí ẩn

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

nhất là con số xuất cảng. Nhà nước "than phiền" rằng mức tăng trưởng của xuất khẩu đã giảm sút. Như thế nghĩa là vẫn tăng hơn năm ngoái nhưng chỉ có không tăng nhanh mà thôi. Mặt khác nhà nước lại tuyên bố là ngạch số xuất cảng sang các nước Châu Á giảm đi khoảng 25%. Các nước này mua hơn 60% số xuất cảng của Việt Nam. Muốn giữ nguyên mức độ xuất cảng, chưa nói tới gia tăng, thì số xuất cảng sang các nước ngoài Châu Á phải tăng gần 40%. Thật vậy sao? Nếu quả thực có thành tích rực rỡ này thì sao nhà nước không công bố. Có một cái gì rất bí mật.

Thế rồi đầu tháng 10, nhà nước chính thức công nhận tổng số xuất cảng đã giảm. Riêng Sài Gòn, thành phố năng động nhất cả nước, xuất cảng trong 9 tháng đầu năm được đánh giá là giảm 3% so với cùng thời kỳ năm trước.

Một ước lượng khác cho hay tổng số đầu tư vào Việt Nam trong năm 1998 sẽ chỉ đạt tới 1,5 tỷ USD là cùng. Năm 1997, con số này là 2,4 tỷ USD.

Ngày 30-9, một bài báo trên tờ Nhân Dân, thuật lại lời ông Phan Văn Khải trong một hội nghị các ủy ban nhân dân, báo động rằng thu nhập của nhà nước đang có sút giảm và do đó các cơ quan nhà nước phải tiết kiệm tiền hội họp, chiêu đãi, di chuyển, v.v...

Hà Nội chấp nhận công bố ngân sách

Cho tới nay ngân sách vẫn được chính quyền coi là một bí mật nhà nước, dân chúng không ai được biết. Trước áp lực của các nước và định chế ân nhân, chính quyền cộng sản đã chấp nhận công bố ngân sách kể từ năm nay. Hà Nội cũng cho biết sẽ công bố luôn ngân sách của năm ngoái.

Thử xem việc công bố ngân sách có nguy hại gì cho an ninh quốc gia không và Hà Nội chi bao nhiêu cho giáo dục, y tế và xã hội.

Ngoại giao ngớ ngẩn

Bài học sơ đẳng của những nhà ngoại giao là không nên phát biểu về những vấn đề nội bộ của quốc gia nơi mình đang làm nhiệm vụ, nhất là phát

biểu một cách bẽ phái. Nhưng ông Trần Huy Chương, đại sứ Việt Nam tại Kampuchea, đã lên tiếng công khai bên phe Hun Sen và còn đả kích các đảng đối lập Kampuchea là phá rối trị an, âm mưu lật đổ chính quyền và phá hoại kết quả của một cuộc bầu cử mà ông cho là trung thực.

Phát biểu của ông Trần Huy Chương quả là một sự ngu ngốc. Trước hết nó không có ích lợi gì cho chính Hun Sen vì chẳng ai tin ở sự đánh giá đúng đắn của chính quyền Việt Nam về một cuộc bầu cử cả. Nó còn gây căm thù với đối lập Kampuchea. Vào giữa lúc mà các phe phái đối lập Kampuchea đang hô hào bài bác, có khi còn khuyến khích bạo hành, người Việt ở Kampuchea, lời tuyên bố vô ý thức này không những vô ích, trái qui luật ngoại giao, mà còn gây nguy hiểm cho đồng bào Việt Nam tại Kampuchea.

Và nếu ông Trần Huy Chương đã nói theo chỉ thị của Hà Nội thì sự ngu dại lại còn lớn hơn.

Lại xuất cảng lao động

Khi kinh tế chao đảo nặng và không còn biện pháp thoát hiểm nào khác, bộ chính trị, cơ quan quyền lực cao nhất, đành phải ra một nghị quyết về một vấn đề đáng lẽ không mấy quan trọng là vấn đề xuất khẩu lao động.

Chỉ thị của bộ chính trị Đảng Cộng Sản Việt Nam, được báo Nhân Dân đăng lại, nhận định là cần phải "mở rộng và đa dạng hóa" việc xuất khẩu lao động một cách phù hợp với sinh hoạt kinh tế thị trường.

Việc xuất khẩu lao động đã bắt đầu từ năm 1980 sang Liên Xô cũ và các nước cộng sản cũ tại Đông Âu. Những người được tuyển đi lao động chỉ được hưởng một phần lương, phần còn lại dùng để trả nợ. Từ năm 1985 trở đi nó trở thành một quốc sách, trong ban chấp hành trung ương đảng có tới năm ủy viên phụ trách về vấn đề này. Trong khoảng thời gian 1985-1990, xuất khẩu lao động là nguồn ngoại tệ chính của Hà Nội.

Sau khi khối cộng sản sụp đổ, việc xuất khẩu lao động giảm hẳn, một phần lớn những người được gửi đi lao động

cùng xin tị nạn và ở lại nước ngoài. Kể từ 1989, đầu tư nước ngoài trở thành nguồn ngoại tệ chính và vấn đề xuất khẩu lao động hầu như không đặt ra nữa. Con số người Việt Nam còn đang lao động ở nước ngoài hiện nay được ước lượng là 50.000 người.

Trước sự sút giảm trầm trọng của đầu tư nước ngoài, Hà Nội muốn phục hồi việc xuất khẩu lao động để giải tỏa bớt áp lực của nhu cầu ngoại tệ đang khiến họ khó chống trả các áp lực đòi cải tổ của các nước và định chế tài trợ cho Việt Nam. Nhưng xuất khẩu lao động lần này sẽ rất khó, vì thị trường lao động Đông Âu không còn nữa, các nước Châu Á cũng đang gặp khó khăn; còn các nước phát triển thì đang cố tìm cách hồi hương những người lao động nước ngoài đang ở nước họ. Đây chỉ là một biện pháp vá vú của một chế độ túng quẫn.

Đòi cho Đoàn Viết Hoạt được trở lại Việt Nam

Ngày 30-9-1998, Hiệp Hội Báo Chí Thế Giới (WAN) cho hay họ đã gửi thư cho ông Trần Đức Lương yêu cầu nhà cầm quyền Việt Nam để giáo sư Đoàn Viết Hoạt được trở lại Việt Nam. Tổ chức WAN nhận định rằng việc phóng thích các tù nhân chính trị bị bắt giam trái phép nhưng lại buộc họ rời khỏi Việt Nam không hề chứng tỏ một ưu tư tôn trọng nhân quyền nào cả. Tổ chức WAN năm nay đã tặng Đoàn Viết Hoạt giải thưởng Ngòi Bút Vàng.

Ngay khi tới Bangkok trên đường đi Hoa Kỳ gặp lại gia đình, Đoàn Viết Hoạt đã tuyên bố ông phải rời Việt Nam vì đó là điều kiện Hà Nội đưa ra để trả tự do cho ông. Đoàn Viết Hoạt cho biết sẽ trở lại Việt Nam ngay khi tình hình cho phép. Mặt khác, ông Hoạt cũng cho hay là ông đã chấp nhận xuất ngoại vì thấy cũng cần cập nhật hóa kiến thức sau nhiều năm bị cô lập với thế giới bên ngoài.

Một lý do khác đã khiến Đoàn Viết Hoạt chấp nhận ra đi là vì sức khỏe của ông quá suy yếu và cần được điều trị. Cuối tháng 9 vừa qua, trong một cuộc khám nghiệm thường lệ, Đoàn Viết Hoạt đã bị giữ lại bệnh viện điều trị

THỜI SỰ... TUYÊN TỨC... THỜI SỰ...

trong năm ngày sau khi bác sĩ nhận ra những dấu hiệu đáng lo ngại. Ngoài sự suy nhược tổng quát, ông Hoạt còn hai bệnh nặng là sạn thận và áp huyết rất cao, ở mức thường trực trên 20.

Tay không che được nắng

Trên đây là tựa đề của một bài báo trên tờ Nhân Dân, cơ quan của Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, đả kích các cơ quan thông tấn phương Tây là đã xuyên tạc ý nghĩa nhân đạo của quyết định ân xá trên 5.000 tù nhân, trong đó có khoảng 15 tù nhân chính trị.

Bài báo đả kích đích danh đài RFI vì chương trình Việt ngữ của RFI ngày 7-9-1998 đã nhận định rằng việc phóng thích các tù nhân chính trị là do thành quả những vận động tại hải ngoại đã gây một áp lực quốc tế lên Hà Nội. Đài RFI cũng nhận định rằng việc phóng thích một số tù nhân chính trị là do một thỏa hiệp giữa Hà Nội và Washington. Tuy không nhắc tới tên Đoàn Viết Hoạt, bài báo cũng đã bày tỏ sự bức tức khi đài RFI phóng vấn ông.

Tác giả bài báo tỏ ra rất ngạc nhiên về thái độ của RFI và đặt câu hỏi: "Tại sao việc ân xá các phạm nhân lại có thể do áp lực từ bên ngoài hay do sự mặc cả với các nước ngoài?". Rồi sau đó tác giả nhắc lại chính sách khoan hồng trước sau như một của nhà nước cộng sản và cũng nhắc lại rằng tới năm 2000 sẽ còn một đợt đại xá. Đợt đại xá này, vẫn theo bài báo, cũng là để kỷ niệm "70 năm đất nước được đặt dưới sự lãnh đạo sáng suốt của đảng cộng sản". Cuối cùng bài báo khuyên các cơ quan truyền thông phương Tây nên mau quay lại đường ngay lẽ phải thay vì xuyên tạc và bôi nhọ, bởi vì bàn tay không che được mặt trời.

Có cần một dẫn chứng về chính sách khoan hồng nhân đạo hoàn toàn không do áp lực từ bên ngoài của đảng cộng sản không?

Đầu năm 1993, ba người Việt Nam cùng bị một tổ chức kháng chiến bị bọm dụ dỗ và gởi về Việt Nam. Đó là các ông Phạm Anh Dũng, Lê Hoàn Sơn và Phạm Văn Thành. Trong ba người này, Phạm Anh Dũng thuộc hàng lãnh

tự, Lê Hoàn Sơn tham gia, còn Phạm Văn Thành chỉ có công tác làm vệ sĩ cho Phạm Anh Dũng. Vì tổ chức một cách tay mơ, họ bị bắt ngay khi về tới Việt Nam và chưa hoạt động được gì. Phạm Anh Dũng bị kết án 20 năm tù, Lê Hoàn Sơn 14 năm và Phạm Văn Thành 12 năm.

Nhờ Phạm Anh Dũng có quốc tịch Pháp nên đã được hưởng "chính sách khoan hồng hoàn toàn do động cơ nhân đạo" không chịu bất cứ áp lực nào của nhà nước cộng sản, còn Lê Hoàn Sơn và Phạm Văn Thành vẫn ở tù. Bộ ngoại giao Pháp giải thích họ chỉ có thể can thiệp cho ông Dũng mà thôi vì ông ta có quốc tịch Pháp, còn hai ông Sơn và Thành chỉ là người Việt tị nạn tại Pháp thôi nên họ không can thiệp được.

Gia đình hai ông Lê Hoàn Sơn và Phạm Văn Thành đều trong hoàn cảnh bi đát. Bà Sơn và bà Thành đều có con nhỏ (bà Thành có một đứa con chưa thấy mặt cha vì ra đời sau khi bố đã bị bắt), họ sống và nuôi con với đồng lương công nhân ít ỏi, không đủ để về thăm nuôi chồng.

Nguyễn Huy Thiệp nói chuyện tại Mỹ

Ít ai còn nhớ Nguyễn Huy Thiệp đã tới Mỹ lần đầu cách đây một năm hay hai năm, ông ít tiếp xúc và không tuyên bố gì. Chuyến đi trước đây đã làm những người đã quý mến Nguyễn Huy Thiệp qua "Tướng Về hưu" thất vọng. Họ càng ít lý do để chú ý tới Nguyễn Huy Thiệp vì từ gần mười năm qua ông không còn tác phẩm nào nữa, ông chuyển qua nghề về tranh trên sứ kiếm ăn và sống hầu như an phận.

Lần này sang Mỹ, nhân dịp xuất bản lại các tác phẩm của ông (được dịch ra nhiều thứ tiếng). Nguyễn Huy Thiệp đã tỏ ra thoải mái và cởi mở hơn và tiếp xúc nhiều hơn. Ông cũng đã bắt đầu viết trở lại. "Tôi là nhà văn nông dân", Nguyễn Huy Thiệp khẳng định như vậy trong một buổi nói chuyện tại Đại Học Berkeley, California. Với lối nói đặc biệt của ông, Nguyễn Huy Thiệp phát biểu: "Đáng lẽ tôi đã phải tới Berkeley từ 10 năm trước, nhưng đất nước và con

người Việt Nam lúc nào cũng tụt hậu từ 10 tới 20 năm. Chúng ta luôn luôn bỏ lỡ cơ hội".

Về tinh thần các sáng tác của ông Nguyễn Huy Thiệp trình bày rằng sau chiến tranh, người dân quê về làng chờ đợi rất nhiều, nhà ở, tivi, hạnh phúc, v.v... Ông muốn viết về họ và cuộc phấn đấu hàng ngày của họ, về miếng cơm manh áo, tình yêu, cái chết và cố gắng thích nghi với cuộc sống.

Về tình trạng hiện nay của văn nghệ sĩ và cũng phần nào về chính ông, Nguyễn Huy Thiệp nói rằng không đâu như ở Việt Nam số phận văn nghệ sĩ bị ràng buộc chặt chẽ với chính trị và thời cuộc. Ông đã có thể viết trở lại bởi vì chính quyền Việt Nam đang bối rối, tư bản ngoại quốc đang rút ra. Ông tiên đoán sắp có một đợt cởi trói tương tự như những năm 1986, 1987.

Nguyễn Huy Thiệp đã được biết đến trong đợt cởi trói văn nghệ cho phép một số tác phẩm phản kháng, trong đó có những tác phẩm của ông, được phát hành. Nhưng khác với nhiều nhà văn nổi lên trong đợt này, Nguyễn Huy Thiệp đã lập tức được nhìn nhận như một nhà văn lớn và độc giả trong cùng như ngoài nước đã chú ý tới phẩm chất văn học của các tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp hơn là tới lập trường chính trị.

Cải tổ hành chính: tay cởi tay buộc

Ông Nông Đức Mạnh, chủ tịch quốc hội và cũng là nhân vật thứ tư trong bộ chính trị đảng cộng sản, trong một diễn văn đọc trước hội nghị các ủy ban nhân dân và được báo Nhân Dân đăng lại ngày 1-10-1998, đề nghị gia tăng vai trò của các chính quyền địa phương.

Ý kiến này tự nó là cần thiết, nó có thể giảm đi hóa các thủ tục hành chính và có thể có tác dụng thực tiễn là giải quyết tình trạng tập trung quá đáng tại các thành phố lớn. Lý do chính khiến Hà Nội và Sài Gòn ứ đọng người và tắc nghẽn giao thông trầm trọng là vì ở đó tiện xin giấy tờ vì có các cơ quan đủ thẩm quyền. Ứ đọng tại Sài Gòn và Hà Nội đã gây ô nhiễm đến độ người ra

THỜI SỰ... TON TỨC... THỜI SỰ...

đường phải đeo mặt nạ để che bụi, dần dần có thể khiến người Việt Nam trở thành xa lạ với nhau vì không còn nhìn được mặt nhau.

Tuy nhiên, vừa mới đề nghị nói rộng quyền hạn của các chính quyền địa phương (ông Mạnh không xác định nói rộng đến mức độ nào), ông Mạnh đã vội và tự điều chỉnh bằng cách nói cần phải song song tăng cường cơ cấu của đảng tại các địa phương để bảo vệ "nhà nước của công nhân". Như thế có nghĩa là các chính quyền địa phương sẽ được thẩm quyền lớn hơn nhưng đồng thời sẽ bị trung ương kiểm soát chặt chẽ hơn? Tay này cởi, tay kia trói. Các cấp địa phương sẽ thích có ít quyền nhưng được hành xử hay có nhiều quyền nhưng bất lực?

Các cấp lãnh đạo đảng cộng sản hình như không hề biết ngừng khi nói những điều vô lý. Ông Đỗ Mười cũng vừa đọc một bài diễn văn hùng hồn tại Hưng Yên ngày 29-9-1998 mạnh mẽ lên án tham nhũng và đạo đức suy đồi. Ông tố giác các quan chức "tham nhũng, quan liêu bần giấy, vi phạm luật pháp, xâm phạm quyền lợi của nhân dân". Nhưng ông Đỗ Mười hoàn toàn không thấy trách nhiệm của chính ông, người đã điều khiển đảng và nhà nước trong hơn mười năm và mới từ già quyền lực chưa đầy một năm.

Linh mục Chân Tín lên tiếng về tự do tín ngưỡng

Phản ứng mạnh mẽ và dứt khoát trước những lời phát biểu của ông Lê Khả Phiêu, tổng bí thư Đảng Cộng Sản Việt Nam, tại hội nghị công tác tôn giáo họp tại Hà Nội trong hai ngày, từ 22 đến 23-6-1998, và chỉ thị ngày 2-7-1998 của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương đảng cộng sản quy định chính sách mới về quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, từ Vũng Tàu ngày 10-7-1998, linh mục Chân Tín đã gửi một bức thư riêng cho Hồng y Phạm Đình Tụng để thỉnh cầu nhân vật đứng đầu hàng giáo phẩm Công giáo Việt Nam này lên tiếng bác bỏ những quan điểm sai trái về tôn giáo.

Theo cha Chân Tín, trái với những lời họ tuyên bố trong thực tế hiện nay

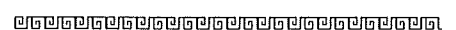
Đảng và Nhà nước vẫn gây nhiều khó khăn cho các giáo hội, hạn chế hoạt động tôn giáo và làm khó dễ trong việc đào tạo các chức sắc và các tu sĩ của Giáo hội, bóp nghẹt các giáo hội bằng cách hạn chế việc chiêu sinh: Việc tuyển chọn chủng sinh và các giáo sư chủng viện phải lệ thuộc sự chấp thuận của Nhà nước, việc tổ chức của các chủng viện phải chịu đủ thứ hạn chế, chẳng hạn ấn định tỷ số về chủng sinh. Cha Chân Tín vạch ra rằng từ 1975 đến 1989, không có một khóa đào tạo nào trên toàn thể đất nước. Và từ 1989 đến nay có đôi đôi chút nhưng không thấm vào đâu. Để mô tả thảm trạng của giáo hội Công giáo cha Chân Tín trích dẫn thư của một giám mục viết sau Hội nghị Thường niên Hội Đồng Giám mục Việt Nam (tháng 10-1997): "*Hội Đồng Giám mục Việt Nam chúng ta hôm nay chỉ có 33 vị. Về tuổi tác, đại đa số nay đã già, về sức khoẻ hầu hết đều bệnh hoạn, hoàn cảnh các linh mục cũng không khác bao nhiêu vì việc đào tạo và phong chức đã bị gián đoạn nhiều năm*". Về vấn đề chủng viện, lá thư ấy nói tiếp: "*Giáo hội Việt Nam trước đây có hàng chục Đại và Tiểu chủng viện... nhưng hiện nay chúng ta chỉ có 6 Đại chủng viện cho toàn quốc với tổng số 752 chủng sinh. Cơ sở vật chất thì chật chội, ban giảng huấn thì vừa cao niên vừa thiếu hụt. Từ lâu Hội Đồng Giám mục đã xin phép mở thêm 2 đại chủng viện nữa nhưng đến nay vẫn chưa được*" (Tin Nhà, số 31 trang 13).

Tố cáo mạnh mẽ cộng sản nuôi ý đồ khống chế tôn giáo, cha Chân Tín viết: "*Tự do in sách tôn giáo cũng chẳng có. Nhà nước đòi áp đặt một số luật về in ấn sách kinh tôn giáo. Máy ông vô thần và vô tín ngưỡng lại đòi kiểm soát sách tôn giáo thì thật là ngô nghê. Biết gì về đạo, hiểu gì về đạo mà đòi kiểm soát về giáo lý của các tôn giáo và các hoạt động nội bộ của các tôn giáo*". Cha Chân Tín còn chỉ trích chỉ thị của Bộ chính trị đã nêu ra một điều trái ngược với bản chất tôn giáo khi họ nói rằng "*một số người, không phải là nhà tu hành, truyền đạo vi phạm pháp luật*". Theo cha Chân Tín thì "*không có quyền lực nào cấm tín đồ của một tôn giáo*

truyền đạo cho kẻ khác. Đối với đạo Chúa Kitô đó là một mệnh lệnh, là một nghĩa vụ tối cao của mọi tín hữu phải đem Tin Mừng Cứu Độ cho mọi người, chứ không riêng gì người tu hành mới giảng đạo, Nhà nước không có quyền áp đặt hạn chế đó". Mặt khác chỉ thị của Bộ Chính trị còn yêu cầu "*Chính phủ có quy định và hướng dẫn cụ thể về hoạt động của các Dòng Tu, Tu Hội, lập quy và hoạt động tài chính, hoạt động nhân đạo, từ thiện, hoạt động văn hóa nghệ thuật của các tôn giáo*".

Như vậy là chính quyền lăm le áp đặt nay mai nhiều luật lệ phá đạo. Một vấn đề quan trọng khác là vấn đề các dòng tu, các tu hội. Cha Chân Tín viết: "*Trong vấn đề các Dòng Tu và Tu Hội, các Bề Trên Dòng Tu cùng với Hội Đồng Giám mục phải có tiếng nói và đưa ra đường hướng để tránh sự lệch lạc của mấy người vô thần duy vật muốn định đoạt sinh hoạt của những người tu hành dẫn thân phục vụ con người nói chung và con người Việt Nam nói riêng*". Xác tín rằng chính sách tôn giáo của đảng cộng sản vẫn trước sau như một, nghĩa là chống phá tôn giáo, chưa có gì đổi mới, cha Chân Tín kết thúc thư gửi cho Đức Hồng y Phạm Đình Tụng bằng một lời thỉnh cầu có hương vị thúc dục: "*Đức Hồng Y và Hội Đồng Giám mục Việt Nam cần phải lên tiếng đòi hỏi tự do tín ngưỡng một cách cụ thể, tách riêng trong những vấn đề căn bản của Giáo hội và con mong rằng những vấn đề quan trọng ấy cần được công khai hóa chứ không thể âm thầm gửi cho Nhà nước để rồi lặng lẽ chờ người ta trả lời và không bao giờ có câu trả lời của Nhà nước như thư của Hội Đồng Giám mục gửi cho Nhà nước tháng 10-1997 vừa qua. Cần phải công khai hóa để gây ý thức cho mọi người, để dân Chúa cùng một lòng đấu tranh cho tự do tín ngưỡng*".

Thư của cha Chân Tín đã được cơ quan truyền thông của người Việt ở Đông Âu "Thông Điệp Xanh" phổ biến tại hải ngoại.



THỜI SỰ... TIỀN TỨC... THỜI SỰ...

Tình trạng hỗn loạn ở trong nước

Một độc giả của Thông Luận vừa trở lại Paris, sau một tháng thăm viếng Việt Nam, đã có những ghi nhận dưới đây về tình hình Việt nam. Nhìn chung thì tình hình Việt nam có mấy đặc điểm như sau:

Hỗn loạn: ấn tượng đầu tiên khi du khách đặt chân xuống Việt nam là hỗn loạn và hỗn loạn:

1. trước hết là hỗn loạn trong việc đi lại, xe cộ chạy chằng theo một luật lệ gì cả, muốn đi ngược đi xuôi thế nào cũng được;
2. nhà cửa xây hỗn loạn, không có hàng lối quy củ, cái nhô ra, cái thụt vào;
3. hàng quán hỗn loạn, chiếm cả lề đường;
4. rác rưởi, bụi, khói làm ô nhiễm môi sinh.

Cứ nhìn những biểu hiện hỗn loạn này ta cũng có thể có một chút khái niệm về các sinh hoạt khác như chính trị, kinh tế.

Luật pháp: về luật pháp thì luật này chống luật kia, luật địa phương và trung ương chống nhau. Cách áp dụng luật thì rất tùy tiện, muốn giải thích thế nào cũng được, tùy theo trường hợp mà dựa vào luật này hoặc luật kia. Luật về kinh tế không ổn định, cái này phủ định cái kia nên rất khó làm ăn theo đúng luật. Cách hay nhất là phải biết luồn lách!

Cách đối xử với nhau: đặt nặng về tiền bạc, còn tiền còn tình nghĩa, còn chèo kéo, còn anh em. Nguyên tắc này không phải chỉ áp dụng giữa các người làm ăn với nhau mà còn diễn ra trong gia đình, giữa những người thân với nhau. Đạo đức xuống cấp.

Cách làm việc chung với nhau: không có chữ tín, hay lật lọng: giao hẹn một đảng, đến khi làm thì lại làm một nẻo. Những thí dụ cụ thể: lúc thuê xe đạp để đi chơi thì chủ thuê nói giá rẻ, đến khi trả xe đạp thì chủ thuê lại đòi giá khác cao hơn. Có tiệm ăn khi vào ăn thì nói một giá, đến khi tính tiền thì tính một

gia khác, cao hơn. Du khách thường là nạn nhân của cách tính tiền này. Trong công việc làm ăn với những người nước ngoài thì hay lật lọng. Bắt đầu làm ăn thì giao ước chắc chắn với nhau một đảng, đến khi thấy công việc làm ăn khấm khá có vẻ phát triển thì trở mặt làm khó dễ để chiếm phần lợi về mình. Trong công việc làm ăn của các công ty nhà nước thì các nhân viên lãnh đạo đảng của công ty thả cửa xài tiền của công ty (của chùa mà!): hết chiêu đãi này đến chiêu đãi khác, hết ngoại giao này đến ngoại giao khác và thụt két lấy tiền bỏ túi. Đến khi tình hình nguy kịch, tiền quỹ công ty thâm thủng quá không thuốc chữa thì cho đốt công ty để phi tang. Mới vừa đây ở Sài gòn có một công ty quốc doanh làm giấy dếp bỗng nhiên cháy. Dư luận bên trong công ty cho biết là nhóm lãnh đạo đảng của công ty thâm thủng tiền bạc quá nhiều, đã cho đốt công ty để phi tang. Thêm một nét đặc biệt nữa trong công việc làm ăn: các quyết định thường tùy hứng và ở nơi bàn tiệc, không có thiết lập chương trình, dự án rõ ràng.

Về đảng viên của đảng cộng sản: Vào đảng là để được hưởng đặc quyền đặc lợi. Các đảng viên được nhiều đặc quyền ưu đãi. Quyền đầu tiên là quyền không bị luật pháp nhà nước chi phối. Đảng viên mà có tội thì nhà nước không được bắt và xét xử, phải giao về cho đảng để đảng xử lý nội bộ. Việc xử lý nội bộ này rất kì cục: thường là chuyển đi nơi khác, có khi được thăng chức. Nhà nước chỉ được quyền xét xử đảng viên khi đảng viên đã bị đảng tước bỏ thẻ đảng viên. (Nhớ lại thời nhà Chu - Tây Chu - bên Trung quốc giới quý tộc [(đại phu] cũng được ưu đãi như vậy, họ không bị xét xử theo hình luật mà được xét xử theo lễ, nghĩa là theo tục lệ của giới quý tộc, không bị nhục hình, có quyền lấy tiền để chuộc tội, chỉ có dân thường [thứ dân] phạm tội mới bị xét xử theo hình luật. Bây giờ sắp bước vào thế kỉ 21 mà cách đối xử với con người vẫn như thời phong kiến xưa cách đây hơn ba ngàn năm!). Ta càng thấy rõ quyền ưu đãi các đảng viên khi ta về tỉnh và các vùng thôn quê. Đến một vùng nào đó,

cứ thấy các cơ sở đẹp đẽ và to lớn nhất thì đó là cơ sở của đảng hoặc nghĩa trang liệt sĩ; cứ thấy nhà dân, cái nào đẹp nhất là của bí thư đảng và cứ thấy xe Honda nào “xịn nhất” thì cũng là của bí thư đảng. Tại các vùng quê, đảng viên là các ông trời con, các cường hào ác bá mới. Người dân Việt ở đây thường cam chịu và chấp nhận, không có máu tranh đấu, đòi hỏi như người dân trong các nước phương Tây. Phải chăng đó là do hệ quả của đặc tính cam chịu và chấp nhận hoàn cảnh của người nông dân Việt nam? Liệu sự cam chịu này có kéo dài vô hạn định không hay có thể đột nhiên chấm dứt như ở Thái Bình?

Vào dịp kỉ niệm ngày liệt sĩ 27/7 đảng tổ chức rầm rộ các buổi viếng các nghĩa trang liệt sĩ, cho chiếu các phóng sự tìm mồ mả các liệt sĩ đã bỏ mình trong cuộc chiến tranh với miền Nam, các quang cảnh các buổi trao tặng nhà tình nghĩa cho các thân nhân gia đình liệt sĩ. Những người này đã chiến đấu cho cái gì? Cho sự nghèo đói, cho sự độc tài, nếu không phải là cho sự bất bình đẳng hiện nay? Trong buổi chiếu phim phóng sự về đoàn đại biểu “đại đội nữ pháo binh Ngự thủy” viếng thăm Hà nội trên truyền hình, có một chị nữ pháo binh đã trả lời câu hỏi của một phóng viên hỏi về Ngự Thủy ngày nay ra sao: “đã ba mươi năm sau ngày đánh tàu Mĩ mà Ngự thủy vẫn như vậy”. Thật là chua xót cho những hi sinh của các người Ngự thủy này. Và những người đã sống ở miền Nam sau 1954. trước 1975 không khỏi đau lòng cho các chiến sĩ Việt nam Cộng hoà tranh đấu cho tự do, cho quyền tư hữu, cho sự phú cường của đất nước đã bị mất xác, bị thương tật (mà đang bị bỏ rơi).

Những diễn biến ở Việt nam làm những người tị nạn cũ về thăm nhà liên tưởng tới chủ trương pháp trị của Hàn Phi thời Tần Thủy Hoàng bên Trung quốc: độc tài chính trị, tự do kinh tế. Một chủ trương cổ lỗ đã 2000 năm của Trung quốc mà đang có những người cộng sản Việt nam noi theo và đem áp dụng cho đồng bào ở thế kỉ 21 này!

(N.T ghi)

Theo nguồn tin của ký giả Jim Puzanghera thuộc báo Mercury News ở Hoa Thịnh Đốn, đọc được ở San Jose ngày thứ Bảy 3-10-98 thì ngoại trưởng Việt Nam Nguyễn Mạnh Cầm đã hội đàm với ngoại trưởng Mỹ Madeleine Albright nhân dịp ông viếng thăm nước Mỹ trong 3 ngày tiếp theo lời mời của bà Albright. Trong cuộc họp báo ngày thứ sáu 2-10, ông Cầm một mặt phủ nhận sự liên hệ giữa cuộc đặc xá tháng trước tha tù cho hơn 5000 người với cuộc hội đàm của ông với chính quyền Mỹ. Ông Cầm dịp này vẫn lặp lại luận điệu quen thuộc theo đó ở Việt Nam không hề có người tù chính trị mà chỉ có những người tù thường phạm. Tuy vậy người cầm đầu ngành ngoại giao cộng sản lại loan báo rằng trước cuối năm nay chính quyền Việt Nam sẽ còn đặc xá thêm một đợt mới nữa. Sau hết, ông Cầm không quên đưa ra nhận định rằng sự hợp tác về kinh tế giữa hai nước Mỹ Việt hãy còn quá khiêm nhường.

Báo giới Mỹ cho rằng chuyển đi của ông Cầm là để tìm kiếm nói phía Mỹ một thỏa ước về kinh tế mở đường cho quy chế "tối huệ quốc" mà Việt Nam đang đổ mắt trông chờ!. Nhân viên đặc trách báo chí của bộ ngoại giao Mỹ cho biết rằng quy chế tối huệ quốc cho Việt Nam là đối tượng của cuộc hội đàm ngày thứ Tư vừa qua giữa hai ngoại trưởng Mỹ, Việt. Tưởng cũng nên nhấn mạnh rằng cuộc thảo luận Mỹ Việt đã mang màu sắc của một cuộc mặc cả - tuy cả hai bên đều không nói trắng ra như thế - phía Mỹ muốn Việt Nam thực hiện ngay những đổi mới để cải thiện môi trường kinh doanh nhờ đó kinh tế Việt Nam trở nên hấp dẫn hơn nữa đối với giới đầu tư nước ngoài. Sau khi cho biết là bà Albright đã khuyến cáo ông Cầm như vậy, người phụ trách báo chí của bộ ngoại giao Mỹ kết luận rằng những cải tổ theo chiều hướng đó sẽ tạo thuận lợi cho thỏa hiệp về kinh tế và còn nói thêm rằng Mỹ hoan nghênh việc nhà cầm quyền Việt Nam vừa trả tự do cho một số đối lập chính trị và tôn giáo đồng thời Mỹ khuyến khích Việt Nam hãy

Thu độc giả

Vấn có tiến bộ

Tôi thường đọc trên Thông Luận những bài nhận định cho rằng kinh tế Việt Nam đã bắt đầu khủng hoảng từ đầu năm 1996 khi chuẩn bị Đại Hội VIII. Tôi đã về thăm Việt Nam mùa hè 1996 và cũng vừa mới về thăm quê nhà tháng 7 năm nay. Khách quan mà nói, tôi thấy vẫn có tiến bộ, nhà cửa xây lên nhiều hơn trước, đời sống những người thân của tôi cũng khá hơn trước. Chỉ bây giờ mới thấy bắt đầu khó khăn, một số người đã mất việc làm, những người buôn bán bắt đầu than hàng hóa ế ẩm. So với năm 1996 quả là có tiến bộ về nhiều mặt, chỉ trừ khách sạn thì vắng hẳn, đường bay nội địa cũng vắng, các công ty du lịch ế ẩm. Một số nhà lớn đang xây dựng cũng bỏ dở.

Một điều không biết tiến bộ hay là nguy cơ là đường sá kẹt kinh khủng. Có những quãng đường, xe hơi, xe Honda, xe đạp lấn nhau từng phân một, chặt ních như một cuộc biểu tình. Ô nhiễm cũng tăng cao, số người đeo mặt nạ tránh bụi khá đông. Người quen không nhận ra nhau nữa, phải nhìn xe mới nhận ra người. Nhiều cầu lớn đã hư hỏng, đường nhiều ổ gà hơn năm 1996 mà ít thấy sửa chữa.

Thông Luận giải thích thế nào là khủng hoảng đã có từ 1996 mà đến 1998 nói chung vẫn thấy khá hơn?

Antoine Trần (Paris)

LTS: Khi một cuộc khủng hoảng bắt đầu thì phải một hai năm sau hậu quả mới thấy được rõ rệt. Như ông đã viết rất trung thực, chúng ta bắt đầu nhìn thấy hậu quả. Các doanh nhân thì đã thấy khó khăn từ khá lâu rồi.

đẩy mạnh việc tôn trọng nhân quyền nhất là về mặt tự do tôn giáo. Về phía Việt Nam không thấy có quan điểm gì đặc biệt cụ thể để trao đổi với phía Mỹ ngoại trừ lời loan báo sẽ có đặc xá bổ túc trước cuối năm nay. Cuộc mặc cả không chính thức tạm thời ngưng lại trong tình trạng Việt Nam ngày càng lún sâu xuống cuộc khủng hoảng không có đổi mới. Một lối thoát còn ở đằng trước.

Bơm xe

Kỳ này về quê nhà sao tôi thấy buồn. Tính tình người dân thay đổi quá so với mấy năm trước, sợ nhất là người Hà Nội, họ dữ tợn đến độ tôi phải tránh mặt không dám đụng đến. Ông tài xế taxi đã bằng lòng chở tôi đi sau khi đã ngã giá, đi được một đoạn đường ông dừng lại và nói là phải trả giá khác, về mặt đe dọa. Một lần đi với một cặp vợ chồng bạn người Pháp muốn mua hàng, người bán hàng nói thách, cặp vợ chồng bạn muốn trả giá nhờ tôi dịch giùm, người bán hàng bằng lòng bán nhưng nguýt tôi một cách căm hờn như tôi đã ăn cắp của bà ta. Bà ta nói: "Tây mà cũng trả giá à!".

Người Sài Gòn đờ hơn, nhưng tôi cũng chứng kiến một vụ chửi bới dễ sợ tại chợ Bà Chiểu. Hai cô nữ sinh con nhà lành trả giá để mua trái cây, bà bán hàng bằng lòng. Biết là mình đã hổ, hai cô này chỉ mua nửa ký. Thế là bà bán hàng gầm lên, chửi hai cô một cách tục tĩu, rồi mấy bà bạn hàng chung quanh cũng xúm nhau lại chửi. Thật tội nghiệp cho hai cô bé. Tôi không dám bênh. Chỉ có ở Nha Trang là tôi thấy con người còn hiền lành, thực thà. [...]

Con đường gần nhà tôi mở rộng mặt đường, nhưng cột đèn lại không dời đi, thành ra cột đèn ở giữa lòng đường. Ban đêm đi xe máy không để ý rất nguy hiểm. Thân nhân tôi nói, đến khi ông nhà đèn tới dời cột đèn đi thì họ sẽ đào đường lên để lại một cái hố và không biết bao giờ mới lấp. [...]

Cháu tôi mất một chiếc xe Honda, ít lâu sau được công an phường báo đã bắt được tên trộm và gọi đến lấy xe. Đến nơi họ hỏi bằng lòng trả tiền "bơm xe" bao nhiêu. Ngã giá một cây, nhưng công an lại đòi thêm một bữa nhậu, tốn mấy trăm ngàn. Tưởng đâu đã xong, không dè ông trưởng công an phường đi vắng về nói rằng "bơm xe" như thế rẻ quá, ông ta đòi thêm một bữa nhậu nữa và lần này phải ở một tiệm do họ chọn. Vừa giận vừa sợ không biết sẽ còn phải trả bao nhiêu nữa, cháu tôi làm đơn thưa lên công an quận. Đến nay hơn ba tháng vẫn chưa lấy lại được xe.

Nguyễn Lương (Torcy)

Thu độc giả

Mạn đàm

Số báo 118 có bài "Tổ quốc ta" được xếp vào mục mạn đàm.

Vấn đề nêu lên, như tác giả viết: "...là những suy tư tôi đã khát lần trong năm...". Một năm qua đã không phải là những suy tư vội vàng? Lý lẽ đưa đến kết luận: "Chúng ta ngộ nhận khi nghĩ rằng lòng yêu nước của người Việt rất cao, trong khi thực ra nó rất thấp".

Để giải thích về tiêu chuẩn cao thấp, tác giả bình luận về thời Xuân Thu Chiến Quốc: "...Tần Thủy Hoàng bình hùng tướng mạnh như thế, gồm thâu cả lục quốc mà rồi khi thống nhất Trung Quốc không làm gì hơn là xây Vạn Lý Trường Thành, ngăn chặn thay vì tiến công".

Nếu xét riêng về việc thống nhất đất nước Trung Quốc thì Tần Thủy Hoàng đã làm một việc đáng làm. Thống nhất xong, ông ta xây Vạn Lý Trường Thành là bảo vệ đất nước khỏi bị xâm lăng. Một hành động tự vệ, chỉ có lòng ái quốc mù quáng mới nghĩ đến tấn công thay cho ngăn chặn.

Bàn về bổn phận yêu nước, tác giả viết: "Chúng ta cần khẳng định người dân không có bổn phận yêu nước, chính nhà nước và các thành phần ưu tú của đất nước, nghĩa là thành phần trí thức, phải làm cho đất nước đáng yêu".

Yêu nước là một việc, làm cho đất nước đáng yêu là một việc khác. Yêu nước là thứ tình cảm tự nhiên đã trở thành bản năng sinh tồn. Không là một bổn phận, khác với làm cho đất nước đáng yêu. Song người dân phải có bổn phận làm cho đất nước đáng yêu. Không ai có thể tự cho mình cái độc quyền làm cho đất nước đáng yêu, dù là thành phần trí thức.

Đóng góp cho sự phồn thịnh, giàu sang cũng như những đóng góp về văn hóa đất nước ta, tổ quốc ta cần đến mọi thành phần trong xã hội. Và nhất là khi bảo vệ sự phồn thịnh của nền văn hóa chống lại ngăn chặn những cuộc xâm lăng thì hiển nhiên là sự đóng góp thiết thực nhất bằng xương máu, bằng chính mạng sống của mình, người trí thức

đóng góp ít hơn người lao động. Và chẳng, xét cho cùng thì khi có lòng yêu thương rộng rãi mới tạo được chế độ dân chủ, tự do. Không ai có thể bảo đảm chế độ dân chủ, tự do sẽ tạo nên lòng yêu mến đất nước.

Với lý luận: "Không có dân chủ, tự do thì không thể có quốc gia, hoặc chỉ có quốc gia ở dạng bò sát thấp kém". Nhìn lại lịch sử chung của nhân loại trước khi có chế độ dân chủ, tự do, những quốc gia ở dạng bò sát thấp kém đã để lại cho nền văn minh dân chủ, tự do ngày nay một kho tàng văn hóa huy hoàng, đồ sộ. Qua những công trình nghệ thuật âm nhạc, hội họa, kiến trúc và tư tưởng, qua các văn bản sách vở. Nếu không có cái gia tài văn hóa của những "quốc gia thấp kém bò sát đó" chắc chắn chúng ta không có được một nền tảng để xây dựng được một nền văn minh dân chủ, tự do của ngày hôm nay.

Một vài ý kiến mong đóng góp với tờ báo và mong ước nhất là trong những cuộc mạn đàm ở trên tờ báo có thể tránh được những mạn ngữ.

Thái Tuấn

Cụ Thái Tuấn là một nghệ sĩ mà tôi hằng ngưỡng mộ nên tôi rất hân hạnh được cụ lưu ý đến bài viết của mình, dù là để chê trách. Khi viết về Tần Thủy Hoàng xây Vạn Lý Trường Thành tôi chỉ muốn nói là sức mạnh của Trung Quốc chỉ tương đối chứ không hề có ý định chê trách Tần Thủy Hoàng đã không tiến công. Tôi nhận định là Nhà Nước và thành phần ưu tú nhất của đất nước có bổn phận làm cho đất nước đáng yêu. Họa sĩ Thái Tuấn lại nghĩ rằng mọi người phải làm cho đất nước đáng yêu, nếu được như thế thì tôi sung sướng vô cùng.

Còn về tương quan giữa dân chủ và quốc gia, tôi cũng đồng ý là nhân loại đã thừa hưởng một di sản to lớn nhưng với dân chủ tự do loài người đã tiến bộ mau chóng hơn nhiều. Còn về nhận định chỉ có thể có quốc gia đúng nghĩa nếu có dân chủ tôi xin phép cụ Thái Tuấn để giữ nguyên lập trường.

NGK

Mục lục

1. Châu Âu chọn dân chủ xã hội
Thông Luận
2. Xây dựng một Bretton-Woods mới?
Huỳnh Hùng
3. Dân chủ sắp thành hình ở
Trung Quốc?
Nguyễn Phi Phụng
5. Cách nhìn và cách biết
Nguyễn Minh Cần
9. Một bước đường trên đường dài
tự do dân chủ
Nghiêm Phong Tuấn
11. Tư sản văn minh với dân chủ đa
nguyên thay vì tư bản man rợ với
chủ nghĩa xã hội
Tôn Thất Thiện
17. Sự chính thống của hai Nhà nước
Trung Quốc và Việt Nam
Lê Minh Văn
19. Vấn đề xí nghiệp quốc doanh ở VN
Nguyễn Minh
22. Tường thuật về ngày hội thảo
"Việt Nam Việt Nam"
Thanh Vân - Nguyễn Ngọc
25. Ta nên áp dụng thuyết "chính danh"
của Đức Khổng...
Nguyễn Huy Bảo
26. Tin tức thời sự
31. Thư độc giả

THÔNG LUẬN

Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
(tháng 7 và 8 chỉ ra một số)

Địa chỉ liên lạc:

Association VietNam Fraternité,
124bis rue de Flandre
75019 PARIS, FRANCE

Giá báo một năm: Âu Châu 200 FF
hoặc tương đương

Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề
VIET NAM FRATERNITE
(xin dùng đề Thông Luận)